

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT
TẬP II

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC



PL: 2541 - DL: 1997

Lời nói đầu

Kính thưa:

Các bậc Tôn- Túc, quý vị Hoà Thượng, Thượng-Toạ, Đại - Đức, Tăng, Ni và Nam Nữ cư sĩ Phật tử.

Tập 1 Đường Về Xứ Phật được nhà nước cho phép in ấn và phát hành, khi nó đến tay quý vị, chắc chắn sẽ có những điều không vừa ý mong quý vị niệm tình vui lòng tha thứ cho.

Tập 2 sắp chào đời và với tập sách này chúng tôi thành tâm tha thiết kêu gọi lòng chân thành của quý vị hãy hướng về chánh pháp của Đức Phật.

Kính thưa quý vị! Từ xa xưa đến nay, các bậc Thầy Tổ của chúng ta đang lầm lạc tu theo một giáo pháp không đúng của Đạo Phật mà cứ ngỡ tưởng rằng mình đang tu theo giáo pháp chân chánh của Đức Phật.

Giáo pháp chân chánh của Đạo Phật không bao giờ dùng những danh từ trừu tượng rất kêu như: “Chân Không, Phật Tánh, Cực Lạc v.v..” để lừa đảo tín đồ. Giáo pháp chân chánh của Đạo Phật luôn luôn chỉ thẳng, nói thật, nói cái sai, cái không đúng đạo đức nhân bản nhân quả của con người để con người tự giác sửa sai làm đúng lại theo đạo đức làm người, làm Thánh, vì Đạo Phật đã xác định Thánh nhân không phải ngoài con người, ngoài con người không thể tìm có Thánh nhân được, cho nên giáo pháp của Đức Phật là một giáo pháp không trừu tượng, ảo tưởng, mê tín, dị đoan, phi đạo đức v.v.. Ngược lại những giáo pháp mà Thầy Tổ của chúng ta đang tu theo, nó để lại một rừng kinh sách toàn là loại giáo pháp trừu tượng, ảo tưởng, mê tín, dị đoan v.v.. Lần lượt chúng tôi sẽ lật tẩy bộ mặt lừa đảo gian dối của nó để quý vị suy ngẫm. Nó đã giết chết Thầy Tổ của chúng ta bao đời, bao thế kỷ nay.

Một giáo pháp phi đạo đức, mơ hồ, trừu tượng mạo danh là Phật Giáo, Giáo pháp ấy nó còn có những cái tên rất kêu “Đại Thừa, Tối Thượng Thừa, Phật Thừa”. Với những danh từ vĩ đại này có mục đích để dim Phật

Giáo chân chánh Nguyên Thủy xuống, ở góc độ nhỏ hẹp “Tiểu Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa”, rồi lần lượt biến dần giáo pháp chân chánh của Đạo Phật thành tà giáo ngoại đạo để dễ bề đưa giáo pháp của mình ra lừa đảo lường gạt tín đồ Phật Giáo. Thầy Tổ của chúng ta từ xa xưa đã bị các pháp môn này lừa đảo, họ đều là nạn nhân của những giáo pháp này.

Những bậc Thầy Tổ, Tôn Túc xa xưa của chúng ta đã tu hành lầm đường lạc lối theo những giáo pháp này nên kết quả tu hành chẳng ra gì, chỉ sống trong một giấc mơ thế giới siêu hình cảnh giới Niết Bàn, Cực Lạc bằng những lời an ủi suông trong kinh sách này, “Tu hành phải vô lượng kiếp mới thành Phật”. Do bị lừa bởi những câu nói này, nên vô tình các Ngài trước tác những kinh luận để ca ngợi xiêng dương, xưng mình giáo pháp không đúng của Đạo Phật lên tận mây xanh, khiến cho người sau càng lầm đường lạc lối hơn, từ đời này sang đời khác cứ bốn cũ các Ngài thuyết đi thuyết lại mãi mà chẳng có ai tu được những gì, vì thế kinh sách phát triển để lại cho chúng ta rất nhiều, nhiều như rừng, như biển, nhưng toàn là những thứ kinh

sách trùu tượng, ảo giác, mê tín, phi đạo đức, thiếu thực tế, không cụ thể, như trên chúng tôi đã nói phần nhiều là lý thuyết suông rỗng tếch chẳng nói lên được một đạo đức làm người, làm Thánh và chẳng nói lên được một pháp hành lợi ích như thế nào cho bước đường tu hành của mọi người, chỉ toàn là thứ mê tín lừa đảo, phi đạo đức mà thôi.

Kinh, sử, sách này là một thứ đại vọng ngữ huyền hóa, như nói về lịch sử của Đức Phật: “Khi Đức Phật vừa sanh ra đi bảy bước, có bảy hoa sen đỡ chân, tay chỉ trời chỉ đất”. Còn các Tổ tu hành thì thể hiện: “Phóng hào quang, biến hóa, tàng hình, biết chuyện quá khứ vị lai, thu thân, nhập diệt, tự tại sanh tử v.v...”, nhưng có vị Thầy Tổ nào đã làm được như vậy đâu? Trước khi sắp chết Thầy Tổ nào cũng bị bệnh, đau đớn, khổ sở đi đứng không được, bán thân nằm liệt một chỗ thọ biết bao nhiêu là cay đắng của cuộc đời tu hành của mình, giờ phút cuối cùng, thì ô hô khi biết tu hành sai pháp, mạng căn không còn nữa, đó là những vị còn tỉnh táo, nhưng có vị tới giờ phút lâm chung mà còn chưa biết mình tu sai pháp, còn đang sống trong mê hồn trận thế giới siêu hình Cực Lạc. Nhất là những

vị tôn túc được nhiều tín đồ biết danh, lại chết trong đau khổ kinh khủng, mà còn chưa biết mình tu sai pháp. Chính chúng tôi đã chứng kiến những sự việc này.

Còn những Thầy Tổ xa xưa cách đây từ mười bảy, mười tám thế kỷ thì chúng ta không biết họ thu thân nhập diệt như thế nào? Trong những kinh sách của họ không có nói cách thức thu thân nhập diệt rõ ràng cụ thể như Đức Phật, họ chỉ dùng những danh từ thu thân nhập diệt suông theo lối lừa đảo. Còn ngược lại trong kinh Nguyên Thủy khi Đức Phật thu thân nhập diệt tự tại sanh tử một cách rõ ràng và cụ thể như trong kinh Du Hành thuộc hệ thống Trường Bộ kinh trong tạng kinh Nikaya khi Đức Phật nói lời di chúc cuối cùng liền vào định Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên cho đến Diệt Thọ Tưởng Định, nhập đi nhập lại ba lần rồi Ngài nhập Tứ Thiên ra Tứ Thiên Ngài nhập Niết Bàn xả bỏ báo thân.

Hành động nhập bốn thiên nhập đi nhập lại ba lần đến Thiên Thứ Tư thì Đức Phật xả bỏ báo thân một cách tự tại trong sanh tử rõ ràng và cụ thể, đó là lời di chúc không lời cuối cùng đối với người đời sau, cho nên không còn ai dám phỉ báng, bài bác

Bốn Thánh Định của Phật Giáo, là mơ hồ trừu tượng đối gạt người như các loại thiền khác thường nói suông thu thần nhập diệt rất mơ hồ trừu tượng bằng những lời lẽ để lừa đảo Thầy Tổ của chúng ta, và bây giờ cả chúng ta nữa, Do tin những giáo thuyết này mà chúng ta tu chết người, tu căng mặt, căng mày, nặng đầu, tức ngực, đau lói bên hông và đôi khi bị rối loạn thần kinh sanh ra điên khùng, mất trí v.v..

Những Thầy Tổ xa xưa của chúng ta tu hành giải thoát như thế nào? Chúng ta không thấy được, chỉ nghe thấy trong kinh sách nói lại mà thôi, còn những Thầy Tổ hiện đời của chúng ta, chúng ta đã trực tiếp nghe thấy sự sống và chết của các Ngài rất rõ ràng như trên chúng tôi đã nói.

Thứ nhất, cuộc sống tu hành của các Ngài tâm tham, sân, si, mạn, nghi chưa hết, nhất là lòng sân không kém gì người thế tục.

Thứ hai vị Hòa Thượng nào đến khi chết cũng bệnh tật chịu nhiều sự khổ đau nằm trên giường bệnh ít nhất cũng là sáu tháng còn không thì cũng đôi ba năm liệt giường liệt chiếu đái ỉa ăn uống có một chỗ. Cuộc đời tu hành của Thầy Tổ chúng ta quá

khổ như vậy.

Kính thưa các bậc Tôn Túc, quý vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và Nam Nữ cư sĩ Phật tử.

Kính thưa quý vị!

Đó là một bằng chứng hiển nhiên mà quý vị hãy kiểm chứng lại xem có phải đúng giáo pháp phát triển này đã lừa đảo và giết chết Thầy Tổ của chúng ta một cách khổ đau vô cùng tận không? Khi mà Thầy Tổ của chúng ta hết sức tin tưởng tu hành với những pháp môn này không dám biếng trễ.

Gương tu hành, việc làm Phật sự của Thầy Tổ và cuối cùng sự sống chết của các Ngài như vậy, chúng ta đừng che dấu mà hãy thành thật nói lên sự thật để người sau biết rõ giáo pháp phát triển là một thứ giao pháp lừa đảo thật sự, tu hành chẳng đi về đâu được cả, chỉ vì danh, lợi mà người trước dối người sau, người sau dối người sau nữa và cứ như vậy mà trải qua trên hai mươi lăm thế kỷ nay, Thầy Tổ của chúng ta chưa có ai làm chủ được sự sống chết như Đức Phật, cũng chỉ vì tu sai lầm pháp môn của ngoại đạo.

Kính thưa quý vị! Hiện giờ quý vị là

những bậc Thầy Tổ của Tăng Ni và Nam Nữ cư sĩ Phật tử, quý vị tự xét lại thân tâm của mình, tuổi đạo trên bốn năm chục năm và hiện giờ có vị đã bảy tám mươi tuổi đời chức vụ làm Tăng Thống, phó Tăng thống, Viện Chủ, Viện Trưởng v.v...đã làm chủ thân tâm được những gì trong bốn sự đau khổ của kiếp làm người sanh, già, bệnh, chết.

Sanh tức là đời sống, quý vị làm chủ được những gì? Có hết tham chưa? Nếu bảo rằng hết tham sao quý vị còn ăn uống phi thời, còn thích ở chùa to tháp lớn? Sao không sống thiếu dục tri túc ba y một bát, đi xin ăn từng nhà, mặc y áo phẩn tảo, vãi bỏ của thiên hạ như Đức Phật ngày xưa, như vậy mới gọi là hết tham.

Sân tức là lòng căm giận nếu bảo rằng quý vị hết sân thì điều này quý vị tự biết hơn ai hết, nhưng khi gặp chướng ngại pháp sao quý vị lại đổ mặt tía tai la hét dữ vậy.

Già tức là cơ thể cần cỗi lụm cụp tay chân run rẩy và yếu đuối, da nhăn nheo, mặt gầy, nếu quý vị đã nhập định Nhị Thiên được thì quý vị nhận rất rõ nhân quả vô thường không còn tác động làm thay đổi sắc thân của quý vị rất cụ thể và rõ ràng,

còn chưa nhập được thì quý vị như người mù chẳng biết màu sắc ra sao cả, chỉ biết có một màu đen sâu thẳm như trong đêm tối.

Bệnh tức là đau nhức của cơ thể chắc chắn quý vị sẽ không thể tránh khỏi những khổ đau này và quý vị cũng không che dấu được ai cả, ngay bây giờ cơ thể của quý vị bệnh đau rề rề nay bệnh này, mai bệnh khác, nay nhức chỗ này, mai đau chỗ kia. Hiện giờ sắc thân của quý vị sống bằng thuốc thang, bằng gạo lứt muối mè, bằng nhịn ăn tiết thực, lúc nào cũng chích thuốc và châm cứu, bấm huyệt, cạo gió, tập thể thao, dưỡng sinh và tập luyện yoga. Nhất là cố gắng ăn nhiều bữa để cơ thể có đủ chất dinh dưỡng, ngõ hầu sống thêm được ngày nào tốt ngày nấy. Thật sự tu hành như vậy là hèn nhát, không xứng đáng là đệ tử của Đức Phật.

Chết tức là cơ thể không còn hoạt động, không còn thở, nếu quý vị không nhập được Tứ Thiên, tịnh chỉ được hơi thở thì khó mà quý vị làm chủ được sự sống chết này.

Kính thưa quý vị! Quý vị đã từng theo giáo pháp phát triển của Đại Thừa tu tập quý vị đã làm chủ được một trong bốn sự đau khổ trên đây chưa?

Nếu chưa được một trong bốn sự đau khổ này thì quý vị phải sáng suốt, đừng vì một lý do nào cả mà hãy vì loài người trên hành tinh này mà vạch trần sự thật để cho con người khỏi tốn công, tốn sức, tốn của cải tài sản, tốn công lao tu tập, tốn tiền của in kinh phát triển Đại Thừa mà chẳng ích lợi gì cho đời còn có hại cho con người vì giáo pháp này dạy cầu tha lực, do đó tu sĩ không còn sức tự lực, lúc nào cũng cầu cạnh van xin cúng tế v.v.. Kinh sách phát triển đang lừa đảo con người bằng mọi hình thức trừu tượng, mê tín, huyền thuật, dị đoan mà tín đồ Phật Giáo phải gánh chịu sự khổ đau này.

Chúng tôi tin chắc rằng quý vị tu theo giáo pháp phát triển không bao giờ làm chủ được bốn sự đau khổ này mà chính quý vị không đủ can đảm nói thật ra mà thôi, nhưng chính không đủ can đảm nói thật ra thì quý vị đã tự làm khổ mình và còn làm khổ bao nhiêu người khác nữa, không những làm khổ mình khổ người khác mà còn giết chết Phật Giáo, giết chết nền đạo đức nhân bản của Đạo Phật. Dù quý vị cố giữ bí mật không nói ra nhưng sự sống của quý vị phá giới, phạm giới là một chứng

minh hùng hôn là quý vị chưa làm chủ sự sống, chưa làm chủ sự sống được thì chúng tỏ quý vị không thể nào làm chủ sự chết được, bằng chúng cụ thể là khi quý vị chết, chết trong bệnh tật trong đau khổ. Đó là những hiện tượng mà quý vị không làm sao che dấu được tín đồ và những người khác.

Chúng tôi biết rất rõ quý vị thuyết giảng rất hay, nhưng lời nói không đi đôi với tâm giải thoát của quý vị, vì thế quý vị nên tự xét đừng bắt chước Thầy Tổ của chúng ta nói một điều mà làm một ngả không nhất quán.

Giáo pháp phát triển dù quý vị có tu trăm muôn ngàn kiếp thì quý vị cũng chẳng bao giờ làm chủ bốn sự đau khổ này được, chỉ uống công mà thôi vì nó là giáo pháp thuộc về hý luận, chứ không phải giáo pháp để tu hành giải thoát “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”, Đó là lời nói trừu tượng không xác quyết có là có, không là không hiện giờ có là nói có, lát nữa không thì nói không thời gian có hiện tại quá khứ và vị lai rõ ràng thời gian nào là nói theo thời gian nấy dù là một sát na (nháy mắt) chứ đâu nói có là không, không là có, đó là một sự lừa đảo lường gạt người theo hý luận của

Ngài Long Thọ.

Kính thưa quý vị! Hôm nay tập 2 Đường Về Xứ Phật ra đời chúng tôi thành tâm kêu gọi quý vị Tôn Túc, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni và Nam Nữ cư sĩ Phật tử trong cả nước hãy mạnh dạn đứng lên nói sự thật về các loại kinh sách này như Thiền Sư Thường Chiếu, Hòa Thượng Minh Châu, cư sĩ Trùng Quang và một vị sử gia Phật Giáo Thái Lan tên là Thitanàna Thero biên soạn cuốn Phật Giáo Sử do Sư Giác Nguyên dịch ra Việt ngữ v.v..

Những lời nói của các vị là vạch trần những điều tội lỗi của kinh sách phát triển Đại Thừa mà lịch sử đã còn ghi lại nhiều thủ đoạn gian ác của Bà La Môn Giáo và của những người vì danh vì lợi đã nỗ tâm muốn diệt Phật Giáo, diệt một nền đạo đức nhân bản của loài người mà chính Phật Giáo mới có. Một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người, có lợi ích cho con người trên hành tinh này rất lớn.

Vì thế, chúng tôi kêu gọi quý vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni và Nam, Nữ cư sĩ Phật tử hãy vì sự trường tồn của Phật Giáo và nền đạo đức nhân bản của con người trên hành tinh này, quý vị

hãy nói sự thật và cùng với chúng tôi dựng lại những gì của Phật Giáo đã bị kinh sách phát triển ném bỏ từ lâu. Vì Phật Giáo, vì loài người chúng ta hãy đứng lên chung lưng đấu cật quyết tâm quét sạch những tà giáo ngoại đạo đang mượn danh Phật Giáo để làm những việc mê tín, lừa đảo, lường gạt mọi người, tiền mất tật mang mà chẳng có ích lợi gì cho ai cả, chỉ làm giàu cho bọn tà sư đội lốt Phật Giáo.

Hỡi quý Hòa Thượng, Thượng Tọa Đại Đức, Tăng, Ni và Nam, Nữ cư sĩ Phật tử hãy nhận định sáng suốt đâu là chánh pháp của Đạo Phật, đâu là tà pháp của ngoại đạo, mạnh tay dẹp bỏ những hý luận của Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh v.v..

Những hý luận này chẳng ích lợi gì cho người tu, nó chỉ để cho những người kiêu căng, tự đắc lạm dụng để hý luận làm trò tranh luận hơn thua với những người còn tham danh đắm lợi ở thế gian (Lối lý luận trừu tượng nhưng không tu hành được, đó là đại vọng ngữ lừa đảo của các vị Tổ Sư này). Tổ Sư Tử chịu chết một cách rất oan uổng cũng vì những lý luận này “Ngũ uẩn giai không”.

Kính thưa các bậc Tôn Túc, Hòa

Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni và Nam, Nữ cư sĩ Phật tử!

Thưa quý vị! Nếu quý vị cứ theo vết chân của các vị Tổ Sư này thì tất cả tu sĩ của Phật Giáo sẽ chạy theo danh và lợi của thế gian thì đức hạnh làm người làm Thánh sẽ không còn nữa và như vậy muôn đời Phật Giáo chỉ là tấm bia để cho người đời phi báng mà thôi.

Kính thưa quý vị! Người ta đã châm biếm Phật Giáo quá nhiều khiến cho những tu sĩ trẻ tuổi mặc cảm với chiếc áo tu sĩ Phật Giáo rất đáng thương, nếu quý vị không thẳng thừng quét sạch những tà giáo ngoại đạo đang ẩn núp trong Phật Giáo để làm tốt lại Phật Giáo mà cứ theo lối mòn của các Tổ thì chắc chắn Phật Giáo sẽ bị diệt vong.

Kính thưa quý vị! Khi đọc bộ sách 10 tập Đường Về Xứ Phật xong, quý vị phải bình tâm mà suy ngẫm những lời nói của chúng tôi có đúng hay là sai, các Tổ có phải là những người đáng cho chúng ta tin tưởng đầu đội, vai mang hay không?

Theo chúng tôi thiết nghĩ Đức Phật là một con người hoàn hảo, Ngài biết những

lời nào Ngài dạy cho chúng ta là vừa đủ để con người không làm khổ mình khổ người nữa, lời nói của Ngài không thừa không thiếu, Một hôm Ngài nắm trong tay một nắm lá cây và hỏi chúng tỳ kheo: “Nắm lá cây trong tay Ta có nhiều bằng rừng lá cây hay không?”

Chúng tỳ kheo trả lời:”Bạch Thế Tôn! Nắm lá cây trong tay của Thế Tôn quá ít so với rừng lá cây quá nhiều”

Đức Phật nói tiếp:”Pháp Ta chứng như rừng lá cây, nhưng Ta dạy các người tu tập như nắm lá cây trong tay. Tại sao vậy?”

Vì sự hiểu biết của các người có giới hạn, nên Ta dạy những điều cần thiết vừa đủ để các người đạt đến mục đích giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi”.

Bốn mươi lăm năm thuyết pháp độ chúng sanh, Đức Phật đã trang bị cho chúng ta vừa đủ những pháp hành để tu tập đi đến giải thoát, cho nên những gì lý luận cao siêu thì Đức Phật cho đó là tướng tri, hý luận để làm giàu cho sự tranh luận hơn thua, không nhằm mục đích giải thoát. những điều đó không ích lợi cho mình cho người mà còn sanh oán thù và làm mất thì

giờ vô ích, thế mà người sau muốn triển khai cái rừng lá cây của Đức Phật đã chứng, như Tổ Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh v.v.. Vì thế để ra chân lý Chân Không, mục đích của Long Thọ là đập phá luôn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo của Đạo Phật để giáo pháp Bát Nhã Ba La Mật của mình trở thành một chân lý duy nhất không còn một chân lý nào hơn được, vì thế Thầy Tổ của chúng ta quá phục lẫn chân lý ấy nên xúm nhau triển khai trí tuệ Bát Nhã “Chân Không”, Từ Chân Không sản xuất ra Thiền Tông, khiến cho người đệ tử Trung Hoa đầu tiên của giáo phái này bị tàn tật cụt một cánh tay vì cầu pháp và chết một cách oan uổng, đó là cái thấy tướng tri của các Tổ đã giết người, chứ không phải là liễu tri để cứu người. Từ đây nó mang đến những tai hại cho con người biết dường nào, bao nhiêu tu sĩ hủy hoại một phần cơ thể để cầu pháp Chân Không như trong kinh Pháp Hoa đã dạy: “Lấy toàn thân hoặc hủy hoại một phần cơ thể để cúng dường chư Phật cầu pháp”. Còn cái thấy của Đức Phật thì không giống như cái thấy của các Tổ, cái thấy không tướng tri, cái thấy không vọng ngữ nói láo, không dựng lên cái không có mà thành có

như các Tổ: “Này các tỳ Kheo cái gì trong toàn thế giới... được thấy ...được ý tư duy và quan sát, Ta được rõ biết như sau: “Tất cả đều được Như Lai biết đến, Như Lai không có dựng đứng lên cái mới”.Lời xác định này của Đức Phật rất rõ ràng, Đức Phật không có dựng lên một cái gì kỳ đặc mới mẻ. Đọc kinh sách phát triển chúng ta thấy các Tổ thường hay dựng lên những pháp mới lạ ngoài sự hiểu biết của trí hữu hạn của con người, nên thành ra pháp tướng mà pháp tướng là pháp không có thật.

Chúng ta hãy nghe tiếp Đức Phật nói: “Này các tỳ kheo, nếu Ta nói rằng: “Ta biết tất cả, cái gì trong toàn thế giới... được thấy ... được ý tư duy và quan sát”. Như vậy là có nói láo trong Ta. Nếu Ta nói như sau: “Ta nói cả hai, biết và không biết”.Như vậy là có nói láo trong ta. Nếu Ta nói như sau: “Ta không biết và cũng không phải không biết”. Như vậy là có nói láo trong Ta, Và như vậy là có lỗi trong Ta”.¹

Lời dạy trên của Đức Phật đã xác định những kinh sách luận của các Tổ “ Sắc tức thị không, không tức thị sắc” là nói láo lừa

1 Bài kinh số 24 Kàlaka trong kinh Tăng Chi Bộ trang 594

đảo tín đồ. Cho nên kinh sách của Đức Phật không có lý luận cao siêu ngoài sức hiểu biết của con người. Kinh sách của Đức Phật không có bài kinh nào dạy trừu tượng, mơ hồ như luận của các Tổ.

Chúng ta hãy đọc tiếp bài kinh Kālaka:”Này các tỳ kheo, Như Lai là vị đã thấy những cái gì cần thấy, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thấy, không có tưởng tượng những cái gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy. Đã nghe những cái gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng những cái gì không được nghe, không có tưởng tượng những gì cần phải nghe, không có tưởng tượng đối với người nghe. Đã cảm giác những gì cần cảm giác, nhưng không có tưởng tượng điều đã được cảm giác, không có tưởng tượng những cái gì không được cảm giác, không có tưởng tượng những gì cần phải cảm giác, không có tưởng tượng đối với người cảm giác. Đã thức tri những cái gì cần thức tri, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thức tri, không có tưởng tượng những cái gì cần phải thức tri, không có tưởng tượng đối với người

thức tri. Như vậy này các tỳ kheo, Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, nên vị ấy là như vậy. Lại nữa hơn người là như vậy, không có ai khác tối thượng hơn và thù thắng hơn, Ta tuyên bố như vậy”.

Bài kinh này Đức Phật đã xác định rõ ràng những gì Đức Phật dạy đều là thực tế, cụ thể không có tưởng tượng, còn kinh sách phát triển đều dạy tưởng tượng quá nhiều cho nên người ta gọi kinh sách phát triển là kinh tưởng. Luận của các Tổ đều nằm trong trong tưởng tượng mà ra. Trong bài kinh Kālaka Đức Phật chỉ rõ cho chúng ta thấy kinh tưởng là kinh nói láo, nên Thầy Tổ của chúng ta tu hành hết sức mà chẳng được những gì, toàn là thứ ảo giác.

Tổ Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh v.v...các Ngài là cha đẻ của những chân lý tưởng, nên chân lý của các Ngài siêu tưởng và chân lý ấy sẽ áp dụng vào thế giới tưởng thì rất phù hợp, còn ở cảnh thế gian của loài người thì nó là một chân lý nguy, lừa đảo mà Đức Phật bảo là “nói láo”.

Theo chúng tôi nghĩ con người trên hành tinh này chỉ có một chân lý không thể có hai ba chân lý mà được, cho nên chân

lý của Đạo Phật đưa ra khổ, tập, diệt, đạo mà mọi người trên hành tinh này đều công nhận là đúng, mà đúng thật như vậy, cho nên nó không còn có một chân lý thứ hai nào được xen vào cái thế giới của loài người này được nữa.

Do hý luận của Ngài Long Thọ lừa đảo thiên hạ, khiến cho tín đồ Phật Giáo quên đi nguồn gốc Nguyên Thủy của Đạo Phật, đánh mất một nền đạo đức nhân bản làm người không làm khổ mình khổ người. Thật là quá uổng!

Cuối cùng những tín đồ Phật giáo chạy theo miệng lưỡi của Long Thọ chẳng có người nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết được, thường chết trong bệnh tật đau khổ để cho tín đồ mục kích thấy được “Chân Không” của Long Thọ, nó không có không đâu? Mà còn phải trải qua nhiều đời kiếp thọ tội vọng ngữ tưởng tri Chân Không, vì tội lừa đảo đã giết biết bao nhiêu tín đồ Phật Giáo từ khi có Chân Không của Long Thọ.

Cho nên Thầy Tổ của chúng ta sống theo danh lợi thường phạm giới phá giới, bẻ vụn giới. Có ai chỉ trích lỗi thì dùng ngôn ngữ của Long Thọ che đậy bưng bít để tự

tại sống theo dục lạc thế gian mà không ai phê phán được. Ông Long Thọ là một người diệt Đạo Phật đê nhất hơn các vị Tổ Sư khác, còn Thầy Tổ của chúng ta chỉ là những người bắt chước, vô tình nói giáo cho Long Thọ diệt Phật Giáo mà thôi. Người xưa nói sao thì Thầy Tổ của chúng ta nói vậy, thậm chí còn không dám nói sai lời của các ông ấy và cũng không bao giờ dám nói xúc phạm với những con người độc ác này, Thầy Tổ của chúng ta xem các vị Tổ Sư này còn hơn là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Có người bảo rằng: "Một tôn giáo được hoàn chỉnh đều phải nhờ vào các tông đồ". Điều này đúng, nhưng đúng với các tôn giáo khác còn không đúng với Phật Giáo. Tại sao vậy?

Vì các tôn giáo khác người sáng lập ra tôn giáo đó chưa phải là người hoàn chỉnh, nên phải nhờ đến những đệ tử ưu tú của mình sau này mới hoàn chỉnh giáo pháp như: Khổng Giáo, Lão Giáo, Thiên Chúa Giáo v.v.. đều phải nhờ vào các tông đồ thêm bớt mới hoàn chỉnh được Thánh kinh, Còn ngược lại Phật Giáo, nếu có vị Tổ Sư nào dám cả gan chỉnh đốn giáo lý của Đạo Phật thì sẽ liền biến thành một tôn giáo

mới, một tôn giáo ngoại đạo mang bản chất vay mượn tà giáo, bằng chứng chúng ta đã thấy Tổ Long Thọ, Tổ Bồ Đề Đạt Ma và còn nhiều vị Tổ khác nữa đã biến Phật Giáo thành một thứ tà giáo ngoại đạo khác biệt với Phật Giáo Nguyên Thủy. Cho nên giáo lý của các Tổ là giáo lý vai mượn của Bà La Môn Giáo thuộc hệ thống kinh Vệ Đà. Vì thế các Tổ không phải là người hoàn chỉnh Phật Giáo mà là phá hoại Phật Giáo, đưa Phật Giáo đi đến suy thoái và biến tu sĩ Phật Giáo thành trùng trong lòng sư tử và thứ loại vi trùng độc này đã giết Phật Giáo chết. Chính hiện giờ những tu sĩ phạm giới phá giới này là những loại vi trùng độc của Đạo Phật, cho nên Phật Giáo hiện giờ đã chết thật, chết vì những loại vi trùng này.

Kính thưa quý vị! Chúng tôi hy vọng rằng quý vị là những người có tâm huyết với Phật Giáo, có cái nhìn thấu suốt đâu là chính pháp của Phật và đâu là tà Pháp của ngoại đạo. Như chúng tôi đã nói ở trên Đức Phật là một con người hoàn chỉnh, do sự tu hành đạo đức nhân bản nhân quả (tâm không phóng dật), Ngài đã chứng được trí tuệ siêu việt, Ngài biết sử dụng trí tuệ ấy để dạy con người trên hành tinh này với

một giáo pháp vừa đủ không thiếu mà cũng không thừa để con người lấy đó làm thầy, làm chỗ nương tựa vững chắc tu hành sau này.

Nếu giáo pháp của Ngài còn thiếu mà các Tổ sau này bổ sung thêm thì Ngài đâu dám di chúc:”Này các Tỳ Kheo, khi Ta diệt độ, các Thầy hãy lấy giới luật và giáo pháp của Ta mà làm thầy, làm chỗ nương tựa tu hành”. Cho nên người đời sau không biết, lấy các Tổ làm Thầy (33 vị Tổ Sư Thiên Tông Ấn Độ và Trung Hoa), đó là làm sai với lời di chúc của Đức Phật. Họ cứ dựa theo lời của các Tổ mà tu hành thành ra phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, vì thế tâm không ly dục ly ác pháp, nên phần nhiều nhập vào các loại định tưởng thuộc về thiên định của ngoại đạo, cho nên tu sĩ Phật Giáo tu mãi mà chẳng ra gì, thiên định nhập cũng không được mà đức hạnh cũng không có, chỉ có giỏi thuyết giảng bằng miệng lưỡi lừa đảo, nói láo, lường gạt thiên hạ, khiến cho người tu sĩ tu hành dễ sống dễ chết mà thôi.

Bởi giáo pháp của Đức Phật là một giáo pháp hoàn chỉnh cho Trời, Người tu hành, cho nên kẻ nào dám thay đổi hoặc

thêm bớt, đó là kẻ loạn tướng điên khùng, muốn làm hơn Đức Phật, để rồi trở thành Ma Vương, Ac Quỷ v.v..

Vậy mà đời sau này lại có kẻ háo danh dám làm điều này và đã đưa toàn bộ tín đồ Phật Giáo đi vào đường cùng, ngõ cụt. Cho nên bằng chứng hiện giờ tín đồ Phật Giáo không ai tu hành nghiêm trì giới luật, nhập được Tứ Thánh Định, thực hiện được Tam Minh, làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Kính thưa: Các bậc Tôn Túc, Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni và Nam, Nữ cư sĩ Phật tử trong nước Việt Nam nói riêng và tất cả trên thế giới nói chung. Một lần nữa chúng tôi kêu gọi quý vị vì tiền đồ Phật Giáo, vì con người trên hành tinh này đang cần phải có một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người mà chính Đạo Phật mới có nền đạo đức ấy, Chúng tôi chỉ mong quý vị cùng với chúng tôi đứng lên đập tan và quét sạch những giáo pháp trừu tượng, ảo giác, mê tín, dị đoan và những hý luận mơ hồ vô ích của các nhà học giả Phật Giáo khắp nơi trên thế giới đang trộn lẫn trong giáo pháp của Đức Phật. Chúng ta hãy thanh

lọc lại những gì của Đạo Phật thì hãy trả về cho Đạo Phật, còn những gì không phải của Đạo Phật thì hãy quét sạch, đốt sạch, đừng để những thứ rác bần này trong giáo lý của Đạo Phật mà làm ô nhiễm Phật Giáo. Từ bao thế kỷ nay Thầy Tổ của chúng ta đã bị những loại kinh sách ô nhiễm này mà sự tu hành chẳng đi đến đâu cả, thậm chí đến giới đức làm người mà còn không biết hướng là giới đức làm Thánh, Người tu sĩ Phật Giáo sống và dạy theo đạo đức của Nho Giáo như thiền sư Vạn Hạnh Việt Nam và các thiền sư Trung Hoa (trong tập Thiền Lâm Bảo Huấn) thường lấy Nho giáo làm đạo đức của Phật Giáo thì chúng ta có thấy nhục nhã, xấu hổ không? Vậy mà có kẻ hãnh diện “Vạn Hạnh dung tam tế”. Trong lúc Đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản nhân quả tuyệt vời, không có một tôn giáo nào có một nền đạo đức như vậy hơn được.

Kính Thưa! Quý vị Tôn Túc Trưởng lão, ngưỡng mong quý vị đừng vì một lý do gì mà bỏ qua hay cố tình tránh né, hoặc làm lơ qua để cho ngôi nhà Phật Giáo như một bệnh truyền nhiễm lây lan khắp mọi nơi, trong khi quý vị có đầy đủ khả năng và thế lực quét sạch những tà giáo ngoại đạo này

và chấn hưng lại Phật Giáo Việt Nam tốt đẹp như thời Đức Phật còn tại thế. Trong lúc trong tay của quý vị có đầy đủ tài liệu giáo pháp chính gốc của Đức Phật, mà quý vị còn chần chờ gì nữa?

Cuối cùng chúng tôi xin thành tâm chúc sức khỏe của quý Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni và Nam, Nữ cư sĩ Phật tử được dồi dào sức khỏe, thân ái chào quý vị.

Kính ghi

Tu Viện Chân Như

(Ngày 1-6- 2000)

CHƯƠNG I

HẢI TÂM HỎI ĐẠO

(tiếp theo)



LÒNG THƯƠNG VÔ BỜ BẾN CỦA MỘT VỊ THẦY

Hỏi: Kính thưa Thầy, con không có tài, cũng chưa có đức độ bao nhiêu. Nếu được Thầy và cô Út cho ở lại tu học thì con cũng cố gắng nghe và thực hành theo sự chỉ dẫn của cô cho đến tận cùng đường tu, dù có cực khổ, gian nan, đói khát con cũng không hề than thở.

Đáp: Thầy và cô Diệu Quang chấp nhận, khi các con có quyết tâm, có bền chí tu tập đến nơi đến chốn, không bỏ cuộc giữa đường tu thì nhất định không bao giờ bỏ các con bơ vơ trên đường tu tập mà phải hướng dẫn tận cùng đến nơi đến chốn, có đủ tài,

đủ đức để nói lên tiếng nói chân thật của Đạo Phật và cũng là chấn hưng Phật Pháp mà từ xa xưa đã bị Bà La Môn Giáo đìm tắt chân pháp của Đức Phật. Trừ ra các con nhận thấy con đường tu theo Đạo Phật xả tâm quá khó khăn và sống một đời sống thiếu dục tri túc khiến cho các con không thoát mái dễ chịu được, cũng như rèn luyện đức hạnh làm người không làm khổ mình khổ người thì các con cảm thấy như mình chịu thiệt thòi nhất, trong cuộc sống thường tình của thế gian, các con phải chịu kham nhẫn mọi mặt và mọi người luôn luôn chà đạp giày xéo lên tâm hồn của các con mà các con không bao giờ có ăn thua đủ với ai cả, vì đó là những Thánh hạnh của những bậc vĩ đại thoát ra khỏi cuộc đời thế tục. Cho nên các con có thể bỏ cuộc thì Thầy và Cô Diệu Quang cũng chẳng biết làm sao hơn, nhưng rất thương tâm không biết cách nào để cứu và lôi các con ra khỏi những tư tưởng vô minh đen tối của những kẻ phạm phu tục tử chỉ biết tự ái và danh dự hão của thế gian, Vì bao đời tư tưởng vô minh này đã giết loài người chết trong đau khổ, chết trong ác pháp. Người ta luôn luôn đại dột sống với bản ngã anh hùng, sống với

mặc cảm, với tự ái, với anh hùng rơm, anh hùng, mặc cảm, tự ái đối với Đạo Phật, nó là chướng ngại pháp, là ác pháp, là pháp làm khổ người khổ mình. Người đời cho nó là danh dự phải bảo vệ, phải ăn thua đủ còn đối với Đạo Phật cho nó là địa ngục.

Trải qua một thời gian tu tập khá dài mà không thấy có thần thông chút nào cả, chỉ sống trong những ngày cô đơn buồn tẻ và có nhiều sự tức tối, buồn phiền, cho nên các con ngả lòng tìm cầu một pháp môn khác thì Thầy và cô Diệu Quang cũng đành bó tay trước nghiệp duyên của các con mà thôi, chỉ vì các con không đủ niềm tin với chánh pháp của Đức Phật nên đành phải rẽ sang đường khác, như huynh đệ của các con, thì Thầy và cô Diệu Quang cũng đành nhìn theo bóng dáng của những người đệ tử thân thương, dù một ngày về đây tu học, đang đi vào con đường mờ mịt của kiếp người cay đắng.

Gần hai mươi năm thầy bỏ ra công lao, biết là bao nhiêu, kể sao cho hết, để hướng dẫn đào tạo một số người có giới đức làm người làm Thánh, nghiêm chỉnh nhất là áp dụng phương pháp độc cư để cho mọi người

phòng hộ sáu căn, thúc liễm thân tâm lìa xa các chướng ngại pháp để thực hiện tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ tức là để tâm hoàn toàn ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền, nhưng mọi người chịu ảnh hưởng của kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ nên tu tập cứ ức chế tâm, không nghe lời Thầy dạy sống độc cư, cứ hết giờ ngồi thiền ức chế tâm thì lại tìm gặp nhau để nói chuyện; có người bảo là đã nhập được Tam Thiền, Tứ Thiền; có người bảo là đã nhập định vong thân; có người bảo là đã có thần thông bay lên hư không; có người bảo là tịnh chỉ hơi thở; có người bảo là không còn nghe âm thanh v.v..nhưng tất cả đều lén lút Thầy phá hạnh độc cư, tìm cách nói chuyện với nhau. Cuối cùng có một người đệ tử thẳng thừng không chấp nhận hạnh độc cư của Thầy, xin Thầy cho phép tiếp chuyện với vợ con và bạn bè, chỉ một thời gian ngắn tu chứng thần thông sẽ dạy lại Thầy.

Bởi vậy thời sau này con người tu hành chưa ra gì mà muốn hơn Phật như các Tổ Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh, rồi bây giờ các đệ tử của Thầy cũng vậy, họ muốn tu tập hơn thầy, chỉ vì Thầy không có thể hiện thần thông, trong lúc họ là những

người đang cần thần thông. Người tu sĩ Đạo Phật mà ham mê thần thông là đi ngược lại Đạo Phật.

Những người tu hành theo Đạo Phật phá hạnh độc cư mà muốn chứng đạo thì cũng như lấy cát nấu cơm, làm sao mà thành cơm được.

Số đệ tử của Thầy không ngờ đến giờ phút cuối cùng thì Thầy bắt buộc họ phải sống độc cư trọn vẹn một trăm phần trăm thì họ lại bẻ ngang phá độc cư rồi bỏ cuộc tu hành. Họ đâu ngờ Thầy khép chặt họ vào hạnh độc cư cốt để họ xả tâm cho rốt ráo, hoàn toàn ly dục ly ác pháp để họ nhập được thiền đầu tiên của Đạo Phật, đó là **“Sơ Thiên”** hay nói một cách khác là giúp cho họ nhập được bất động tâm định để họ làm chủ được đời sống, nhưng họ lại không chấp nhận hạnh độc cư, họ còn bảo rằng: **“Đức Phật không có dạy độc cư, Đức Phật đã phá chấp hạnh độc cư, vì trước kia Đức Phật đã tu theo pháp độc cư của ngoại đạo, khi thấy một bóng dáng người thì Đức Phật đã chạy trốn mất không để ai gặp mình cả, do sự độc cư như vậy Đức Phật không tìm thấy sự giải thoát nên**

Ngài bỏ độc cư theo kiểu đó.

Đệ tử của Thầy không hiểu sự độc cư là phòng hộ sáu căn nên họ lấy bài kinh Sư Tử Hống trong kinh tạng Pali này mà chống lại Thầy. Họ đâu biết rằng độc cư của Đạo Phật là giữ gìn tâm không phóng dật, vì vậy độc cư của Đạo Phật là phòng hộ sáu căn, là pháp xả tâm, ly dục ly ác pháp, độc cư của Đạo Phật là cấm nói chuyện phiếm, chuyện vô ích, độc cư của Đạo Phật còn có nghĩa là tránh xa sự ồn náo, sự ham vui của thế tục. Những người còn ham vui còn thích nói chuyện thì đi tu theo Đạo Phật chỉ mất thì giờ vô ích, vì những người này không bao giờ xả tâm được. Đạo Phật vốn xả tâm và chướng ngại pháp mà thành tựu đạo giải thoát. Hạnh độc cư là bí quyết xả tâm, nhờ có xả tâm nên mới có thiên định.

Tất cả đệ tử của Thầy không tin hạnh độc cư, vì vậy Thầy phải đem 42 bài kệ dạy độc cư của Đức Phật ra chứng minh và rất nhiều bài kinh khác nữa của Phật dạy về độc cư trong kinh Nguyên Thủy Nikaya, thế mà họ vẫn không tin. Thầy Minh Tông còn thách thức với Thầy: ***“Xin Thầy cho con tiếp vợ con và bạn bè, con sẽ thực***

hiện tu chứng giải thoát bằng một con đường khác không cần hạnh độc cư và thể hiện thân thông cho thầy xem như trên Thầy đã nói”.

Phần đông số đệ tử của Thầy không tin pháp của Thầy dạy tức là không tin pháp của Phật dạy, họ là những người muốn hơn Phật, muốn đưa ra một đường lối tu tập mới, nhưng cuối cùng cũng giống như Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh v.v.. chỉ có giỏi lý luận ngôn ngữ mà thôi.

Thầy cũng để nhìn xem những người đệ tử muốn hơn Phật, hơn Thầy sẽ làm được những gì lợi ích cho bản thân của họ.

Nếu quyết tâm tìm cầu con đường giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi thì con nên bền chí mà tu tập pháp hướng tâm ***“Như lý tác ý”***, pháp này phải bền chí lắm mới có hiệu quả. Hằng ngày phải cố gắng buông xả các chướng ngại pháp trong tâm, khi các pháp này thường hiện khởi trên bốn chỗ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Nếu con đẩy lui được thì tức khắc con có sự giải thoát nơi thân tâm con, thân tâm con sẽ được thanh thản an lạc và vô sự.

Đạo Phật tu hành không khó, khó là chỗ người ta không biết tu sai thành ức chế thân tâm và nhất là chỗ không dám buông xả đời sống thường tình thế tục, do chỗ tu sai và không dám bỏ đời sống thế tục, nên tu hành chỉ có hình thức, chứ không có giải thoát rốt ráo được.

Tu theo Đạo Phật không phải chỗ ngồi thiền, chỗ đi kinh hành mà chỗ đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, nhưng mượn tư thế ngồi, tư thế đi kinh hành là để dễ tỉnh thức xả tâm chướng ngại.

Xả hết tâm chướng ngại tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp tức là xả ngũ triền cái và Thất kiết sử, chứ không phải xả vọng tưởng lăng xăng như Thiền Tông và kinh sách Đại Thừa dạy.

Con nên nhớ, sự tu tập này rất dễ dàng và thân tâm thoái mái dễ chịu, không có mệt nhọc, không có khó khăn, tu là có kết quả giải thoát ngay liền. Bình thường con nên tỉnh thức nhớ hướng tâm **“Tâm như đất không còn tham sân si nữa”** phải nhớ nhắc thường xuyên không được quên, quên tức là thiếu tỉnh thức, đó là với tâm bình thường còn tâm không bình thường

đang bị chướng ngại pháp thì dùng Định Vô Lậu quán xét mà đẩy lui.

Đã quyết tâm theo Thầy và cô Diệu Quang thì phải cố gắng rèn luyện tu tập và bền chí nhẫn nại bám chặt theo những lời cô Diệu Quang đã dạy để xả tâm cho thật sạch, suốt 24 tiếng đồng hồ không dụng công mà tâm định trên hơi thở, không dụng công mà khi đi tâm luôn định trên bước đi, đó là tâm xả sạch, tâm đã thanh tịnh, tâm ly dục ly ác pháp. Cách thức tu như vậy không khó chỉ có từng giây từng phút quan sát các chướng ngại pháp phát khởi tại bốn chỗ thân, thọ, tâm và các pháp, lúc không có chướng ngại pháp thì tâm sẽ định trên thân, còn khi có chướng ngại pháp thì con nên dùng Định Vô Lậu quán xét mà đẩy lui nó như trên Thầy dạy, đẩy lui nó cho đến khi tâm như đất, tâm con được như đất thì con đã hoàn toàn giải thoát.

Một người đệ tử quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát, dù có gian nan khó khổ đến đâu cũng không lìa cô Diệu Quang, thì Thầy tin chắc rằng cô Diệu Quang không bao giờ bỏ, mặc dù cô có thử thách đuổi xô hoặc nói thậm tệ để tạo đối tượng

cho con xả tâm như đất mà thôi, chứ không phải như người thế tục có những gì trái ý nghịch lòng thì ôm lòng thù oán ghét giận, bằng chứng như con đã thấy, biết bao nhiêu người khi đến sống với cô Diệu Quang để học tu hành bị cô thử thách, trắc nghiệm xem có xả tâm được hay không tức là có sống đúng đức hạnh nhân bản làm người không làm khổ mình khổ người hay không? Khi mà mọi người được Thầy hướng dẫn và dạy tu tập rèn luyện những đức hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, nhưng cuối cùng mọi người nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng ngoài mặt mà trong lòng thì oán hận, cho nên thường tìm cách nói xấu cô Diệu Quang với mọi người để hạ nhục cho hả cơn hận thù và khi rời khỏi tu viện lại còn nói xấu hơn. Các con là những người xa lạ từ những phương trời đến đây tu học, có thù có oán nhau đâu, có sao lại có những điều này xảy ra, những điều này xảy ra là do duyên nhân quả để rồi gặp nhau, gặp nhau để xả tâm, để ly dục ly ác pháp, để được giải thoát, để làm chủ được tâm hồn của mình, để làm chủ cuộc sống của mình, để học được những đạo đức không làm khổ mình khổ người, để trở thành những bậc Thánh nhân.

Một người Thầy dạy đạo đức giải thoát cho đệ tử thật là khó vô cùng, lòng thương yêu của vị thầy ấy phải bao la như đất trời, tâm vị ấy như đất, như nước thì mới dám đem đạo đức này dạy người. Tại sao vậy?

Vì đạo đức này con người chưa bao giờ được nghe, được thấy, được học. Từ khi Đức Phật ra đời chỉ có một khoảng thời gian quá ngắn 100 năm thì được Ngài dạy đạo đức này cho những người đệ tử của mình rồi từ đó về sau này không còn ai nhắc đến nữa, cho nên bây giờ đem đạo đức này ra dạy là một việc làm rất khó, khó vô cùng.

Một đạo đức giải thoát thật sự không làm khổ mình khổ người đem đến cho mọi người một cuộc sống an vui và hạnh phúc bằng những đức hạnh cao thượng nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng khiến cho mình vui, người khác vui. Nhưng khi áp dụng những đức hạnh cao thượng này vào những người đệ tử của mình, cô Diệu Quang đã được trả một ơn quá lớn **“oán ghét”**, nhưng đối với học trò của mình thì cô rất thương yêu và tha thứ, nếu người học trò quyết tâm trở lại tu tập thì cô sẵn sàng hướng dẫn từng phương cách xả tâm để thực hiện đạo

đức làm người, vì cô nghĩ rằng cần phải có những người đầy đủ đạo đức nhân bản làm gương cho những người khác thì sau này dạy đạo đức mới dễ dàng.

Con người trên hành tinh này đang cần có một nền đạo đức để đối xử và đem lại cho nhau những sự an vui và hạnh phúc. Cô nghĩ rằng tại tu viện Chân Như mới bắt đầu nhen nhúm một ngọn lửa đạo đức nhân bản nhân quả của Đạo Phật ra dạy lần đầu tiên sau 100 năm Đức Phật nhập diệt, cô là người áp dụng đạo đức nhân bản nhân quả vào những tu sĩ nữ ở đây trước tiên, khiến cho các cô ở đây chao đảo, dao động gần như, các tu sĩ nam cũng như nữ ở đây đều muốn bỏ cuộc.

Thầy là người đã am hiểu rất rõ đường lối tu tập thiền định của Đạo Phật, nhất là phải xả tâm như đất thì mới có thiền định, mà muốn xả tâm được như đất thì phải sống cho đúng ba đức ăn, ngủ, mặc và ba hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, nhưng toàn bộ tu sĩ nam và nữ ở đây không có một người nào sống đúng ba đức, ba hạnh. Nếu sống không đúng ba đức, ba hạnh thì làm sao tâm như đất được mà tâm

không như đất thì làm sao sống đúng đạo đức không làm khổ mình khổ người, mà còn làm khổ mình khổ người thì làm sao có giải thoát được.

Mỗi tu sĩ về đây tu hành họ đều phạm vào ba đức, ba hạnh này nên cuối cùng họ phải ra đi, nhưng tâm nguyện của người Thầy thâm ước nguyện một ngày nào đó họ tỉnh ngộ, nhận ra ba đức, ba hạnh là một đạo đức cao thượng tuyệt vời không làm khổ mình khổ người để trở về rèn luyện đức hạnh làm gương sáng cho mọi người soi, để mọi người nương vào ánh sáng đạo đức đó mà sống không làm khổ mình khổ người đem lại cho thế gian này thành cõi Thiên Đàng, Cực Lạc.

Một vị Thầy luôn luôn tâm niệm có những người đệ tử tu tập không phải vì mình mà vì mọi người thì mới có đủ nghị lực kiên cường sống đúng ba đức, ba hạnh, hầu hết tất cả tu sĩ về đây tu tập, tu cho cá nhân chứ chưa có người nào có nguyện ước tu vì mọi người.

Bởi con đường tu hành của Đạo Phật rất khó, nếu nghĩ tu cho cá nhân mình thì chẳng bao giờ sống đúng đạo đức không làm

khổ mình khổ người được.

Vì thế mỗi khi có một người đệ tử ra đi là lòng của vị Thầy xót xa thương tưởng cho người đệ tử của mình đang đi vào bước đường cùng trong đêm đen u tối, bởi vì vị Thầy đã biết duy nhất chỉ có một con đường Giới, Định, Tuệ của Đạo Phật sẽ đưa họ đến nơi giải thoát hoàn toàn và chấm dứt đau khổ của kiếp làm người, ngoài ra không còn giáo pháp nào hơn nữa. Nếu họ bỏ Giới, Định, Tuệ mà đi tìm một giáo pháp khác là họ đã tự mở cửa bước vào địa ngục.

Cho nên những người học trò của Thầy ra đi là lòng Thầy bồi hồi thương tiếc một kiếp người vô duyên với Phật pháp, vô duyên với sự giải thoát, đáng thương nhất là những người đệ tử theo Thầy tu hành mà đắm mê thần thông, sau thời gian theo Thầy tu tập chỉ mong Thầy thể hiện thần thông, nhưng họ thất vọng vì Thầy không thể hiện thần thông, từ đó họ nghi Thầy không có thần thông, nên lần lượt họ bỏ ra đi, nhìn những người đệ tử này ra đi mà Thầy bồi hồi xót xa. Tại sao người ta vô minh quá vậy? Tu có thần thông để làm gì? Để khoe khoang làm trò ảo thuật cho thiên

hạ xem chơi, chứ có ích lợi gì cho mình cho người đâu?

Tâm tham vọng của những con người này quá cao, muốn cho mình trở thành siêu nhân hơn tất cả mọi người trong thế gian này để làm gì? Để làm bá chủ toàn cầu. Nếu muốn trở thành siêu nhân như vậy thì nên qua Tây Tạng tu tập với các vị Lạt Ma chứ theo Đạo Phật thì không có dạy điều đó mà chỉ dạy cho chúng ta làm người có đạo đức không làm khổ mình khổ người được như vậy thế gian này là Thiên Đàng thì chúng ta đã mãn nguyện lắm rồi.

Hỡi các người đệ tử của Thầy có hiểu nỗi lòng của Thầy chăng? Thầy chỉ mong các đệ tử hãy tin nơi Thầy, Thầy sẽ dẫn dắt các con trên con đường đạo đức nhân bản làm người, thoát ra khỏi bản chất của loài cầm thú để trở thành thật sự là con người thật, con người có một tâm hồn cao thượng không làm khổ mình khổ người, các con theo Thầy quyết tìm con đường thoát khổ, có sao các con không chịu buông xả những thói đời thường tình của mình, để làm chi ôm ấp sự đau khổ trong lòng; có sao các con không chịu buông xả kiến chấp thân thông

của Mật Tông, lý luận mơ hồ trừu tượng ảo giác của Thiên Tông và mê tín, dị đoan của Tịnh Độ Tông mà chính những điều Thầy dạy đạo đức nhân bản lợi ích cho mình cho người thì các con lại xem thường lại bỏ đi, để đi tìm những cái cao siêu, cái cao siêu đó là cái mà các con đang bị các tôn giáo lừa đảo.

Nhìn những người đệ tử ngu si của mình đang lầm lạc trên đường tu tập, hầu hết mọi người đều bị các tôn giáo ru hồn vào cõi mộng siêu hình. Một vị Thầy rất đau lòng và thương yêu những người đệ tử của mình, nhưng biết làm sao hơn khi họ đã gieo hạt giống đắng thì phải gặt lấy quả đắng, luật nhân quả quá khắc nghiệt, nếu những người đệ tử ấy không biết thay đổi hạt giống thì muôn đời ngàn kiếp phải chịu lấy quả cay đắng mà thôi, dù cho Thầy có thương yêu các con bao nhiêu cũng không thể làm gì được cho các con mà chính các con phải thương yêu các con, các con phải biết từ bỏ những cái sai và nhận lấy những cái đúng, cái sai cái đúng này không ai bỏ giúp cho các con được mà phải chính các con tự bỏ lấy.

Lòng thương yêu vô bờ bến của một vị Thầy các con đâu hiểu được, khi các con đến xin Thầy tu học, thầy biết thói thường tình đời các con khó bỏ, nhưng trước lòng tha thiết của các con Thầy không nỡ nhả tâm từ chối, nhận rồi thì phải có trách nhiệm, nhưng những lời Thầy dạy mà các con vâng theo làm không sơ sót thì lòng Thầy vui sướng biết bao, nhưng khi các con làm không đúng lời dạy thì lòng Thầy đau xót vô cùng và biết rằng một ngày nào đó các con sẽ rời khỏi vòng tay của Thầy, vòng tay thương yêu tận tình đưa đường dẫn lối cho các con đi được an toàn và đến nơi đến chốn đạo đức nhân bản làm người không làm khổ mình khổ người. Điều này không làm thỏa mãn ước vọng của các con, vì tâm các con còn tham đắm một điều cao hơn.

Thế rồi các con lần lượt ra đi, đi với một lòng oán hận chỉ vì Thầy cấm không cho các con nói chuyện tà lao và tu những pháp tà giáo ngoại đạo, nhưng làm sao cấm được lòng người, chỉ họ phải biết tự giác ý thức pháp nào đúng, pháp nào sai.

Rồi những buổi chiều hoàng hôn khi tắt nắng Thầy nhìn ra cổng chùa như hướng

về một chân trời xa thẳm nơi ấy có những người đệ tử của mình đang tu hành sai pháp, rồi đây chúng sẽ chôn vùi cuộc đời chúng trong biển khổ muôn đời muôn kiếp.

Lòng thương yêu của một vị Thầy vô bờ bến lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ những lỗi lầm bất nghĩa và thương yêu những người đệ tử của mình đến hơi thở cuối cùng.

Tóm lại,

***“Những buổi chiều tà mưa phủ trắng,
Thầy cười tha thứ kẻ vong ân”.***

--->❖<---

TỨ BẤT HOẠI TỊNH

Hỏi: Kính thưa Thầy, khi tâm còn tham, sân, si, mạn, nghi, con tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì tâm con được giải thoát rồi, thì con khỏi tu Định Vô Lậu được không?

Đáp: Được, muốn tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì con phải tu Định Vô Lậu, tu Định Vô Lậu tức là thể hiện pháp môn Tứ Niệm Xứ, thể hiện Tứ Niệm Xứ tức là trên thân, thọ tâm và pháp mà tu tập, sống và làm việc

giống như thân, thọ, tâm, pháp của Đức Phật nhưng muốn tu tập cho được tốt thì con phải tùy theo đặc tướng thân, thọ, tâm và pháp của các con mà niệm Phật, niệm Pháp niệm Tăng và niệm Giới được triển khai mạnh, quét sạch tất cả các lậu hoặc, diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp.

Tu như vậy gọi là tu Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) với pháp Tứ Bất Hoại Tịnh, tức là tu Định Vô Lậu thân, thọ, tâm và pháp để sống và làm đúng như Đức Phật đang sống và đang hành. Đúng như pháp mà Đức Phật đã dạy không được làm sai lời dạy của pháp. Đúng như đời sống chúng Thánh Tăng đang sống đang hành và đúng như giới luật đã dạy không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả.

Tứ Bất Hoại Tịnh là bốn pháp hay là bốn đối tượng gương hạnh thanh tịnh của Đạo Phật, để làm bốn chỗ chúng ta lấy Thân, thọ, tâm và pháp của mình nương theo đó giữ gìn tu tập sống đúng đời sống giải thoát của bốn chỗ này, khiến cho thân tâm chúng ta thanh tịnh, nên Đức Phật gọi pháp môn này là Tứ Bất Hoại Tịnh.

Tứ Bất Hoại Tịnh có nghĩa là bốn pháp

tu tập giúp cho thân tâm thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh tức là sự giải thoát của Đạo Phật, sự giải thoát của Đạo Phật có nghĩa là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp có nghĩa là không làm khổ mình khổ người, không làm khổ mình khổ người là một đạo đức nhân bản của Đạo Phật, một đạo đức tuyệt vời biến cảnh thế gian này thành cảnh Cực Lạc, Thiên Đàng.

Trong kinh sách Nguyên Thủy Đức Phật dạy tu Tứ Bất Hoại Tịnh là có bốn cách niệm:

1/ Niệm Phật.

2/ Niệm Pháp.

3/ Niệm Tăng.

4/ Niệm Giới.

Niệm Phật

Niệm Phật như thế nào?

Các kinh sách Đại Thừa và các nhà học giả Phật Giáo dạy niệm Phật là niệm danh hiệu Phật như:

-Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni hay Nam Mô Ứng Cúng Chánh Biến, Tri Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

-Niệm Pháp là nam Mô Pháp.

-Niệm Tăng là Nam Mô Tăng.

-Niệm Giới là Nam Mô Giới.

Cho nên hiện giờ trong các chùa theo tượng giả của các nhà học giả Phật Giáo dạy Tăng Ni và các cư sĩ niệm Phật rất ồn ào niệm tất cả các danh hiệu của chư Phật mà các nhà Đại Thừa tượng tượng ra vô số tên, thậm chí như bộ Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân tượng tượng viết theo kiểu tiểu thuyết bốn thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh Đông Độ đó là những nhân vật giả tượng, không có thật, thế mà bộ kinh Hồng Danh sám hối lại ghi những nhân vật đó vào để chư Tăng, những ngày rằm và ngày 30 mỗi tháng đều niệm và lạy hồng danh chư Phật đó để xin sám hối cho tiêu tội, trong kinh có cái tên Nam Mô Đấu Chiến Thắng Phật tức là Tôn Hành Giả, Tề Thiên Đại Thánh, một loài khỉ đột mà nhà tiểu thuyết tượng

tượng ra chứ không có thật, thế mà các Tổ Sư Đại Thừa xem đó là có thật nên biên soạn kinh ghi vào bất Tăng, Ni và Nam Nữ cư sĩ niệm Hồng danh và lạy mơn đầu gối bằng một sự tưởng tượng không thật, thì thật là buồn cười cho quý Thầy Tăng Ni và cư sĩ u mê ngu si bị lừa đảo mà không hay biết bị lừa đảo.

Niệm Phật như kiểu này dù có niệm cho muôn ngàn kiếp thì thân tâm cũng không bao giờ thanh tịnh, một bằng chứng hiển nhiên mà ai cũng thấy, quý thầy và quý Phật tử trong các chùa quanh năm suốt tháng không có ngày nào mà không tụng kinh niệm Phật, nhưng chúng ta xét lại xem số tu sĩ và cư sĩ hiện giờ tụng kinh niệm Phật thân tâm có thanh tịnh hay không? Hay tâm còn tham, sân, si như các người khác. Như vậy gọi là niệm Phật thân tâm được thanh tịnh, Thân tâm thanh tịnh chỗ nào? Đó là tưởng giải của các nhà học giả dạy sai ý Phật nên người đời sau tu mà không có kết quả, biến cảnh chùa nơi tu hành thanh tịnh thành chỗ cúng tế, niệm danh hiệu Phật và tụng kinh chuông, trống, mõ làm in ỏi ồn náo, tụng kinh như hát lý ê a giọng cao giọng thấp trầm bổng nghe

như hát bộ. Kinh sách Đại Thừa biến dần Tứ Bất Hoại Tịnh thành pháp môn tụng niệm, nói cách khác là biến thành ca nhạc Phật Giáo để ru hồn tín đồ vào thế giới siêu hình mê tín, gây tinh thần tiêu cực tựa nương vào thế giới tưởng, khiến cho Phật Giáo mất hết ý nghĩa tự lực giải thoát, cho nên tín đồ hiện giờ nghe vị Thầy nào tụng niệm ê a giọng cao, giọng thấp thì rất thích, nghe như nghe âm nhạc thế gian và còn thích hơn vì thỏa mãn được tình cảm thân thương của mình đối với những người thân.

Từ cái hiểu sai dẫn đến sự tu sai, khiến cho Phật Giáo suy thoái không còn người tu chứng đạo, chỉ còn là vọng ngữ huyền thoại nói láo chuyên nhau.

Niệm người ta hiểu nghĩa của nó là lập đi lập lại một câu kinh, một danh hiệu Phật bằng ý không lời hoặc phát ra lời nói, họ còn hiểu sai hơn nữa là nhờ câu niệm Phật để ức chế tâm không vọng tưởng như trong kinh Di Đà dạy: “...***Thất nhứt nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật, dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền***”, có nghĩa là niệm Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày tâm không loạn

tức là không có vọng tưởng thì thấy Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện ra trước mặt, báo cho biết trước khi lâm chung Đức Phật và Thánh Chúng sẽ phóng hào quang rước về cõi Cực Lạc Tây Phương. Hiểu như vậy nên Thầy Tổ nào cũng có một xâu chuỗi, lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật.

Từ chỗ hiểu sai Tứ Bất Hoại Tịnh các nhà học giả Đại Thừa và Thiền Đông Độ đã biến thành một pháp môn ức chế tâm, pháp môn ức chế tâm chẳng giúp cho người tu giải quyết được gì cả mà còn thêm bệnh.

Niệm trong Tứ Bất Hoại Tịnh có nghĩa là tư duy, quán xét, suy ngẫm về thân, thọ, tâm và pháp của Đức Phật, sống như thế nào mà tâm hồn thanh thản an lạc giải thoát, cho nên niệm có nghĩa là tâm tâm niệm niệm về đời sống của Đức Phật, Ngài sống như thế nào mà tâm không phóng dật? Ngài sống như thế nào mà không làm khổ mình khổ người?

Khi mà tâm niệm của chúng ta như vậy khiến cho tâm chúng ta đặt lòng tin trọn vẹn ở Đức Phật, do đó Đức Phật sống như thế nào thì chúng ta sẽ cố gắng sống như thế nấy, Đức Phật làm như thế nào

thì chúng ta sẽ cố gắng làm như thế này. Sống và làm đúng như Phật thì tâm chúng ta thanh tịnh, không còn phóng dật tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp tức là tâm giải thoát hay nói một cách khác hơn là làm chủ cuộc sống tâm bất động trước các pháp, như vậy mới gọi là niệm Phật thân tâm bất hoại tịnh.

Đây là một bài kinh dạy cách thức chúng ta niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới rõ ràng, chỉ vì các nhà Đại Thừa chẳng chịu nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy tự kiến giải rồi dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới theo tưởng khiến cho người tu tập ức chế tâm thành bịnh. Niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc đâu không thấy mà chỉ thấy bịnh đau quá hiểm nghèo. Hòa Thượng Thiên Tâm là người xương minh pháp môn Tịnh Độ chuyên rờn niệm Phật, không biết Ngài niệm Phật ức chế tâm như thế nào mà trước khi chết Ngài đã ói ra máu, chúng tôi cũng có một người đệ tử cũng tu ức chế tâm để tịnh chỉ hơi thở cũng khạc ra máu đống đống. Đây chúng ta nghe Đức Phật dạy niệm Phật: ***“Ở đây, này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không***

bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Như Lai. Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, liền được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người ấy có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người não hại, vị ấy không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật là vậy”.

(Kinh Tăng Chi tập 3 trang 16).

Trên đây là một trong những bài kinh đã xác định Đức Phật dạy niệm Phật rõ ràng “*dựa vào Như Lai*” có nghĩa là sống giống như Như Lai thì đó là niệm Phật đúng nghĩa.

Niệm Pháp

Niệm Pháp như thế nào?

Niệm Pháp không phải theo kiểu các Nhà học giả Đại Thừa dạy: “**Nam Mô Pháp**”, niệm Pháp như vậy dù cho có niệm đến 1.000 năm 1.000.000 năm, thân tâm của quý vị cũng không thanh tịnh.

Niệm Pháp có nghĩa là tư duy suy nghĩ những pháp mà Đức Phật đã dạy.

Ví dụ: Đức Phật dạy: “**Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp**”, theo lời dạy này ngày ngày tâm tâm niệm niệm luôn luôn cảnh giác giữ gìn và ngăn ngừa các pháp ác, nếu lỡ có các pháp ác sanh ra thì mau mau tìm cách diệt nó không được để trong tâm kéo dài sự khổ đau giận hờn phiền toái bất toại nguyện, khiến cho tâm thanh thản an lạc nhẹ nhàng thoải mái yên ổn, đó chính là chúng ta niệm Pháp, niệm Pháp như vậy có kết quả giải thoát ngay liền khiến cho tâm thanh tịnh nên gọi là niệm Pháp thân, tâm bất hoại tịnh.

Pháp của Đức Phật có 37 phẩm trợ đạo, chúng ta nên chọn trong 37 phẩm trợ đạo này với một pháp môn nào phù hợp với đặc tướng của mình rồi lấy đó thực hành áp dụng vào cuộc sống hằng ngày để xây

dựng cho mình có một đạo đức làm người mà không làm khổ mình khổ người, đây là niệm pháp bất hoại tịnh.

Đây chúng ta hãy lắng nghe một đoạn kinh mà Đức Phật đã dạy niệm Pháp: ***“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu!”*** Này Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối; trong khi ấy tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Pháp. Và này Mahànàma, Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này được nói như sau: ***“Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người có oán hại, vị ấy sống không***

nã hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm Pháp”.

(Kinh Tăng Chi tập 3 trang18)

Niệm Tăng

Niệm Tăng như thế nào?

Nếu theo kinh sách của các nhà học giả Đại Thừa dạy: ***“Nam Mô Tăng”*** và cứ như vậy mà niệm thì dù có tu trăm muôn ngàn kiếp thì thân tâm này cũng chẳng thanh tịnh, Nam Mô Tăng như vậy là một pháp ức chế tâm khiến cho tâm bị dồn nén tham, sân, si, mạn, nghi, càng tu thì tâm này càng tham, sân, si dữ tợn khi gặp chướng ngại pháp.

Muốn tu pháp niệm Tăng cho đúng thì trước tiên phải chọn những vị Tăng nghiêm trì giới luật, Những vị Tăng nghiêm trì Giới luật là những vị sống thiếu dục tri túc, ba y một bát, sống không có chùa to Phật lớn, sống xa lìa những vật chất tiện nghi đầy đủ, sống không có ăn mặc sang đẹp, sống thường đi xin từng miếng mà ăn, sống không cất giữ tiền bạc của cải tài sản, thường lấy gốc cây làm giường nằm, sống ngày một bữa không có ăn uống phi thời.

Chọn được những vị Tăng như vậy chúng ta tôn kính những bậc này và xin họ làm Thầy. Từ đây chúng ta có ngọn đuốc soi đường, hằng ngày ta quan sát tư duy qua gương Thánh hạnh đạo hạnh của họ và chúng ta tập sống như họ, để biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, để biết đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, để biết thương yêu hòa hợp với mọi người, để biết chịu phần thiệt về mình luôn luôn bắt chước các đức hạnh của chúng Tăng, sống theo gương Thánh đức của chúng Tăng. Ngược lại những vị tăng phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới thì chúng ta xem họ như những tu sĩ Bà La Môn không đáng cho chúng ta cung kính và cúng dường.

Tư duy quán xét những đức hạnh sống của chúng Thánh Tăng để lấy đó làm gương sống tu tập ly dục ly ác pháp, đó mới chính là chúng ta niệm Tăng. Niệm Tăng như vậy có ích lợi cho mình cho người rất lớn sẽ không làm khổ mình khổ người; niệm Tăng như vậy thân tâm mới thanh tịnh; niệm Tăng như vậy mới gọi là niệm Tăng Bất Hoại Tịnh.

Đây là lời Đức Phật dạy chúng ta cách

thức niệm Tăng: **“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: “Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời”**. Này Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm chúng Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối, trong khi ấy tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào tùy niệm chúng Tăng. Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến chúng Tăng. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ tâm được định tĩnh.

Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: **“Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người có não hại, vị ấy sống**

không nào hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm chúng Tăng”.

(Kinh Tăng tập 3 trang 19)

Niệm Giới

Niệm Giới như thế nào?

Các nhà Đại Thừa dạy niệm giới bằng các mỗi nửa tháng một kỳ ngày 14 hoặc ngày 30 họ tập trung nhau lại tụng giới đó là cách thức của họ niệm giới, niệm giới như vậy dù một triệu kiếp tu hành giới luật cũng không nghiêm trì thanh tịnh được.

Họ đâu biết rằng Giới luật là hành động sống đạo đức của một vị Thánh Tăng, nếu họ tụng giới luật suông như vậy thì không có ý nghĩa và lợi ích gì cả, đó chỉ là hình thức che đậy sự phá giới của họ.

Cho nên hầu hết các Thầy Đại Thừa niệm Giới như vậy đều sống phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới.

Các nhà Đại Thừa hiểu không đúng pháp Tứ Bất Hoại Tịnh nên thực hành sai, do thực hành sai mà thân tâm ô nhiễm không thanh tịnh, cuối cùng tu Tứ Bất Hoại Tịnh mà thành Tứ Hoại Tịnh, không có giải

thoát chút nào. Vậy niệm Giới như thế nào cho đúng?

Muốn niệm Giới cho đúng thì phải học giới luật cho thông suốt, Khi Giới luật đã học thông suốt thì chúng ta quán xét và tư duy những đức hạnh nào của giới dạy về đạo đức làm người và những giới luật nào dạy về giới đức làm Thánh. Chúng ta đã hiểu rõ các đức hạnh của giới xong, thì từ đó hằng ngày chúng ta quyết tâm phải sống cho đúng những đạo đức làm người và làm Thánh, nhờ có quán sát và tư duy như vậy nên sống đúng giới luật nghiêm túc, do sống đúng giới luật nghiêm túc nên thân tâm thanh tịnh ly dục ly ác pháp.

Người tư duy quán sát và sống đúng giới luật như vậy nên gọi là niệm Giới Bất Hoại Tịnh, niệm như vậy mới gọi là niệm giới chứ không phải niệm giới theo kiểu các nhà Đại Thừa tụng một bài giới là xong, niệm Giới như vậy, gọi là niệm giới Đại Thừa, chứ không phải niệm Giới Bất Hoại Tịnh.

Đây chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy niệm Giới: ***“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm các giới của***

mình: “Giới không bị bẻ vụn, không bị sút mẻ, không bị vết chàm, không bị ướm tấy, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiên định”. Nay Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm Giới, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối, trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Giới. Và nay Mahànàma, một Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến giới pháp. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Nay Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm Giới”.

(Kinh Tăng Chi tập 3 trang19)

Đây là một trong những bài kinh để xác chứng lời Đức Phật dạy như vậy mà các Tổ dám cả gan dạy sai, khiến cho người

đời sau tu tập sai lạc, đó là các Tổ dạy sai pháp của Đức Phật, còn những pháp các Tổ bịa đặt ra cũng đều gán cho là Đức Phật thuyết. Bởi vậy, từ 25 thế kỷ nay người ta tu theo Đạo Phật chứ kỳ thật là người ta tu theo Đạo của các Tổ, cho nên hàng triệu vạn người tu hành mà chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Con nên nhớ, nếu con quyết tâm tu hành tìm cầu sự giải thoát của Đạo Phật, thì chỉ cần tu Tứ Bất Hoại Tịnh con cũng đã thành tựu viên mãn con đường tu tập có nghĩa là con sẽ làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, thì cần gì con phải tu các pháp môn khác.

Còn nói con tu Tứ Bất Hoại Tịnh câu hữu với Định Vô Lậu là vì con tư duy, quán xét, suy ngẫm về Phật, Pháp, Tăng và Giới để con thực hiện sống cho đúng như Phật như Pháp, như chúng Thánh Tăng và như giới luật đã dạy, để không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, đó là cách thức quét sạch lậu hoặc trong con nên mới gọi là câu hữu với Định Vô Lậu, chứ kỳ thực con không có tu Định Vô Lậu mà tu Tứ Bất Hoại Tịnh.

Tóm lại một người quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát thì chỉ cần tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì cũng đủ sự giải thoát rồi đâu cần gì phải tu nhiều thứ cho mệt.

Ví dụ mình quyết sống như Phật thì khi gặp chướng ngại pháp trong tâm, chúng ta nhất định không sân, không phiền não, không đau khổ sống và làm y như Phật thì ngay đó thân tâm thanh tịnh hay nói cách khác là tâm bất động trước các pháp. Tu hành chỉ có bấy nhiêu như vậy mà thôi thế mà chẳng ai làm được cả.

Pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh là một pháp môn hay tuyệt vời, nếu một người quyết tử tu tập thì sẽ có kết quả ngay liền, không còn phải chờ đợi kéo dài từ năm này đến tháng kia hoặc năm khác.



TU ĐỊNH HIỆN TẠI AN LẠC TRÚ

Hỏi: Kính bạch Thầy, Định Hiện Tại An Lạc Trú, con chỉ tu 30' thường hướng tâm: "Sáu căn phải tập trung tại tụ điểm nghe hơi thở và nhìn hơi thở". Rồi con lại tiếp tục hướng tâm nữa: "Hơi thở phải chậm

và nhẹ” Con thấy hơi thở con càng lúc càng chậm, càng nhẹ dần. Nhờ con tu ít lại nên hôn trầm cũng bớt nhiều, tu như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Đúng, Định Niệm Hơi Thở con tu như vậy rất tốt. Khi hơi thở nhẹ và chậm, tâm yên lặng và bám chặt vào hơi thở thì con hãy tiếp tục hướng tâm vắng lặng. Tỉnh thoảng và nhẹ nhàng thoảng hướng tâm như lý tác ý: **“Nhĩ thức hãy nghe vào trong và nằm yên như ngủ, không được nghe ra ngoài”**.

Nếu khoảng thời gian này con chỉ cần kéo dài 30’ là cao nhất, không nên kéo dài thêm nữa, vì kéo dài thêm nữa con sẽ rơi vào trạng thái tĩnh lặng và khi rơi vào trạng thái tĩnh lặng thì rất là nguy hiểm, vì từ trạng thái tĩnh lặng sẽ phát sinh sáu loại tướng đầu tiên:

1- Xúc tướng hỷ lạc, là một cảm giác an lạc thích thú của xúc tướng.

2- Sắc tướng là thấy ánh sáng hào quang hoặc thấy hình ảnh chư Phật chư Tổ, ma quỷ v.v...

3- Thính tướng là nghe âm thanh hoặc

tiếng nói trong tai v.v..

4- Hương tưởng là cảm giác mùi thơm bay phảng phất.

5- Vị tưởng là cảm giác nước miếng ngọt và đang tiết ra trong miệng.

6- Pháp tưởng là hiểu thông suốt 1700 công án Thiền Tông và các loại kinh tưởng Đại Thừa.

Khi hành giả tu hành, gặp sáu loại tưởng này thì bản ngã to lớn vĩ đại, kiến chấp sâu dày rất khó bỏ.

Định Hiện Tại An Lạc Trú là một tên gọi chung cho bốn loại Thiền Định Vô Thượng Tâm của Phật Giáo là:

- 1- Sơ Thiền.
- 2- Nhị Thiền.
- 3- Tam Thiền.
- 4- Tứ Thiền.

Khi nhập vào bốn loại thiền định này trong hiện tại có sự an lạc, cho nên gọi là Hiện Tại An Lạc Trú Định. Nhập vào bốn loại thiền định này là phải tu hai loại định

thân hành niệm nội (hơi thở) và thân hành niệm ngoại (hành động bên ngoài của thân)

Trong bốn loại thiền định này, có một loại định rất khó tu tập nhất, đó là Sơ Thiền, Sơ Thiền là một loại thiền xả tâm, nếu hành giả tu hành không biết chỉ cần sơ sót là rơi vào thiền ức chế tâm, thì chẳng bao giờ nhập Sơ Thiền được.

Người muốn nhập Định Hiện Tại An Lạc Trú này thì phải nghiêm trì và sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt, luôn luôn lúc nào cũng phải phòng hộ sáu căn giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý của mình không cho dính mắc sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Và lại còn phải chấp nhận hạnh thiếu dục tri túc, sống đúng đời sống phạm hạnh của một vị Thánh Tăng thì mới thực hiện được Định Hiện Tại An Lạc Trú Định.

Nếu không sống đúng một đời sống phạm hạnh thì khó mà nhập được các loại định này, vì cánh cửa Sơ Thiền đóng rất kín nếu kẻ nào phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới thì chỉ còn đứng ngoài cửa chứ không được vào. Tại sao vậy?

Tại vì Giới luật còn vi phạm thì thân tâm không thanh tịnh, thân tâm chưa thanh tịnh thì tâm chưa ly dục ly ác pháp, tâm chưa ly dục ly ác pháp thì không thể nào vào cửa Sơ Thiền được, không vào cửa Sơ Thiền được thì khó mà nhập Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền. Như vậy Hiện Tại An Lạc Trú Định khó mà bước vào được.

Theo sự trình bày tu tập của con là Định Niệm Hơi Thở, chứ không phải Định Hiện Tại An Lạc Trú đó là giai đoạn thứ nhất trong sự tu tập tỉnh thức của Định Niệm Hơi Thở để tỉnh thức xả tâm ly dục ly ác pháp, khi xả tâm ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì đó mới bắt đầu nhập vào Định Hiện Tại An Lạc Trú. Ở đây con chỉ tu mới được phân nửa thuộc về tỉnh thức, còn phân nửa thuộc về xả tâm thì hiện giờ con phải áp dụng vào phương pháp quán xét Tứ Niệm Xứ tức là tư duy suy ngẫm bốn chỗ: Thân, thọ, Tâm và các pháp, xem trên bốn chỗ này có chướng ngại pháp hay không, nếu không chướng ngại pháp thì con nên để tâm tự nhiên biết hơi thở ra vào chứ đừng bắt buộc hay ức chế tập trung tâm vào hơi thở.

Định Hiện Tại An Lạc Trú không khó nhập, nếu một người ngộ lý mười hai nhân duyên thông suốt thế giới các pháp đều do duyên hợp mà thành, do đó trên thế gian này không có một pháp nào thường hằng vĩnh viễn, dù cho ai muốn giữ gìn cũng không được. Có vật chất càng nhiều thì càng khổ, cho nên càng xả bỏ ra thì càng giải thoát, xả nhiều giải thoát nhiều, xả ít giải thoát ít, xả hết thì hoàn toàn giải thoát. Vì thế đời sống phàm hạnh của một vị Thánh Tăng chỉ còn ba y một bát, sống không nhà cửa không gia đình, đó là giải thoát hết, nên đời sống của một vị Thánh Tăng là đời sống buông xả, đời sống giải thoát.

Phần nhiều tu sĩ thời nay sống phàm hạnh bằng hình thức bên ngoài mà trong tâm thật sự chưa xả, có nghĩa là trong tâm chưa nhàm chán thế gian, chưa thấy mười hai duyên hợp thật sự nên còn ham thích cái này, cái nọ.

Tâm chưa nhàm chán các pháp thế gian thì khó mà nhập được Hiện Tại An Lạc Trú Định. Tuy rằng theo đường dây hơi thở mà nhập các loại định này, nhưng không nhàm chán các pháp thế gian thì không bao giờ

nhập được.

Định Hiện Tại An Lạc Trú phải theo đường dây hơi thở mà vào, chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy trong kinh Nikaya: ***“Này các Thầy Tỳ Kheo! Ta trước khi chưa giác ngộ, chưa chứng chánh đẳng giác, còn là Bồ Tát.***

Này các thầy Tỳ Kheo! Do Ta tu tập nhiều với pháp môn này thân ta và con mắt không có một nhọc và tâm Ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Đoạn kinh trên Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, do khéo tu Hiện tại An Lạc Trú Định, thân và con mắt không có mỗi mệt, tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc và không có còn chấp thủ, nhưng phải do đường dây hơi thở mà tu tập, đường dây hơi thở mà Đức Phật còn gọi là Định Niệm Hơi Thở và pháp hướng tâm. “Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy muốn rằng: “Thân và con mắt khỏi bị mỗi mệt và tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ” thì Định Niệm Hơi thở vô, hơi thở ra cần phải khéo tác ý”.

Cần phải khéo tác ý hơi thở vô hơi thở ra như thế nào và thân và con mắt không có mỗi một còn tâm thì được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ, chấp thủ ở đây có nghĩa là ức chế vọng tưởng. Hầu hết mọi người tu về Định Niệm Hơi Thở đều không hiểu chỗ này, cho nên tu tập hơi thở thành ức chế tâm như pháp Sở Túc Quan của Đại Thừa và Lục Diệu Pháp Môn của Thiền Đông Độ.

Chúng ta hãy trở về Định Niệm Hơi Thở trong bài kinh Xuất Túc Nhập Túc thuộc kinh Nikaya Trung Bộ: ***“Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”***, đó là câu hướng tâm theo hơi thở để tâm không bị ức chế vọng tưởng mà được nhẹ nhàng tự nhiên hơn, cho nên thân và con mắt không có mỗi một, tâm thì được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không bị ức chế. Đây chúng ta nghe tiếp bài kinh Xuất Túc Nhập Túc: ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”*** Do sự tu tập khéo tác ý như vậy nên sự tu tập đạt được theo ý muốn của mình.

Nếu chúng ta muốn cho tâm được thanh thản, an lạc và vô sự tức là đoạn tận

vọng tưởng không còn xen vào trong tâm mà thân tâm không bị ức chế thì chúng ta cũng nương theo hơi thở và tác ý như vậy: ***“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy muốn rằng các niệm các tư duy được đoạn tận” thì Định Niệm hơi Thở vô, hơi thở ra này cần phải khéo tác ý”***.

Nếu trong đời tu hành của chúng ta còn dính mắc một điều gì không buông xả được cũng như không nhàm chán các pháp thế gian tâm vẫn còn ham thích thì chúng ta cũng nên dùng Hiện Tại An Lạc Trú Định mà tu tập theo pháp hướng tâm như lời Đức Phật dạy: ***“Do vậy, này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy muốn tu tập với tưởng nhàm chán đối với các pháp không nhàm chán” thì Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra này cần phải được tác ý”***.

Nếu muốn tâm giữ gìn giới luật nghiêm túc, tâm không phóng dật, tâm ly dục ly ác pháp thì cũng phải tu Định Niệm Hơi Thở như Đức Phật đã dạy: ***“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu các Thầy mong rằng ly dục ly ác pháp, các Thầy sẽ chứng đạt và an trú Thiền Thứ Nhất***

một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tâm có tứ” thì Định Niệm Hơi Thở vô, hơi thở ra cần phải được khéo tác ý”.

Nếu quý vị muốn nhập Nhị Thiên thì quý vị cũng phải nương vào hơi thở của Định Hiện Tại An Lạc Trú và khéo tác ý như lời Đức Phật đã dạy: ***“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo! Nếu Tỳ Kheo muốn rằng: “Mong rằng làm cho tịnh chỉ tâm tứ, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiên Thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ nội tinh nhất tâm, thời Định Niệm Hơi Thở vô hơi thở ra này cần phải tác ý”.***

Nếu quý vị muốn nhập Tam Thiên thì cũng phải theo đường dây hơi thở và hướng tâm như lý của Tam Thiên tác ý thì sẽ nhập Tam Thiên không mấy khó khăn như lời Đức Phật đã dạy: ***“Do vậy, này các Thầy Tỳ Kheo, nếu các Thầy ước muốn rằng: “Mong rằng ly hỷ trú xả, Chánh Niệm Tỉnh Giác cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tôi sẽ chứng đạt và an trú Thiên Thứ Ba thì Định Niệm Hơi Thở vô và hơi thở ra này cần phải tác ý”.***

Nếu quý vị muốn nhập Tứ Thiên thì Định Niệm Hơi Thở Vô, Hơi Thở Ra cần phải được khéo tác ý như Đức Phật đã dạy: ***“Do vậy này các Thầy Tỳ Kheo, nếu các Thầy ước muốn rằng: “Mong rằng đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, tôi chứng đạt và an trú Thiền Thứ Tư không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh” thì Định Niệm Hơi Thở Vô và hơi thở ra này cần phải được tác ý”***.

Định Hiện Tại An Lạc Trú tức là Bốn Thiên Hữu Sắc, nhưng muốn tu Bốn Thiên Hữu Sắc thì phải dùng Định Niệm Hơi Thở nhưng phải luôn luôn khéo tác ý đúng bốn trạng thái ly, diệt, xả của Bốn loại thiền này.

Ví dụ: Sơ Thiên muốn đạt được thì phải ly dục ly ác pháp. Nhị Thiên thì phải tịnh chỉ tâm tứ hay nói cách khác là diệt tâm tứ. Tam Thiên thì phải ly các loại hỷ tưởng hay nói cách khác là ly hỷ trú xả. Tứ Thiên thì phải tịnh chỉ hơi thở hay nói cách khác là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh.

Còn con đã trình bày ở trên là tu tập tỉnh thức trong Thân Hành Niệm Nội và đã được kết quả như ý, nhưng con phải dùng

sự tỉnh thức này tu Tứ Niệm Xứ tức là con quán sát bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp nếu có niệm xảy ra trên bốn chỗ này thì con dùng Định Vô Lậu quán xét đẩy lui các chướng ngại pháp đó, nên trong Tứ Niệm Xứ đức Phật dạy:

“1- Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu”.

“2- Trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu”.

“3- Trên tâm quán tâm để khắc phục tham ưu”.

“4- Trên pháp quán pháp để khắc phục tham ưu”.

Thầy xin nhắc lại, muốn tu tập Tứ Niệm Xứ thì trước tiên phải tu tập định Niệm Hơi Thở như con đã trình bày ở trên, sau khi tu tập Định Niệm Hơi Thở đã có sức tỉnh thức thì lấy sức tỉnh thức đó áp dụng vào Tứ Niệm Xứ để khắc phục tham ưu tức là ly dục ly ác pháp.

Bây giờ con quan sát lại lộ trình tu tập có ba giai đoạn đi vào Định Hiện Tại An Lạc Trú:

1/ Giai đoạn thứ nhất con tu Định Niệm Hơi Thở để có tỉnh thức.

2/ Giai đoạn thứ hai con dùng sức tỉnh thức của Định Niệm Hơi Thở tu Tứ Niệm Xứ để ly dục ly ác pháp, tức là con hoàn chỉnh giới luật thanh tịnh.

3/ Giai đoạn thứ ba con dùng tâm ly dục ly ác pháp để nhập bốn loại thiền định hữu sắc đó là Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền tức là con đã hoàn chỉnh bốn thiền định hữu sắc.

Như vậy ba giai đoạn này con đã tu được hai phần ba đường của Đạo Phật còn một phần nữa là xong nốt quãng đường giải thoát đó là Tam Minh.

Tóm lại con đã tu từ 5' - 30' tỉnh thức trong Định Niệm Hơi Thở, kết quả ấy con đem áp dụng vào TỨ Niệm Xứ để quan sát thân, thọ, tâm, pháp có chướng ngại pháp thì con nên đẩy lui. con nên hiểu giai đoạn này là giai đoạn tu tập ly dục ly ác pháp, giai đoạn cam go nhất của người tu hành theo Đạo Phật và nó cũng là giai đoạn khó khăn nhất.

Sự tỉnh thức của con tu đúng pháp khi

áp dụng vào Tứ Niệm Xứ thì rất dễ đẩy lui chướng ngại pháp, đẩy lui chướng ngại pháp tức là con đã ly dục ly ác ác pháp dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc, còn sự tỉnh thức chưa đúng pháp thì tu tập hay quên, còn đẩy lui chướng ngại pháp khó khăn là pháp hướng chưa có đủ lực, nhưng bên chí hướng tâm thì con sẽ đạt được kết quả như ý muốn.



ĐỊNH SÁNG SUỐT

Hỏi: Kính thưa Thầy, những lúc nào con tu Định Sáng Suốt. Khi ngồi trên xe buồn ngủ, hoặc đang may vá buồn ngủ, con tu Định Sáng Suốt có được không?

*Đáp: Được, khi buồn ngủ con nên tu Định Sáng Suốt, tu Định Sáng Suốt là con phải đi kinh hành hoặc ngồi ám thị hướng tâm mạnh, phải gằn giọng như ra lệnh: **“Phải tỉnh thức sáng suốt như ban ngày, không được buồn ngủ nữa như ban đêm!”***Tốt hơn hết khi buồn ngủ thì con nên đứng dậy đi kinh hành, nhưng con ngồi trên xe hoặc đang may vá buồn ngủ thì

không thể đi kinh hành được vậy chỉ còn có cách dùng pháp hướng tâm đuổi ma hôn trầm mà thôi.

Định Sáng Suốt là một loại thiền định để thư giãn khi làm việc cũng như tu tập quá sức nên sanh ra mỗi một lưỡi biếng hôn trầm thù miên v.v..

Sau mỗi thời gian tu tập các loại định khác thì lại xen kẽ Định Sáng Suốt vào để thư giãn thân tâm trở về trạng thái bình thường, khiến cho thân tâm bớt căng thẳng bớt mệt mỏi và thoải mái dễ chịu hơn. Người tu tập thiền định mà không biết dùng Định Sáng Suốt thư giãn thì càng tu tâm trí càng u tối, dần dần ai bảo sao nghe vậy chẳng biết phân biệt thiền nào của Phật và thiền nào của ngoại đạo.

Phân đông hiện giờ tu sĩ cũng như cư sĩ đều chịu ảnh hưởng của kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ, ngồi tu thì ức chế tâm cho hết vọng tưởng họ nghĩ rằng hết vọng tưởng là thành Phật hay là chứng ngộ hoặc triệt ngộ, do đó có nhiều trường hợp xảy ra:

1/ Nếu người tu tập có hệ thống thân kinh tốt thì không bị rối loạn, còn người tu

tập có thần kinh yếu thì bị rối loạn và điên khùng.

2/ Nếu người tu tập có hệ thần kinh tốt không bị rối loạn không điên khùng, nhưng vì quá tập trung ức chế tâm không vọng tưởng nên nặng đầu, các cơ mặt bị căng khiến cho đau nhức khó chịu hoặc các cơ hoành hoặc ngực tức lói làm cho sự tu tập có lùi chứ không có tiến.

3/ Nếu người tu tập hệ thần kinh tốt và các cơ mặt, cơ hoành đều tốt thì không bị rối loạn, không bị căng đau nên ức chế ý thức ngưng hoạt động, ý thức ngưng hoạt động thì tưởng thức thay vào hoạt động, giống như người ngủ có chiêm bao, nhưng ở đây vì tu tập ức chế nên con người vẫn hoạt động bình thường nhưng lại ý thức không hoạt động nên tưởng thức hoạt động với mức độ bình thường thì đương nhiên người này có nhiều lý luận mơ hồ trừu tượng siêu hình vô vi mà Đức Phật gọi những hạng người này là những hạng người sống trong tưởng tri như các nhà học giả, các nhà thần học, các nhà Đại Thừa như Long Thọ, Thế Thân, Vô Trước, Mã Minh v.v.. và các Thiền Sư Đông Độ.

Còn tưởng thức hoạt động ở mức độ cao thì họ sống hoang tưởng, nhưng họ chưa hẳn điên thật gần giống như người điên.

Đó là những trường hợp xảy ra cho những người tu thiền ức chế tâm mà không có phương pháp thư giãn còn ngược lại thiền xả tâm của Đức Phật tu hành không ức chế tâm mà còn có một loại định thư giãn như quý vị đã biết, đó là Định Sáng Suốt.

Cách thức tu tập Định Sáng Suốt có hai giai đoạn:

1/ Ví dụ: lúc 7 giờ sáng bắt đầu chúng ta tu Định Niệm Hơi Thở đến 7g 30' chúng ta xả ra nghỉ, xả nghỉ tức là thư giãn, thư giãn tức là tu Định Sáng Suốt. Muốn tu Định Sáng Suốt thì chúng ta phải ngồi tựa lưng, buông thông hai tay hai chân, các cơ trong thân cũng phải đều buông thông xuống hết rồi chúng ta hướng tâm nhắc: ***“Các cơ trong thân buông xuống hết, thần kinh trong thân đều thư giãn hết, thân tâm phải thoải mái, nhẹ nhàng, thanh thản, an lạc và vô sự”***, khi nhắc như vậy xong thì ta buông thông các cơ xuống không được gồng một cơ bắp nào cả và tâm thì không được tập trung vào một đối tượng nào, để tự

nhiên cho thân tâm tự do một cách dễ chịu.

2/ giai đoạn hai, khi thân tâm thoải mái dễ chịu thì chúng ta hướng tâm nhắc: ***“Thân tâm phải thanh thản, an lạc và vô sự, tâm phải sáng suốt như ban ngày, như ánh sáng mặt trời”***.

Trong thời gian thư giãn, thỉnh thoảng chúng ta lại nhắc câu pháp hướng này cứ như vậy để giúp cho thân tâm nhẹ nhàng thoải mái cho đến hết giờ thư giãn.

Trong lúc tu Định Sáng Suốt thư giãn như vậy và thân tâm cảm giác tỉnh táo nhẹ nhàng thanh thản an lạc và vô sự thì đó là tu đúng bằng ngược lại là tu sai.

Khi thư giãn xong cơ thể phục hồi lại sức khoẻ cảm giác tỉnh thức và siêng năng ham tu, còn ngược lại thì tu sai bây giờ tiếp tục tu Định Chánh Niệm Tỉnh Giác vừa đi kinh hành vừa hướng tâm tỉnh thức theo bước đi mà cũng vừa hướng tâm ly tham đoạn ác pháp.

Khi đi kinh hành xong khoảng độ 30' chúng ta ngồi lại xả nghỉ và thư giãn như trước, cứ như vậy chúng ta tiếp tục tu tập suốt ngày đêm không biết mỗi mết và càng

tu càng thấy tiến bộ rõ rệt tức là thấy thân tâm an lạc, thanh thản, vô sự giải thoát rõ ràng. Riêng về phần pháp hương thì thấy hiệu quả, cụ thể rõ ràng hơn, cứ ra lệnh là thân tâm làm theo như ý muốn của mình.

---->❖<----

KHI TU XONG, CÒN THAM, SÂN, SI NỮA KHÔNG?

Hỏi: Kính thưa Thầy, câu “vì vô minh nên ta sống viển ly” có phải người sống viển ly như vậy tu toàn pháp quán, tướng, Định Vô Lậu, tu không có đối cảnh để buông xả, ly dục ly ác pháp....nhưng khi ra giữa chợ, họ còn thèm ăn, ai chửi mắng họ còn có tức giận và tham, sân, si nữa hay không?

Đáp: “Vì vô minh ta sống viển ly” Vô minh là không hiểu rõ, viển ly là xa lìa.

Câu này không có nghĩa bỏ cuộc đời sống một mình trong rừng núi như các nhà Yoga, ông Nguyễn Bình Khiêm mà phải hiểu **“vì thông hiểu rõ các pháp nên các pháp đến ta đều bỏ xuống không cho dính mắc trong tâm”**.

Tu không đối tượng không bao giờ có giải thoát chỉ là một dạng người yếm thế tiêu cực trốn đời, lánh khổ. Đạo Phật không chấp nhận điều này nên pháp môn hành thiền của Ngài, Thiền thứ nhất **“ly dục ly ác pháp”** diệt ngã xả tâm quét sạch ngũ triền cái, đoạn dứt thất kiết sử, chỉ khi nào tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa, thì mới sống độc cư trong rừng núi một mình để thực hiện những thiền định sau cùng. Xưa đức Thích Ca Mâu Ni đã trải qua nhiều kiếp tu hạnh **“Nhẫn nhục”**, **“Tứ vô lượng tâm”** (tu có đối tượng) đến kiếp cuối cùng Ngài mới thành Phật. Tu có đối tượng tức là **“Hoa sen nở trong lò lửa”**.

Người tránh cảnh, tu để tiêu dao, thanh thoi an lạc không ai quấy rầy là người yếm thế như Lão Trang (Tiên Đạo). Khi đụng đến đối tượng, bao nhiêu tâm phiền não vẫn còn đầy đủ.

Đạo Phật không yếm thế, ngay cảnh phiền não, giải quyết tâm mình, buông xả hay viễn ly, tức bồ đề (giải thoát).

“Vì vô minh ta sống viễn ly”, câu này theo như các con hiểu khi tâm chúng ta còn tham, sân, si thì nên sống tránh xa mọi

người, tìm nơi thanh vắng yên tĩnh, để tu tập thiền định đến khi nhập các định xong, nhờ các định sẽ quét sạch tâm tham, sân, si, điều này là ảo tưởng con ạ! Con nên nhớ trong Bát Chánh Đạo, Chánh Định không bao giờ đi trước Chánh Kiến, Chánh Tư Duy và Chánh Ngữ v.v..

Các con nên nhớ, khi sống trong rừng núi một mình tâm chúng ta không bao giờ chịu cô đơn, nó sẽ tìm mọi cách lý luận.

Cho nên khi vào trong rừng núi ở tu một mình tâm sanh ra nhiều thứ chướng ngại khiến cho chúng ta bỏ hạnh độc cư thường hay thỉnh thoảng đi tới đi lui như sư cô M. C., sư Thầy C. T. còn ngồi lý trong thất tu hành mà không xả tâm lại ức chế tâm, nén tâm đến khi có pháp chướng ngại thì tâm nổi lên sân âm âm như Minh Tông mà các con là những người đã trực tiếp chứng kiến sự tu tập từ đầu đến cuối hoàn toàn sống cách ly suốt gần năm năm, thế mà tâm Thầy vẫn còn phiền não và sân hận như người bình thường chưa tu, rất uổng công tu tập gần năm năm trời một thời gian quá dài bây giờ trở về với một số “không”, chỉ còn có hình thức tu hành mà

thôi, chứ xét nghiệm lại đức hạnh thì cũng không có mà thiên định thì lại rơi vào thiên tà giáo ngoại đạo của kinh sách phát triển, cho nên năm năm trời tu hành chẳng ích lợi cho mình và cho người, bây giờ chỉ còn nói vọng ngữ lừa đảo với thiên hạ mà thôi

“Vì vô minh ta sống viễn ly”, hiểu như các con đó là sai, vì hiểu sai như vậy đã biến Đạo Phật trở thành đạo yếm thế, nhưng để chứng minh cho các con thấy, các huynh đệ của các con đã để lại một kinh nghiệm sai lầm quá lớn **“Vì vô minh ta sống viễn ly”**.

Xưa có một vị hòa Thượng ở trong rừng núi, ông xin một đứa bé hài nhi đem về núi nuôi dạy tu hành, khi đứa bé đến tuổi trưởng thành ông đưa về thành phố nơi phồn hoa đô hội **“Ngựa xe như nước áo quần như nem”**. Khi vào thành phố đứa bé thấy mọi vật cái gì cũng đẹp cũng lạ và nhất là phụ nữ thì cậu ta lại càng thích hơn và hỏi thầy: **“đó là con vật chi thưa Thầy?”**.

Vị Thầy trả lời: **“Đó là con cạp”**.

Cậu bé hỏi: **“Con cạp có dữ không thưa Thầy? Sao con thấy nó dễ thương**

quá vậy”.

Vị Thầy trả lời: ***“Con cọp dữ lắm con ạ! Nó sẽ ăn thịt con đó, con đừng nên lại gần nó”.***

Sau chuyến đi thành phố này trở về núi, cậu bé không còn vui đùa hồn nhiên như trước, luôn luôn lúc nào cũng có chiều suy tư. Một hôm cậu thưa với Thầy: ***“Kính bạch Thầy! Xin Thầy cho phép con mua con cọp đó về nuôi được không? Sao con ưa thích nó quá”.***

Vị Thầy làm thinh không trả lời và suy tư: ***“Tu hành theo Đạo Phật không thể tránh cảnh mà tâm thanh tịnh được, trực tiếp trong mọi cảnh và phải thấu suốt cảnh vật, có trực tiếp có thấu suốt thì mới buông xả được, còn cậu bé này được cách ly thế giới bên ngoài từ lúc sơ sinh cho đến 18 tuổi chuyên ngồi thiền niệm Phật tụng kinh bái sám, nhưng ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, bái sám chẳng giúp gì cho cậu buông xả được mà ngược lại khi trực tiếp vào cảnh thì cậu bị lôi cuốn ngay từ lúc đầu “ái dục”.***

Cho nên câu nói **“Vì vô minh ta sống viển ly”** đó là lời nói sai không đúng. Đừng hiểu lầm theo kiểu kinh sách phát triển của Đại Thừa và Thiền Đông Độ, trí tuệ từ thiền định sanh ra, điều này không đúng, người ta cứ nghĩ rằng khi tọa thiền, ngồi im lặng thân tâm bất động tức là tâm hết vọng tưởng thì trí tuệ sanh, hiểu như vậy là hiểu sai. Trí tuệ được phát triển từ chỗ quán xét tư duy đúng đạo đức nhân quả không làm khổ mình khổ người, còn ngược lại tọa thiền ức chế tâm, tâm không vọng tưởng, từ trong sự yên lặng đó tưởng tuệ phát sanh, khiến cho từ xưa đến nay mọi người đều lầm tưởng tưởng tuệ là trí tuệ, cho nên kinh sách của các Tổ viết ra đều do tưởng tuệ, chứ không phải trí tuệ

Cái sai thứ nhất của kinh sách phát triển và Thiền Tông là: Khi tâm hết vọng tưởng do sự tập trung ức chế ý thức mà cho là định thì đó không phải định của Đạo Phật, mà định của ngoại đạo.

Cái sai thứ hai là: Trong chỗ hết vọng phát sanh sự hiểu biết, mọi người đều lầm tưởng cho sự hiểu biết đó là trí tuệ, sự thật đó là tưởng tri chứ không phải trí tuệ. Đức

Phật đã xác định trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó, Mà giới luật tức là đức hạnh, cho nên người có đức hạnh là người có trí tuệ, người có trí tuệ là người có đức hạnh.

Trí tuệ hiểu biết những tướng pháp như hiểu biết trong kinh sách Đại Thừa và các công án của Thiền Đông Độ là tướng tuệ sự hiểu biết đó không ích lợi cho mình cho người, sự hiểu biết đó chỉ là một hý luận. Từ xưa đến giờ các thiền sư dựng lên trò hý luận **“công án”** nói Đông trả lời Tây, nói Nam trả lời Bắc và còn hơn thế nữa là la, hét, chỉ, trở v.v..

Vì hiểu không đúng nên mọi người khi nói đến tu thiền định thì ai ai cũng nghĩ rằng phải tìm nơi yên tĩnh vắng vẻ để tu tập thiền định, chùng nào đắc định thì trí tuệ phát sanh, trí tuệ phát sanh sẽ quét sạch tâm tham, sân, si và các chương ngại pháp, do sự hiểu lầm lạc mà người ta để ra câu kinh này: **“Vì vô minh ta sống viễn ly”**.

Thuần Tâm là một hành giả Yoga, ông biên soạn và viết về các loại sách này có câu: **“Có thiền định mới có trí tuệ, ngoài thiền định không có trí tuệ”**. Nếu không

có bài kinh Sonadanda trong kinh Nguyên Thủy thì lấy đầu chính đốn sự sai lầm này.

Đạo Phật lấy đức hạnh làm thanh tịnh trí tuệ, lấy trí tuệ làm thanh tịnh đức hạnh, do vậy mà người tu sĩ lấy đối tượng các chướng ngại pháp của cuộc sống đẩy lui khỏi tâm mình bằng sự triển khai trí tuệ vô lậu, cho nên câu: **“Vì vô minh ta sống viển ly”**. Muốn hết vô minh ta phải sống viển ly các ác pháp chứ không phải sống viển ly là tránh né trốn đời, trốn ác pháp.

Khi mà tránh né trốn đời, trốn ác pháp, tìm nơi yên tịnh, thanh vắng tu tập thiền định của Đại Thừa và thiền Đông Độ, khi triệt ngộ xong có nghĩa là họ đã thành một thiền sư chánh thức, khi họ xuống núi va chạm vào cuộc đời thì tâm tham, sân, si họ vẫn còn đủ và có thể còn nhiều hơn nữa bằng chứng các thiền sư Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam sống phạm giới, phá giới, sống ăn uống phi thời, chùa to Phật lớn, và mỗi vị Hòa Thượng tịch đều xây tháp vĩ đại, khiến cho hao tài tốn của, của đàn na thí chủ quá nhiều, mà họ có làm lợi ích được những gì cho ai đâu.

Vào đầu thế kỷ thứ 20 làn gió Thiền

Tông từ Nhật Bản thổi sang Tây Âu làm dậy sóng. Đánh thức tỉnh Á Châu, nhưng bước sang đầu thế kỷ thứ 21 Thiên Tông bắt đầu tuột dốc, vì người ta đã tìm thấy thực chất của nó là một trò hý luận ảo tưởng. Hai vị Thiên Sư lớn nhất của Việt Nam là Hoà Thượng Nhất Hạnh và Hoà Thượng Thanh Từ đã bắt đầu quay hướng về những lời dạy Nguyên Thủy của Đức Phật, gần đây những bài giảng của hai Ngài rất gần với ý kinh Tứ Chánh Cần.

Tóm lại tu hành thiền định của Đạo Phật, không phải chỗ ngồi thiền, tụng kinh, bái sám, niệm chú, niệm Phật v.v.. mà ở chỗ ngăn ác diệt ác pháp và đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, thì đó mới chính là tu thiền của Đạo Phật.



PHIÊN NẢO TỨC BỒ ĐỀ

Hỏi: Kính Thưa Thầy, người tu có đối tượng và người tu không đối tượng, vậy người nào tu mau kết quả hơn?

Đáp: Người tu có đối tượng kết quả xả tâm nhanh hơn, còn người tu không có đối

tượng kết quả chậm hơn, nhưng phải biết nhiều khi có đối tượng tức là có chướng ngại pháp trong tâm mà không xả, chỉ có kham nhẫn chịu đựng, cho nên trong lòng rất buồn phiền và đau khổ, đó là tu có đối tượng lại ức chế tâm thành ra tạo khổ thêm cho mình chứ không có giải thoát. Tu có đối tượng dễ nhận xét được tâm mình xả hay là ức chế rất rõ ràng, còn tu không có đối tượng, nên không biết mình có xả được chướng ngại pháp trong tâm không, lúc nào cũng thấy tâm hồn mình yên tịnh nhưng sự yên tịnh đó là sự yên tịnh không có đối tượng.

Trong Đạo Phật lấy hạnh đi xin từng miếng, từng nhà để sống tức là tạo đối tượng diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, nhờ đi xin ăn nên va chạm với mọi giới trong xã hội, do đó mới rõ thấu được tâm mình có xả hay không xả, bất động hay bị động, vì thế sự tu tập có đối tượng dễ tu tập hơn là không có đối tượng. Hạnh đi xin ăn là một pháp môn tu xả tâm có đối tượng rất tốt; hạnh đi xin ăn được mọi người cung kính khen tặng cũng nhiều, nhưng chê bai khinh bỉ cũng không ít.

Cho nên tu sĩ Đạo Phật không thể

sống một mình mà sống chung trong tập thể, sống chung trong tập thể nhưng lại sống một mình vì phòng hộ sáu căn nên ít tiếp duyên với mọi người để không tạo chướng ngại pháp trong tâm của người khác còn những người khác thường hay tạo chướng ngại pháp trong tâm của mình thì mình phải quán xét tư duy quét sạch những chướng ngại pháp đó ra khỏi tâm mình, hằng ngày nên nhớ tu Tứ Niệm Xứ để khắc phục tham ưu tưởng, đó là tu trên bốn chỗ:

1/ Nơi thân.

2/ Nơi thọ.

3/ Nơi tâm.

4/ Nơi các pháp.

Hiện giờ các con tu tập quán xét về nơi các pháp nhiều nhất, pháp thiện và pháp ác, pháp ác luôn luôn dồn dập tới tấp nếu các con không đủ sức kham nhẫn, không đủ nghị lực chịu đựng, không đủ trí kiến giải thoát và không đủ trí tuệ nhân quả, thì các con phải bỏ cuộc tu hành như các bạn của các con, trong bốn nơi tu tập này các con chỉ cần tu xả được một nơi là các con đã xả được tâm tham, sân, si của mình chứ không phải

các con tu hết bốn chỗ, hoàn cảnh của các con là tu nơi các pháp. Đẩy lui chướng ngại pháp trong tâm của các con là các con đã chiến thắng các ác pháp bên ngoài. Khi các con chiến thắng các ác pháp bên ngoài là tâm các con bất động, đó là một loại thiền định mà Đức Phật gọi là Bất Động Tâm Định nó còn có một cái tên nữa là Vô Tướng Tâm Định.

Muốn chiến thắng nơi các pháp thuộc về Tứ Niệm Xứ như ở trên Thầy đã dạy:

- 1/ Phải đầy đủ sức kham nhẫn.
- 2/ Phải có nghị lực dũng mãnh.
- 3/ Phải đầy đủ tri kiến giải thoát.
- 4/ Phải có trí tuệ nhân quả.

Khi các pháp ác dồn dập tới tấp như bão tố, sóng thần nếu chúng ta không đủ sức kham nhẫn thì chúng ta sẽ bị bão tố và sóng thần cuốn trôi đi. Muốn có đủ sức kham nhẫn để không bị bão tố và sóng thần thổi cuốn trôi, thì hằng ngày chúng ta nên tu tập pháp hương tâm: ***“Tâm bất động như núi đá, khen không mừng, chê không buồn, chửi mắng, mạ nhục không giận***

phải trợ trợ như tường đồng vách sắt”, với những câu hướng tâm này các con cần phải thuộc lòng và phải luyện tập cho có lực, khi gặp các pháp ác đến tối tấp thì các con mới đủ sức kham nhẫn vượt qua và cuối cùng các con mới xả được.

Nếu là tu pháp xả tâm mà tu không đúng cách thức xả tâm khi ở một mình thì lại bị ức chế tâm mà không biết, trường hợp như quý Thầy và quý Cô thích sống độc cư mà độc cư không trọn vẹn, độc cư không đúng cách, khi độc cư không trọn vẹn, không đúng cách trở thành ích kỉ, lười biếng ăn không ngồi rồi, tưởng là mình tu tập xả tâm, nhưng không ngờ lại ức chế tâm.

Các con nên lưu ý điều này trên bước đường tu tập, khi tâm còn phóng dật mà vội khép mình độc cư một trăm phần trăm thì đó là ức chế tâm. Cho nên có nhiều người nhập thất chuyên ngồi thiền, hoặc niệm Phật, hoặc niệm chú, tưởng thực hành như vậy là sẽ nhập định và khi có thiền định thì sẽ có trí tuệ, nhưng không ngờ sống một mình tu như vậy là ức chế tâm, ức chế tâm là rơi vào tưởng tuệ, do tưởng tuệ phát sanh

nên bản ngã càng lớn, bản ngã càng lớn thì tâm tham, sân, si càng nhiều, như vậy là tu sai pháp của Đức Phật lọt vào tà pháp của ngoại đạo.

Khi tâm hết phóng dật là tâm đã ly dục ly ác pháp, tâm đã ly dục ly ác pháp nên lúc nào tâm cũng định vào thân, nếu thân bất động thì nó định vào sự bất động của thân, nếu thân còn động thì nó sẽ định vào sự động của thân, do đó khi nó định vào thân, thân đi thì nó biết thân đi, thân làm thì nó biết thân làm, thân ngồi thì nó biết thân ngồi, thân thở thì nó biết thân thở, nó biết hơi thở ra và hơi thở vô, thân nằm thì nó cũng biết thân nằm.

Chỗ này các con nên lưu ý phân biệt cho rõ ràng, khi tâm không phóng dật thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì tâm định trên ba nơi:

1/ Nếu thân đi hay làm việc gì thì tâm định nơi hành động đi hoặc nơi hành động việc làm.

2/ Nếu thân ngồi hay nằm thì tâm định nơi hơi thở vô, hơi thở ra.

3/ Nếu thân không hoạt động, không

thở vô thở ra thì tâm định trên thân bất động của nó chứ nó không có phóng tâm chạy theo các pháp bên ngoài.

Cho nên người tu có đối tượng cũng như người tu không có đối tượng đều do sự tu tập đúng hay sai, có đối tượng mà nén tâm chịu đựng, ôm ấp đau khổ trong lòng mà không nói ra được tức là ức chế tâm, có đối tượng mà tu như vậy cũng không có kết quả chỉ là làm khổ thân tâm của mình mà thôi, tu có đối tượng mà quyết tâm tìm đường giải thoát, nhất định xả bỏ các ác pháp gây chướng ngại cho tâm thì người ấy tu mau, vì tâm như cục đất họ đã giải thoát trong mọi ác pháp, họ còn mang thân người nhưng tâm họ là tâm của bậc Thánh (bất động).

Tu có đối tượng dễ nhận được tâm mình phàm hay Thánh rất dễ dàng và cũng dễ nhận ra mình có ức chế tâm hay không rất cụ thể.

Tu không có đối tượng rất khó nhận ra tâm mình phàm hay Thánh và cũng rất khó nhận ra tu có ức chế tâm hay không, khi mà nhận ra được thì thân tâm đã thành bịnh và phí uổng một cuộc đời tu hành. Hầu như

những người tu không có đối tượng phân nhiều là tu sai đều bị ức chế tâm như kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy.

Tóm lại tu có đối tượng, mà có nhiệt tâm, quyết xả bỏ các chướng ngại pháp, thường dẫn tâm vào chỗ thanh thản, an lạc và vô sự thì tu rất nhanh, cho nên kinh dạy: **“Phiền não tức bồ đề”**, nơi đâu có chướng ngại pháp thì nơi đó có giải thoát, nơi đâu có phiền não, có đau khổ thì nơi đó có giải thoát, có giải thoát tức là có tu, còn nơi đâu không có chướng ngại pháp thì nơi đó không có giải thoát, coi chừng bị ức chế tâm, tu mà muốn sung sướng nuông chiều, yên tĩnh an ổn thì nơi đó chỉ là tránh né trốn chạy chướng ngại pháp, người tu mà cầu mong như vậy thì đi tu chỉ uổng công mà thôi, phí một đời chẳng ích gì cho mình cho người mà còn ăn bám vào người khác.



NHỮNG PHÁP MÔN CON GHI RA ĐÂY CÓ ĐỦ CHƯA?

Hỏi: Kính thưa Thầy, con ghi những điều để xả tâm và cách thức tu tập để xả

như vậy có đủ không? Xin Thầy chỉ dạy thêm cho con được rõ.

Đáp: Về việc xả tâm ly dục ly ác pháp, con ghi như vậy chưa đủ, để Thầy ghi thêm cho được đầy đủ hơn:

I- Định Vô Lậu câu hữu Ngũ Uẩn.

II- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Niệm Xứ.

III- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Chánh Cần (Thập Thiện).

IV- Định Vô Lậu câu hữu nhân quả quá khứ, nhân quả hiện tại và nhân quả vị lai.

V- Định Vô Lậu câu hữu khổ, tập, diệt, đạo đế.

VI- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Vô Lượng Tâm.

VII- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Bất Hoại Tịnh.

VIII- Định Vô Lậu câu hữu Định Niệm Hơi Thở.

IX- Định Vô Lậu câu hữu các pháp bất tịnh.

X- Định Vô Lậu câu hữu các pháp duyên

hợp (Thập Nhị Nhân Duyên).



I- Định Vô Lộ câu hữu ngũ uẩn

Như thế nào là Định Vô Lộ câu hữu với ngũ uẩn?

Định Vô Lộ câu hữu với thân ngũ uẩn có nghĩa là quán xét tư duy phá chấp thân ngũ uẩn như:

Sắc uẩn

1/ quán xét sắc thân do bốn đại đất, nước, gió, lửa hoà hợp tạo nên không có gì là của mình, không có gì là bản ngã của mình, không có gì là mình. Vậy tại sao ta lại ngu si lầm chấp cho sắc thân này là của ta, thân này là ta, là bản ngã của ta, một ngày kia thân này hoại diệt đất phải trả về cho đất, nước phải trả về cho nước, gió phải trả về cho gió, lửa phải trả về cho lửa thì cái gì còn lại là của ta, là ta, là bản ngã của ta nữa đâu. Thế tại sao mỗi khi bị người khen chê chửi mắng xỉ vả sắc thân là chó,

là trâu, là đồ tồi, đồ bẩn thì ta lại căm tức, thù hận oán ghét họ. Sự căm tức thù giận oán ghét họ là gì ta không rõ chấp sắc thân là có thật, là của ta, là bản ngã của ta.

Từ đây ta hiểu rõ sắc thân không phải là ta, của ta, bản ngã của ta, mà là một khối duyên hợp do nhân quả tác thành hay nói cách khác hơn cho dễ hiểu là do môi trường sống tạo nên theo luật vô thường² của nhân quả.

Khi quán xét như vậy ta không còn dính mắc chấp đắm vào sắc thân, nhờ đó ta đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm một cách dễ dàng, các chướng ngại pháp trong tâm ta được đẩy lui thì tâm ta vô lậu, do đó nó mới có tên là Định Vô Lậu câu hữu với Sắc uẩn.

Thọ uẩn

Chúng ta đã quán xét tư duy tu tập sắc uẩn xong, kế tiếp quán xét tu tập thọ uẩn, vậy tu tập thọ uẩn như thế nào, để đẩy lui chướng ngại pháp trong tâm?

2 Luật tuần hoàn trong vũ trụ của nhân quả.

Khi thân ta bị đau nhức khổ sở vô cùng, chúng ta tư duy quán xét thọ uẩn. Vậy thọ uẩn do duyên gì hợp lại mà có?

Thọ uẩn có là do duyên nhân ác tích lũy tạo thành do sắc uẩn hành, sắc uẩn hành ác nên sắc uẩn thọ khổ chứ không ai tạo tác khổ cho sắc uẩn cả, nếu sắc uẩn không hành ác thì thọ khổ do đâu mà có được?

Thọ uẩn có ba trường hợp xảy ra:

1/ Thọ khổ.

2/ Thọ lạc.

3/ Thọ không lạc không khổ.

Thọ uẩn hoạt động hai chỗ:

1/ Hoạt động nơi sắc uẩn gọi là não, hay là đau nhức.

2/ Hoạt động nơi tướng uẩn tức là tâm uẩn gọi là ưu hay là buồn phiền tức giận, lo toan sợ hãi.

Nếu sắc uẩn và tướng uẩn không hành ác pháp thì không có thọ lạc, thọ khổ và thọ không lạc không khổ, không có ba thọ này sắc uẩn và tâm uẩn thanh tịnh, an lạc và vô sự, còn ngược lại sắc uẩn và tướng

uẩn hành ác pháp thì có ba thọ hiện tiền khiến cho con người phiền não đau khổ.

Cho nên ba thọ có là do duyên nhân quả, nhân quả có là do hành, vì vậy quán xét nhân quả của sắc uẩn là quán xét hành động nơi thân, miệng, ý. Nếu muốn ba thọ này không có thì phải thường xuyên nơi thân, miệng, ý phải cảnh giác không làm, không nói, không suy tư điều ác luôn phải thể hiện điều lành tức là lúc nào cũng không làm khổ mình khổ người.

Do quán xét như vậy tâm chúng ta đẩy lui các chương ngại pháp, đó là tu Định Vô Lậu câu hữu với thọ uẩn.

Tướng uẩn

Kế tiếp chúng ta quán xét tướng uẩn, tướng uẩn tức là tâm uẩn, Tâm uẩn thuộc về loại vô hình nó không có hình sắc như sắc uẩn nhưng chúng ta cũng dễ nhận ra, nó thường khởi niệm tưởng, khi niệm có tức là tâm có, khi không niệm tức là tâm không, tâm không, không có nghĩa là không có tâm. Tướng uẩn có ba trạng thái:

1/ Niệm thiện.

2/ Niệm ác.

3/ Niệm không.

Kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông lấy niệm không làm Phật Tánh (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm hoặc chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền). Trong khi tướng uẩn chỉ là một trong bốn duyên kia kết hợp để tạo thành con người theo luật nhân quả, nói một cách khác để dễ hiểu hơn, tướng uẩn là một duyên trong năm uẩn được kết hợp lại theo môi trường sống của luật nhân quả. Khi năm uẩn này tan rã hoại diệt thì chẳng còn một vật gì trong năm uẩn này tồn tại. Người không có trí hiểu biết thường sống trong tướng tri lầm chấp cho rằng thân ngũ uẩn này là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Như trên chúng tôi đã nói kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ lấy tâm không niệm tức là tướng không làm Phật Tánh thật là lầm chấp sống trong ảo tướng mà tướng là thật tướng niết bàn, rồi chấp chặt thành kiến kiết sử mà không biết, tu mãi từ đời Thầy Tổ đến con cháu, chít chất mà vẫn chẳng có ích lợi gì, chỉ toàn dùng những ngôn ngữ lừa đảo những người sau.

Tưởng uẩn được kết hợp tạo thành bằng nghiệp thiện ác, nghiệp thiện ác được tạo thành bởi dục và ác pháp cho nên người tu sĩ theo Đạo Phật phải tìm mọi cách ly dục ly ác pháp, đó là pháp đầu tiên mà họ cần phải tu tập, ly dục ly ác pháp tức là không tạo nghiệp thiện nghiệp ác mới nữa, không tạo nghiệp thiện nghiệp ác mới nữa tức là ly nghiệp thiện nghiệp ác mới, đó là khiến cho thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, ý hành thanh tịnh. Còn muốn lìa nghiệp thiện ác cũ thì phải ly hỷ tưởng đây là giai đoạn thứ ba của bốn thiền Đạo Phật. Muốn lìa nghiệp thiện ác cũ tức là ly hỷ tưởng thì phải đóng tâm tứ mà trong kinh Phật dạy: “Diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên hay tịnh chỉ tâm tứ nhập Nhị Thiên”.

Khi diệt tâm tứ xong ta ly hỷ tưởng mới được, còn tâm tứ chưa diệt chúng ta không thể ly hỷ tưởng được, ly hỷ tưởng tức là lìa nghiệp thiện ác cũ.

Ở đây xin quý vị nên hiểu trong bốn thiền có hai giai đoạn ly, một giai đoạn diệt, một giai đoạn xả.

1/ Thiên thứ nhất là ly dục ly ác pháp thuộc về sắc uẩn.(ly là chừa bỏ hẳn, lìa xa

cảnh giác tâm tham dục và các ác pháp để nó không còn trở lại)

2/ Thiền thứ ba là ly hỷ tướng dục thuộc về tướng uẩn (ly hỷ tướng có nghĩa là lìa hỷ tướng, chứ chưa diệt bỏ hẳn phải cảnh giác kéo nó sẽ còn trở lại).

3/ Thiền thứ hai là diệt tâm tứ tức là ngưng sáu thức thuộc về sắc uẩn (diệt tức là không còn để nó trở lui, trở lại được).

4/ Thiền Thứ Tư là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thuộc về sắc uẩn và tướng uẩn, xả tức là bỏ không còn lấy lại. Do sự tu tập quán xét như vậy, khiến cho tướng dục không còn sanh khởi, tức là chúng ta đã đẩy lui chướng ngại pháp trong tâm, đó là tu Định Vô Lậu câu hữu với tướng uẩn.

Hành uẩn

Hành uẩn là sự hoạt động của sắc uẩn và tướng uẩn, chúng ta tư duy thấy các hành là vô thường, là khổ. Thế nào các hành là vô thường, là khổ?

Các hành thường có lúc hành thiện, có lúc hành ác, nhưng cũng có lúc cũng không

hành thiện hành ác, sự hoạt động của các hành thì không thường lúc như thế này lúc như thế khác, nên gọi là vô thường. Vì hành động có lúc thiện, lại có lúc ác nên tạo ra biết bao nhiêu là nghiệp khổ cho loài người nên kinh gọi các hành khổ là như vậy.

Một người tọa thiền thân không động, miệng không nói và ý không tư duy thì giống như cây đá, đó là thiền của Đại Thừa và thiền Đông Độ, ngược lại thiền định của Đạo Phật thân không hành ác, nhưng thân hành thiện, miệng không nói lời ác, nhưng miệng nói lời thiện, ý không suy nghĩ điều ác, nhưng ý suy nghĩ điều thiện. Cho nên Đạo Phật không chấp nhận hành không, không chấp nhận hành ác, chỉ chấp nhận hành thiện, vì vậy tu theo Đạo Phật không trở thành cây đá, mà trở thành một con người hữu ích cho mình cho người, có nghĩa là không làm khổ mình khổ người, tạo cảnh sống thế gian thành cõi Cực Lạc, Thiên Đàng. Khi quán sát hành uẩn như vậy chúng ta thấu rõ phải sử dụng hành uẩn nào cho đúng với Phật Pháp để mình và người được giải thoát.

Thức uẩn

Trong bốn uẩn đầu chúng ta đã học xong và cũng biết cách tu tập, rèn luyện mỗi uẩn bằng giới luật và bằng thiền định. Như vậy chúng ta đã rõ, giới luật giúp chúng ta tu tập nhập Thiền Thứ Nhất hay nói cách khác là giới luật giúp chúng ta tu tập làm cho thanh tịnh sáu thức: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý thức, tức là giúp sắc uẩn và hành uẩn của chúng ta thanh tịnh.

Còn ba Thiền kia là: Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền được tu tập, được rèn luyện giúp tướng uẩn và thọ uẩn của chúng ta thanh tịnh.

Thức uẩn là một uẩn cuối cùng được tu tập. Khi bốn uẩn kia đã thanh tịnh thì chúng ta phải dùng pháp hướng đánh thức thức uẩn để triển khai trí tuệ Tam Minh mà, khi thức uẩn hoàn thành Tam Minh là thức uẩn thanh tịnh có nghĩa là mầm mống lậu hoặc đã được quét sạch.

Tóm lại thân ngũ uẩn phải được tu tập rèn luyện đúng pháp Giới, Định, Tuệ thì mới thanh tịnh, bằng tu hành sai pháp, thì chính là nuôi dưỡng thân ngũ uẩn trong các

ác pháp thuộc về tà giáo ngoại đạo thì đó một sự nguy cơ cho loài người trên hành tinh này không ít.

---->❖<----

II-Định Vô Lộ câu hữu Tứ Niệm Xứ Như thế nào là Định Vô Lộ câu hữu Tứ Niệm Xứ?

Như trong kinh Đức Phật đã dạy Tứ Niệm Xứ, Tứ Niệm Xứ có bốn chỗ:

- 1/ Thân.
- 2/ Thọ.
- 3/ Tâm.
- 4/ Pháp.

Vậy chúng ta tu tập Định Vô Lộ trên bốn chỗ này, nên gọi là câu hữu Tứ Niệm Xứ.

Thân Niệm Xứ

Trong Tứ Niệm Xứ Đức Phật dạy: “Này các Thầy Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo quán thân trên thân nhiệt tâm, tỉnh giác chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”. Chúng ta nên lưu ý lời dạy này “ Quán thân trên thân”, quán thân trên thân tức là xem xét thân của mình coi có lậu hoặc hay không? Nếu có thì phải khắc phục hay chế ngự không cho lậu hoặc tác động vào thân, vì vậy mà Đức Phật dạy: “Chế ngự tham ưu”, tham ưu tức là lậu hoặc.

Như vậy trên thân quan sát thân có nghĩa là xem thân coi có chướng ngại pháp hay không, để đẩy lui các chướng ngại pháp ra khỏi thân không cho các chướng ngại pháp tác động làm khổ cho thân, như vậy tức là tu Định Vô Lậu câu hữu với thân Tứ Niệm Xứ. Hằng ngày chúng ta ngồi hoặc đi hoặc nằm hoặc đứng đều xem xét thân của mình coi có chướng ngại pháp thì đẩy lui cho khỏi, đừng để chướng ngại pháp trong thân dù một phút giây nào cả thì đó là thân vô lậu mà thân đã vô lậu là giải thoát. Cho nên Đức Phật thường ca ngợi pháp môn Tứ Niệm Xứ là đạo lộ đệ nhất pháp vô lậu.

“Này các Thầy Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ.”

Thọ Niệm Xứ

Đức Phật dạy: “Này các Thầy Tỳ Kheo, ở đây Tỳ Kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”. Lời dạy này quý vị nên lưu ý là phải luôn luôn xem xét từng phút, từng giây trên các cảm thọ của thân và của tâm, nếu các cảm thọ này làm chướng ngại cho thân và tâm thì chúng ta tìm mọi cách đẩy lui không để chướng ngại pháp này trong thân tâm của chúng ta nữa thì đó là khắc phục sự đau khổ giúp cho thân tâm giải thoát, khi thân tâm không còn chướng ngại pháp là thân tâm vô lậu, như vậy trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu tức là tu tập Định Vô Lậu câu hữu với thọ Niệm Xứ.

Tâm Niệm Xứ

Lời Phật dạy: “*Này các Thầy Tỳ*

Kheo, ở đây Tỳ Kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời”.

Quý vị nên lưu ý lời dạy này **“Trên tâm quán tâm”** tức là dạy quý vị hằng ngày quan sát xem xét tư duy tâm của quý vị nó đang khởi những niệm gì, đang nghĩ gì, đang lo sợ, đang phiền não bất toại nguyện, đang giận hờn ganh ghét, đang nghĩ suy những âm mưu thâm độc để hại người, đang tính toán những trò giải trí không lành mạnh, đang nghĩ những chuyện tào lao không ích lợi, đang khởi những niệm tưởng không đâu để độ người tu hành thiên định bằng những thần thông siêu việt, khiến cho mọi người quá kính nể phục lẫn sát đất hoặc đang khởi những niệm làm thế này làm thế kia để cúng dường Phật, Pháp, Tăng v.v..gì? Tất cả những niệm khởi lên trong tâm được quan sát và xem xét cuối cùng phải được đẩy lui tất cả các niệm ra khỏi ra khỏi tâm không còn một bóng dáng nào cả. Khi tâm chúng ta chưa ly dục ly ác pháp thì tất cả những niệm được khởi lên trong tâm điều là niệm ác, đừng nghĩ rằng chúng tôi khởi niệm làm ích lợi chúng sanh như: làm từ thiện, phóng sanh, bố thí, giúp người

bằng cách này hoặc bằng cách khác trong khi tâm dục chưa lìa ác pháp chưa đoạn thì những hành động đó chưa phải là thiện, đó là hành động làm danh làm lợi khéo léo cho cá nhân mình bằng những lý luận lừa đảo của nó

Theo Phật Giáo khi nào tâm thanh tịnh tức là tâm đã ly dục ly ác pháp thì niệm khởi là niệm thiện còn chúng ta còn phàm phu thì niệm khởi là niệm ác. Tại sao vậy?

Tại vì tâm còn danh và lợi, cho nên tuy việc làm nhìn bên ngoài là thiện mà trong tâm là ác pháp. Việc làm thiện đó chẳng có phước báo vì cả, người làm việc thiện này thường hay bị bệnh tật khổ đau v.v..

Vì thế người tu Định Vô Lậu câu hữu Tâm Niệm Xứ luôn luôn quan sát tâm mình xem coi có niệm gì khởi ra thì mau mau tìm mọi cách đẩy lui niệm đó khởi tâm, hướng tâm trở lại vị trí thanh thản, an lạc và vô sự của nó.

Tóm lại người tu Định Vô Lậu câu hữu Tâm Niệm Xứ, tức là trên tâm quán tâm khi tâm có niệm khởi thì phải đẩy lui niệm

khởi đó ra khỏi tâm tư thì, chỗ này Đức Phật dạy: **“*Nhiệt tâm, tinh giác*”** phải luôn cảnh giác rất tỉnh ở niệm vừa khởi khi thấy mặt nó ngay liền đồng thời mở xẻ niệm này ra nên Đức Phật gọi là quán tâm tức là xem xét tư duy cho thấu suốt niệm đó, pháp môn này khác với pháp môn tri vọng, vì tri vọng là biết vọng liền buông tức là không cần phải hiểu vọng thuộc về loại nào trong lậu hoặc, cho nên pháp tri vọng là pháp ức chế tâm còn pháp trên tâm quán tâm là pháp xả tâm, vì những niệm, có niệm là một chướng ngại pháp cho tâm thì nên quán xét đẩy lui, còn có niệm không phải là chướng ngại pháp của tâm thì không cần đẩy lui.

Thưa quý vị! Niệm không chướng ngại tâm của quý vị đó là niệm thanh thản, niệm an lạc và niệm vô sự. Tại sao chúng tôi lại bảo thanh thản, an lạc và vô sự là niệm?

Thưa quý vị! Nếu tâm không niệm thì tâm không, nhưng ở đây nó biết rõ ràng là có tâm thanh thản, an lạc và vô sự, vì thế mà chúng tôi bảo niệm thanh thản, niệm an lạc và niệm vô sự, quý vị cứ suy ngẫm có đúng không? Niệm ấy có chướng ngại tâm

không?

Vì nó không chướng ngại cho tâm nên chúng ta không đẩy lui nó.

Pháp Niệm Xứ

Bây giờ chúng ta tu tập tới Định Vô Lậu câu hữu với Pháp Niệm Xứ. Đây là pháp thứ tư của Tứ Niệm Xứ, pháp này coi vậy chứ không đơn giản, nếu chúng ta không biết rõ nó thì rất khó tu tập vô cùng và chúng ta sẽ bị nhận ra tâm thanh tịnh sai lầm. Từ chỗ các pháp tác động khiến tâm sanh ra niệm thiện ác, từ chỗ các pháp tác động tâm sanh ra các cảm thọ cho thân và tâm khiến ra vô lượng vô biên chướng ngại pháp, vì chính các pháp mà tạo cho tâm của chúng ta bất an và nếu chúng ta không chủ động điều khiển được tâm thì tâm sẽ sanh ra muôn ngàn ác pháp khác để tạo thành nghiệp lực và nghiệp lực này sẽ tiếp tục tái sanh luân hồi mãi mãi trong muôn kiếp, muôn đời của chúng ta. Nghiệp lực này không phải một sanh ra một, mà một sanh mười, mười sanh trăm, trăm sanh ra vạn, vạn sanh ra triệu v.v..

Hằng ngày trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi của chúng ta, chúng ta đều quan sát thân, thọ, tâm, pháp xem coi có chướng ngại pháp hay không? Như trên chúng tôi đã dạy, nếu trên bốn chỗ này không có chướng ngại pháp thì chúng ta xem tâm đang phóng dật ở chỗ nào? Thường tâm không phóng dật là tâm định trên thân, mà tâm định trên thân thì tâm luôn biết hơi thở ra hơi thở vô một cách rất tự nhiên, chứ không bị ức chế hay bị bắt buộc phải tập trung trong hơi thở ra vô như các loại thiền khác. Đức Phật đã xác định khi nào tâm không phóng dật là tâm định trên thân, tâm định trên thân tức là tâm định trên hơi thở, Tâm định trên hơi thở là tâm chỉ biết có hơi thở mà thôi. Nơi đây chúng ta phải lưu ý, khi tâm không khởi niệm thì tâm hay phóng dật theo các pháp bên ngoài. Ví dụ khi tâm không có niệm thì tâm thanh thản an lạc và vô sự, nhưng tâm không định trên hơi thở (thân hành niệm nội) mà lại phóng tâm chạy theo các sắc pháp bên ngoài thân, như tâm cảm nhận cỏ, cây, trời, mây, nước, núi, sông v.v.. nói chung là tâm đang phóng dật theo tất cả các hình ảnh của sắc pháp. Người tu Thiền Đông Độ đến chỗ này họ

cảm thấy như tâm mình phủ trùm vạn hữu, cho nên Bà Long Uẩn nói: **“Dễ dễ dễ, ý tổ sư trên mỗi đầu ngọn cỏ”**, ngược lại Đức Phật bảo chỗ này tâm còn phóng dật theo các pháp nên chưa được định.

Người tu Định Vô Lậu câu hữu với Pháp Niệm Xứ thì phải lưu ý điều này, nếu để tâm phóng ra ngoài cảnh lang thang trời, trăng, mây, nước theo âm thanh sắc tướng bên ngoài như Thiền sư Ba Tiêu của Nhật Bản theo âm thanh tiếng con nhái kêu hay tiếng con ếch nhảy, tiếng nước kêu, đó là tâm đang phóng dật theo pháp chứ không phải tâm định, vì thế người tu thiền định của Đạo Phật phải cảnh giác điều này, khi mà tâm đi lang thang phóng dật như vậy thì phải nhắc khéo cho tâm trở về hơi thở như Đức Phật dạy: **“Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”**, nhưng không được ức chế nó mà phải để nó tự nhiên định vào hơi thở, chỗ này khi chúng chỉ cần biết là tâm đang phóng dật theo pháp trần thì tâm định ngay liền trên hơi thở, bởi vì tâm không còn khởi niệm nữa nên nó đã ly dục ly ác pháp, như chưa quen định trên hơi thở. Chỗ này Đức Phật đã dạy: **“Thì Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý”**.

Tóm lại Định Vô Lậu câu hữu với Tứ Niệm Xứ là một pháp môn thiền định dễ tu nhất hơn tất cả các pháp môn khác vì nó không ức chế tâm, không tập trung tâm vào một chỗ nó luôn luôn quan sát trong bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp, nếu có chướng ngại pháp xâm chiếm vào bốn chỗ này thì nó dùng tất cả mọi sự hiểu biết của các pháp ngăn ác diệt ác pháp đẩy lui khiến cho tâm ở trong trạng thái thanh tịnh an lạc giải thoát. Nếu hằng ngày cứ giữ gìn pháp này tu tập thì luôn luôn lúc nào cũng có sự giải thoát, kéo dài một phút sẽ giải thoát một phút, một giờ sẽ giải thoát một giờ, một ngày sẽ giải thoát một ngày một tháng sẽ giải thoát một tháng. Sự giải thoát ấy tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là tâm thiền định, cho nên thiền định mà không ức chế tâm, không tập trung tâm mà lại có thiền định. Tu chỉ có mục đích xả tâm tham, sân, si mà lại có thiền định thì thật là tuyệt vời, thiền định lại làm chủ sự sống chết và chấm dứt được sự tái sanh luân hồi.

Cho nên trong kinh Nguyên Thủy Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần để chúng ta lưu ý pháp môn này: **“*Này các***

Thầy Tỳ Kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn Niệm Xứ”.

“Kinh Niệm Xứ (Satipatthanasutta) trong kinh Trung Bộ tập 1 trang 131 thuộc tạng kinh Pali”

Hầu hết các nhà học giả không có kinh nghiệm tu hành trong Tứ Niệm Xứ nên dựa theo sự dẫn giải của Đức Phật trong kinh mà không hiểu ý nghĩa của Phật muốn nói gì trong chín giai đoạn quán thân trên thân như:

1/ Quán niệm thân hành tướng nội (hơi thở), tỉnh thức trong hơi thở.

2/ Quán thân hành tướng ngoại như đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, co tay, duỗi tay, ngó tới, ngó lui, mang bát, mặc y v.v.. đó là tỉnh thức trong hành tướng ngoại thân.

3/ Quán niệm thân hành tướng ngoại và tướng nội như: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, hơi thở v.v.. và tất cả các cảm giác xảy ra toàn thể nội ngoại thân hành, tỉnh thức trong mọi hành động thân nội ngoại tướng

sanh diệt.

4/ Quán thân bất tịnh để phá ngã chấp thân là của chúng ta.

5/ Quán thân tứ đại duyên hợp để phá chấp thân là vật thường hằng.

6/ Quán thân tử thi chết trương phòng hôi thúi để phá chấp thân là đẹp xinh thơm tho để nhàm chán sắc dục.

7/ Quán thân tử thi bỏ trong nghĩa địa bị các loài cầm thú xé ăn và loài côn trùng vò dục khoét để nhàm chán thân xa lìa sắc dục

8/ Quán bộ xương còn nối với những sợi gân để nhàm chán các pháp thế gian chẳng có gì là bền chắc.

9/ Quán bộ xương trắng để tránh tâm sắc dục và nhàm chán các pháp thế gian.

Các nhà học giả dựa theo chín pháp quán thân trên thân trong kinh Tứ Niệm Xứ mà hiểu theo kiến giải của mình rồi dạy người tu tập đã biến pháp môn Tứ Niệm Xứ thành một pháp môn ức chế và tập trung tâm quá căng thẳng, khiến cho mọi người tu tập thành bịnh các cơ mặt và thần kinh.

Các nhà học giả đầu hiểu rằng Tứ Niệm Xứ là bốn nơi để cho hành giả quan sát tư duy suy ngẫm để đẩy lui tất cả các chướng ngại pháp tức là những pháp làm cho tâm bất an, làm cho tâm khởi ham muốn. Chính pháp quán thân trên thân thì có ba pháp tập tỉnh thức, còn sáu pháp xả các chướng ngại pháp để tâm hoàn toàn sống trong chánh niệm.

Người tu Định Vô Lậu câu hữu Tứ Niệm Xứ tức là quan sát bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp có chướng ngại pháp liền tìm mọi cách đẩy lui để lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự như trên chúng tôi đã dạy, đó là sự giải thoát. Còn nếu giải thích lòng vòng theo kinh Tứ Niệm Xứ thì chỉ có người tu chứng mới hiểu được ý của Đức Phật, còn người không tu chứng sẽ lý giải sai pháp khiến cho người đời sau tu hành chẳng có giải thoát mà còn rơi vào trạng thái có thể diên khùng bịnh tật, hầu như các sư Nam Tông tưởng giải ra tu tập cho nên ông nào cũng không nhập định được chết một cách rất là đau khổ, không có vị nào làm chủ sự sống chết được, đó là kinh sách Nguyên Thủy mà các sư tu hành còn như vậy, huống là kinh sách phát triển của Đại Thừa, Thầy

nào Thầy nấy tu hành đến khi sắp chết đều nhe răng méo miệng khổ sở vô cùng, thật đáng thương! Đáng thương vô cùng, lúc còn mạnh tay khỏe chân thì luận đông luận tây dạy người tu hành tưởng mình như là Phật sống, không ngờ sự tu hành của mình chưa ngã về tới đâu mà vội mưa pháp vọng ngữ để giết hằng loạt người ham tu thiên, ham tu có thần thông, cuối cùng Thầy trò dẫn nhau xuống địa ngục mà không biết.



III- Định Vô Lậu câu hữu Tứ Chánh Cần

Trên bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp của con, hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm lúc nào con cũng phải quan sát bốn chỗ này và cảnh giác giữ gìn không cho các ác pháp tấn công vào bốn căn cứ này, nếu vô ý để chúng tấn công thì mau mau phải diệt chúng không để chúng sống trên các cứ điểm này dù là một giây một phút nào.

Nếu con siêng năng tu tập chỉ một pháp môn này con cũng làm chủ sự sống

chết, chẳng cần phải tu những pháp khác. Bởi vì pháp môn này là pháp môn tu thiền định đầu tiên của Đạo Phật, đó là thứ thiền xả tâm giúp cho tâm con ly tham, đoạn ác pháp đem lại một nguồn giải thoát an vui cho mình cho người, khiến cảnh thế gian thành Thiên Đàng Cực Lạc.

Khi cư sĩ Visaka hỏi Ni Sư Diandinama:

--Tu thiền phải lấy pháp gì tu?

Ni Sư Trả lời:

--Tu thiền phải dùng pháp Định Tư Cụ.

Định Tư Cụ là Tứ Chánh Cần. Vậy chúng ta tu Định Vô Lậu câu hữu Tứ Chánh Cần tức là tu pháp thiền đầu tiên của Đạo Phật như trên chúng tôi đã dạy, đó là một loại thiền rất lợi ích cho chúng sanh khi tu là có kết quả giải thoát ngay liền như Đức Phật đã xác định: ***“Pháp Ta thiết thực cụ thể không có thời gian, đến để mà thấy”*** Ngăn ác diệt ác pháp trên Tứ Niệm Xứ tức là chúng ta ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là không làm khổ mình khổ người đó là một sự tu tập để xây dựng mình có một đạo đức nhân bản. Một pháp môn thiền định tu tập để làm chủ bốn sự đau

khổ của cuộc đời sanh, già, bệnh, chết, thế mà nó cũng là một pháp môn để cho con người rèn luyện tu tập trở thành một con người có đạo đức, một đạo đức cao thượng làm người không làm khổ mình khổ người.

Tóm lại Định Vô Lậu câu hữu với Tứ Chánh Cần là pháp môn có lợi ích rất lớn quét sạch lậu hoặc khiến cho người tu hành giải thoát hoàn toàn, sống trong thế gian mà tâm bất động, đó là một pháp môn cần thiết cho cuộc sống mọi người trên hành tinh này.



IV-Định vô lậu câu hữu nhân quả

Hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm lúc nào chúng ta cũng quan sát xem xét tư duy suy ngẫm trên ba chỗ xuất phát nhân quả thân hành, khẩu hành và ý hành.

Bất kỳ lúc nào cũng phải cẩn thận ý tứ cảnh giác và giữ gìn không để thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác, luôn luôn phải thể hiện thân hành thiện, khẩu hành thiện,

ý hành thiện.

Thân hành thiện là thân không giết hại chúng sanh, không ăn thịt chúng sanh, không làm đau khổ chúng sanh và phải ý tứ để thân không vô tình giẫm đạp làm đau khổ chúng sanh.

Thân hành thiện là thân không lấy của không cho dù là vật nhỏ mọn như cây kim sợi chỉ, trái cà, trái ớt, cũng không được lấy.

Thân hành thiện là thân không tà dâm, đối với người cư sĩ, nghĩa là khi có vợ con hoặc có chồng con thì không được dâm dục với người khác, dâm dục với người khác sẽ làm đau khổ gia đình mình và đau khổ gia đình người khác, còn người tu sĩ thì không nên dâm dục vì dâm dục tức là thân hành ác pháp tạo ra sự khổ cho mình cho người và làm cho Phật Pháp suy đồi.

Khẩu hành thiện là miệng không nói dối luôn luôn phải nói lời chân thật, thấy, nghe sao nói vậy không được nói sai sự thật.

Khẩu hành thiện là miệng không được nói lời thêu dệt, chuyện xấu nói tốt, chuyện tốt nói xấu, chuyện sai nói đúng, chuyện đúng nói sai. Lúc nào cũng phải tránh nói

chuyện phiếm, chuyện tào lao, chuyện vô ích.

Khẩu hành thiện là miệng không nói lật lọng, không nói ngược ngạo, không vu oan giáng họa cho kẻ khác.

Khẩu hành thiện là miệng không nói lời hung dữ, không chửi thề, không la mắng to tiếng, nạt nộ, hù dọa v.v..



Ý hành thiện

Ý hành thiện là ý không khởi nghĩ ham muốn một vật gì cả, ý không sân hận oán thù, ganh ghét ai cả, ý không si mê thường sáng suốt nhận rõ mọi hành động nhân quả thiện ác để luôn luôn ý nghĩ đến điều thiện không làm khổ mình khổ người.

Tóm lại trên đây là tu Định Vô Lậu câu hữu với nhân quả tức là tu tập vô lậu trên đường đi lối về của nhân quả. Muốn cho các chướng ngại pháp không tác động vào thân tâm sanh ra lậu hoặc nên thường cảnh giác và giữ gìn thân, miệng, ý không cho hành động ác luôn luôn phải thực hiện

hành động thiện để tạo cảnh an vui cho mình cho người, để tạo sự giải thoát cho mình và các pháp chướng ngại không còn tác động được thân tâm, đó là sự giải thoát của Định Vô Lậu câu hữu với Nhân Quả thiện ác.

Định Vô Lậu câu hữu với nhân quả là một pháp môn ngăn các ác pháp tuyệt vời, nếu người nào siêng năng tu tập thì thân hành, ý hành, khẩu hành không bao giờ làm khổ mình khổ người, đó là một hành động đạo đức cao thượng nhất trên thế gian này.



V-Định Vô Lậu câu hữu Tứ Diệu Đế

Quán Tứ Diệu Đế tức là quán khổ, tập, diệt, đạo. Vậy quán khổ, tập, diệt, đạo như thế nào?

Đây là bốn chân lý của Đạo Phật, từ khi bắt đầu có Đạo Phật cho đến nay, chưa có ai dám thay đổi chân lý này, vì nó là chân lý nên nó xác định đời sống của con người rất logic và khoa học nên giáo lý này

mới được gọi là chân lý.

Cách đây mấy trăm năm có một số người muốn làm Sư Tổ của Phật Giáo bài bác bốn chân lý này để sản sinh ra một chân lý mới trừu tượng và mơ hồ, đó là chân lý Bát Nhã Ba La Mật của Tổ Long Thọ là **“Chân Không”** để đả phá chân lý của Đạo Phật **“Vô khổ, tập, diệt, đạo”**, kế tiếp có Vô Trước, Thế Thân, Mã Minh v.v..xúm nhau để xương minh chân lý này, nhưng nó chỉ là một chân lý ảo tưởng, nó không nói lên được sự thật của cuộc sống loài người thì làm sao là chân lý được của thế giới hành tinh này.

Cho nên các nhà tôn giáo và các nhà triết học đã đưa ra nhiều triết thuyết về chân lý, nhưng tất cả đều nằm trong những triết thuyết chân lý ảo tưởng của tưởng tri con người, vì thế, những triết thuyết chân lý đó, chỉ sống trong một thời gian ngắn ngủi rồi chết đi, chỉ vì nó không thiết thực lợi ích cụ thể đối với đời sống của con người, nó chẳng giống như triết thuyết chân lý của Đạo Phật. Vậy chúng ta hãy lắng nghe chân lý của Đạo Phật đối với con người trên hành tinh này như thế nào? Mà nó được gọi

là chân lý của loài người?



CHÂN LÝ THỨ NHẤT - KHỔ ĐỂ

Khổ Để đây là chân lý thứ nhất. Khế Kinh có câu: **“Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển”**, lời nói này có quá đáng chăng? Chúng ta chưa vội sớm xác định câu nói này mà hãy dùng Định Vô Lậu quán xét tư duy chân lý thứ nhất này rồi mới xác định sau. Người không hiểu biết cho rằng đời là một hạnh phúc, nhưng họ không ngờ những khoái lạc của cuộc đời đều là giả dối, lừa phỉnh, chẳng khác gì như người khát nước mà cứ uống nước mặn, càng uống lại càng khát và càng khổ đau. Cho nên những sự vui của cuộc đời chỉ là tạm bợ, hào nhoáng như một lớp sơn bên ngoài mà thôi. Bản chất của cuộc đời là khổ đau. Cõi đời này là một biển nước mắt và mồ hôi của loài người, trong ấy mọi người đang bơi lội, hụp lặn, chìm nổi, trôi lăn. Nếu ai đã từng nếm mùi vị của cuộc đời thì không ai bảo rằng đời là hạnh phúc là sung sướng, người thấy rõ đời sống là khổ không ai hơn Đức Phật, cho nên chân lý của Ngài

đưa ra là mọi người đều phải công nhận, chỉ có một vài người mang tà kiến mới cho nó là **“vô khổ, tập diệt, đạo”**, như Long Thọ, còn các Tổ sau này chỉ là những người hòa theo, cho nên thiền sư Thường Chiếu bảo: **“Một con chó sửa một bầy cho sửa theo”**

Không ai có thể kể ra hết mọi sự đau khổ trong thế gian, nhưng căn cứ vào lời dạy của Đức Phật thì có ba loại khổ: 1- Khổ khổ; 2- Hoại khổ; 3- Hành khổ.

a)- Khổ khổ.- Cái khổ chồng chất lên cái khổ; bản thân đã là khổ mà hoàn cảnh chung quanh lại đè lên bao cái khổ khác: đó là khổ khổ.

Chúng ta quán xét tự thân mình là nạn nhân của bao nhiêu cái khổ, cái xấu xa đê tiện; thân thể là một bao đựng đầy thịt xương dơ bẩn hôi thúi bất tịnh, nếu một vài ngày không tắm giặt sạch sẽ, rửa ráy thì thối tha không chịu được. Vả lại cái thân của chúng ta rất giòn mỏng manh; khát nước độ ba ngày, ngạt thở độ năm phút, đứt một mạch máu, bị nhiễm vi trùng độc...thế là mạng vong không còn sống được nữa. Lại nữa cái khổ sống chết bất ngờ mà không ai làm chủ được, còn biết bao nhiêu cái khổ

khác nữa chồng chất lên nhau, không sao tránh khỏi được như: bệnh tật, tai họa đói khát, bão lụt, chiến tranh, động đất, hỏa hoạn, chiến tranh áp bức sưu cao thuế nặng v.v..đó là khổ khổ.

b)- Hoại khổ.-Thật thể vạn vật trong vũ trụ có hình tướng đều phải bị hoại diệt vì luật vô thường chi phối từng giây từng phút, cho nên không có vật gì được tồn tại mãi, dù cho sắt đá lâu ngày cũng phải mục nát, to lớn như đất trời còn phải tan hoại. Yếu ớt nhỏ nhoi như thân người thì mạng sống như bong bóng nước, như mây nổi giữa trời, như hoa phù dung sớm nở tối tàn, mỗi phút mỗi giây chúng ta đang sống là mỗi phút mỗi giây đang hủy hoại, dù cho chúng ta có sức khỏe bao nhiêu, có quyền thế bao nhiêu, có giàu sang bao nhiêu, tiền của châu báu ngọc ngà vàng bạc có chất đầy cả không gian này thì cũng không cản ngăn, chống đỡ không cho thời gian hủy diệt đời sống của chúng ta được. Chúng ta hoàn toàn bất lực trước sự vô thường của thời gian.

“Tấc bóng thời gian một tấc vàng

Tấc vàng tìm được không gì khó

Tắc bóng thời gian khó hỏi han”

Thật là khổ sở, tủ nhục, đau đớn! Cho kiếp sanh làm người.

c)- Hành khổ. – là chỉ cho mọi hành động của chúng ta thương, ghét, giận, hờn, lo lắng, ưa thích, ham muốn v.v.. Và lại mỗi hành động của chúng ta đều mang theo bản chất thiện và ác; ác thì làm khổ mình khổ người; thiện thì không làm khổ mình khổ người, nhưng phần nhiều hành động thân, miệng ý của chúng ta thường đem đến sự khổ đau cho nhau hơn là đem đến sự an vui hạnh phúc. Bởi vậy Đức Phật dạy: **“các hành là vô thường, là khổ”**, lúc thì nó hành như thế này, lúc thì nó hành như thế khác, nó không bao giờ đứng yên lặng một chỗ. Nếu chúng ta chịu khó quan sát và sẽ nhận thấy rõ ràng: thân thì chẳng lúc nào chịu im lặng, không đi thì ngồi, không ngồi thì đứng, không đứng thì nằm, không nằm thì làm việc này việc khác, lúc nào thân cũng động dậy trừ ra lúc nằm ngủ.

Miệng lúc nào cũng muốn nói chuyện không chuyện này thì nói chuyện khác, nếu chỉ vắng một lúc không nói là đi tìm người để nói chuyện, con người vốn thích

động không thích tịnh, sống độc cư trầm lặng một mình chịu không nổi, cho nên các Tổ quả trách các đệ tử: **“Không chịu để miệng đóng mồm meo”**.

Ý thì lắng xãng nghĩ chuyện này sang chuyện khác như con ngựa không cương, như con vượn chuyền cây, không bao giờ dừng nghỉ. Đó là ba chỗ hành của thân con người, ba nơi đó nếu chúng ta không biết dừng nghỉ những hành động ác thì sẽ mang lại cho mình và mọi người biết bao nhiêu là muôn ngàn thứ đau khổ xảy ra, cho nên Đức Phật nói: **“hành là khổ”** là vậy.

Ba thứ khổ này chia ra làm tám thứ khổ:

1/ Sanh khổ:- sanh ở đây có hai nghĩa đời sống và sự sanh đẻ.

a) Khổ trong lúc sanh ra:- Người sanh và đứa bé được sanh đều khổ. Khi người mẹ mới mang thai đã bắt đầu biếng ăn, mất ngủ, nôn oẹ, đã dợt, bần thần, người gầy ốm trong những tháng đầu. Thai nhi mỗi ngày mỗi lớn, thì người mẹ mỗi ngày mỗi mệt mỏi, nặng nề, đi đứng khó khăn, làm lụng chậm chạp. Khi gần đến ngày sanh thì

sự đau đớn không sao nói hết được. Đến ngày hoa khai nở nhị, nếu thuận thai thì người mẹ cũng đau đớn thập tử nhất sinh, khi sanh con ra mẹ phải chịu như uest nhiều ngày, yếu đuối nhiều tháng, vì máu huyết hao mòn, ngũ tạng suy kém. Còn nghịch thai thì người mẹ phải bị mổ xẻ, 100 phần chết chỉ có một phần sống mà thôi, đôi khi giải phẫu người mẹ có khi chịu tật suốt đời.

Còn đứa bé từ khi chào đời cũng phải chịu nhiều điều khổ sở. Chín tháng mười ngày trong bụng mẹ sống trong cảnh tối tăm chật hẹp. Đến kỳ sanh nở thì thân con phải chen qua chỗ chật hẹp như bị đá ép bốn bề, nên khi vừa thoát ra ngoài vì khổ quá, vả lại còn bị móc miệng đau đớn không cùng nên vội khóc thét lên.

“Thảo nào lúc mới chôn nhao

Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra!”

b) Khổ về đời sống:- Khổ về đời sống có hai phương diện vật chất và tinh thần:

-Khổ về vật chất:- Cuộc sống của con người đòi hỏi những nhu cầu thiết yếu như: món ăn, thức uống, y phục, nhà ở, thuốc men. Muốn có những nhu cầu ấy, con người

phải lao động cần cù quanh năm suốt tháng vất vả khổ sở mới đổi lấy nó được, phải bằng mồ hôi nước mắt và sức lực của mình. Nhiều khi suốt đời làm lưng cơm không đủ ăn, nhà ở không đủ ấm.

Chẳng những đợi đến cảnh đói khát mới là khổ; ăn uống thất thường bữa đói bữa no, thiếu thốn trước sau cũng đã là khổ. Chẳng lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, hay ăn lông ở lỗ mới gọi là khổ; áo quần không đủ ấm, nhà cửa không che được nắng mưa đó cũng là khổ lắm rồi. Người nghèo đã khổ như thế thì người giàu có khổ hay không?

Muốn có tiền bạc của cải tài sản, tất phải thức khuya dậy sớm, buôn tảo bán tần đầu tắt mặt tối trong công việc, mồ hôi nước mắt đổ ra biết bao nhiêu mới có được, chứ đâu phải tiền bạc, của cải, tài sản ở trên trời rơi xuống mà phải bằng công sức và đầu óc tính toán, nhiều khi phải quên ăn, mất ngủ, nhưng khi đã có của cải rồi đâu phải là sung sướng, phải lo giữ gìn bảo vệ nó, nếu một mai bị trộm cướp, nước trôi, hỏa hoạn hoặc bị vua quan sung vào công quỹ thì khổ sở vô cùng, có người vì của cải

tài sản mất mà điên, cũng có người vì của cải mất mà phải buồn khổ đến chết, đó là khổ sở về vật chất.

Về tinh thần thì không biết bao nhiêu sự khổ kể ra làm sao cho hết. Chúng tôi nêu lên một vài ví dụ như: thua kém mọi người từ ăn mặc đến nhà ở là chúng ta đã khổ, thua kém từ học thức đến địa vị trong xã hội là chúng ta cũng khổ, khổ từ những lời nói khen chê của kẻ khác, khổ vì bị lừa gạt, bị áp bức, khổ vì những người thù oán, khổ vì bị kẻ khác khinh bỉ v.v...

Tóm lại về vật chất lẫn tinh thần trong cuộc sống của chúng ta có biết bao nhiêu là sự khổ đau, mà làm con người phải gánh chịu, cho nên chơn lý thứ nhất của Đạo Phật là **“Khổ Đế”**, khổ đế là chỉ cho đời sống của con người khổ thật, khổ thật nhưng không phải biết khổ để mà trốn khổ để mà tiêu cực yếm thế bỏ đời. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy một sự thật hiển nhiên của cuộc sống là khổ như vậy để mà vượt lên trên những nỗi khổ đó, để xây dựng cho mình cho người có một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người để biến cảnh thế gian thành cảnh giới Cực

Lạc Thiên Đàng. Cho nên kẻ nào thất tình thất vọng vào chùa tu hành để nhờ câu kinh tiếng kệ mà quên đi sự đau khổ của cuộc đời là kẻ hèn nhác không xứng đáng là đệ tử của Đức Phật, còn kẻ nào mượn Phật Giáo kinh doanh làm giàu trên mồ hôi nước mắt của tín đồ ngồi mát ăn bát vàng là kẻ ăn cướp của đàn na thí chủ, của mọi người, bày ra nhiều trò mê tín lừa đảo những người còn vô minh, mang nặng lòng kiến chấp những phong tục tập quán lạc hậu. Đó là những loài ma vương đội lốt tu sĩ Phật Giáo để diệt Phật Giáo, chứ không phải là chấn hưng Phật Giáo.

b) Lão khổ.- Con người đến lúc già, thân thể hao mòn, tinh thần suy kém nên thể xác lẫn tinh thần đều khổ.

Càng già khí huyết càng hao mòn, ngày càng mệt mỏi, hoạt động một cách yếu ớt, mắt mờ tai điếc, tay chân run rẩy, đi đứng khó khăn làm việc gì cũng phải nhờ đến kẻ khác, khi trời trở tiết thì toàn thân đau nhức, đó là cơ thể già là khổ như vậy.

Càng già thân thể càng suy yếu, trí tuệ càng lu mờ, do đó sanh ra lẫn lộn quên trước quên sau, hành động giống như kẻ ngây dại

có khi ăn đơ uống bần mà không biết, nói năng lập đi lập lại như người mất trí; ăn rồi bảo chưa ăn, chưa ăn bảo ăn rồi, có khi nói nhảm nhí một mình thật đúng là già khổ.

c) Bệnh Khổ: - Bất luận thân của chúng ta đau bệnh gì, từ cái đau lật vặt như đau răng, nhức đầu, mỏi tay, mỏi chân cho đến những bệnh hiểm nghèo trầm trọng như ung thư, lao phổi, hoặc cùi phong, đái đường, lên máu, sơ gan, củ trướng v.v..đều làm cho con người phải đau khổ, nhức nhối, rên xiết.. Nhất là những bệnh trầm kha thì lại hành hạ xác thân, đắng cơm, nghẹn nước, cầu sống không được, cầu chết cũng không xong, oan oan ương ương thật là khổ não.

Thân bệnh đau mà tiền thì không có, có người sau khi lành bệnh tiền bạc không còn của cải tài sản bán sạch, chỉ còn hai bàn tay trắng, sống một đời sống tràn đầy sự khổ đau bất tận, cuộc sống là một màn đêm đen tối hướng về tương lai.

Đó là về bản thân phải chịu lấy những bệnh khổ, còn về những thân bằng quyến thuộc thì buồn rầu lo sợ cho nên mỗi khi trong nhà có người bị bệnh, thì cả gia đình đều rộn rịp bâng khuâng đứng ngồi không

yên, quên ăn mất ngủ, bỏ cả công ăn việc làm, thật đúng như lời Đức Phật dạy “Bệnh là khổ. Khổ về tinh thần và khổ về thân xác vật chất, cho nên ai có thân bệnh đều sợ cả, không ai mà không sợ bệnh khổ.

d) Tử Khổ: Trong bốn cái khổ của đời người là sanh, già, bệnh, chết, nhưng chết thì ai nghe nói đến cũng đều kinh hãi, nhất là ai cũng biết rằng con người sớm muộn gì rồi cũng phải chết, nhưng nghe nói chết thì ai cũng sợ, sợ nhưng không ai tránh khỏi. Chết là khi cơ thể tan rã, nhưng trước khi tan rã hoại diệt nó đau đớn từng đốt xương lóng tay, da thịt như ai dằn ai bầm rêm cả thân người nằm không yên, ngồi không được mà người đời thường gọi đó là lúc trần trở để mà chết, cho nên trước khi chết mọi người ai cũng phải chịu sự đau khổ tận cùng sức chịu đựng thân mạng này rồi mới chết, cho nên Đức Phật dạy chết là khổ chứ không phải chết là hết khổ.

Người đời thường nghĩ chết là hết khổ, sự thật không phải vậy, chết là một sự nối tiếp sự khổ. Hiện tượng người chết quá ư khổ thì khi họ tái sanh cũng khổ và còn khổ hơn nữa, ngược lại người chết không

khổ thì tiếp tục tái sinh không khổ.

Ở đây chúng ta cần lưu ý trong thế gian có bốn hạng người:

1) Hạng người chết khổ, là hạng người bị bệnh đau khổ sở vô cùng, ăn, ỉa, đái một chỗ chịu hôi chịu thối của xác thân tứ đại cho đến khi chết phải đau nhức trần trở khổ sở tận cùng rồi mới chịu chết, đó là hạng người chết khổ.

2) Hạng người chết ít khổ là những hạng người bị bệnh mà không phát hiện ra, đến khi thành linh đứt mạch máu não hoặc rút tay giựt chân, méo miệng rồi ngã lăn ra chết, những người này thời gian thọ bệnh khổ rất ngắn, đó là hạng người chết ít khổ

3) Hạng người chết không khổ là hạng người không bị bệnh đau gì cả nằm ngủ rồi ngủ luôn, đó là hạng người chết không khổ.

4) Hạng người làm chủ sự sống chết, họ muốn sống là sống và muốn chết là chết, chết lúc nào cũng tự tại dễ dàng, không phải chờ bệnh đau tận cùng rồi mới chết, đó là hạng người làm chủ sự sống chết như Đức Phật và các bậc Thánh Tăng.

Cho nên trong đời sống của loài người có bốn hạng người như vậy.

Hạng người thứ nhất chuyên làm ác giết hại chúng sanh như những người làm nghề đồ tể, săn bắn, chài lưới v.v..và những hạng người chuyên lừa đảo thiên hạ buôn thần bán Thánh v.v..

Hạng người thứ hai có làm ác có làm thiện, nên chết ít khổ hơn.

Hạng người thứ ba sống chuyên làm thiện không làm khổ mình khổ người.

Hạng người thứ tư là những bậc tu hành toàn thiện, toàn định, toàn tuệ đầy đủ thần lực làm chủ nhân quả, chấm dứt luân hồi, nên luật nhân quả không còn tác động họ được.

5/ Ai biệt ly khổ:- Con người sanh ra ở đời ai cũng có lòng yêu thương, loài thú vật cũng có lòng thương yêu, chúng cũng biết buồn thương và khóc, huống là con người như chúng ta, tình thương giữa vợ chồng, con cái, anh em, chị em, cha mẹ, quyến thuộc, bạn bè, thân hữu v.v.. đang thương yêu mặn nồng thắm thiết mà bị sự bắt buộc chia ly, thì thật không có gì đau đớn hơn

khi kẻ bắc người nam hoặc kẻ còn người mất. Sự chia ly chia ra làm hai loại:

1/ Sanh ly khổ: - Một gia đình đang sống trong cảnh sum họp, đầm ấm, an vui, bỗng có một hoàn cảnh bất buộc hay vì một thiên tai, giặc giã v.v..làm cho mỗi người bơ vơ, thất lạc nhau, kẻ đông người tây, kẻ nam người bắc, kẻ góc biển, người chân trời, nỗi nhớ mong, thương xót không cùng. Sự sống mà chia ly nhau là sự đau khổ không cùng nên người đời khổ quá mới nói ra lời: ***“Thà lia tử chứ ai nữ lia sanh”***.

2- Tử biệt khổ: - Người ở đời mỗi lần chết là một lần vĩnh viễn không còn gặp nhau nữa, dù là ly biệt có khổ nhưng còn có ngày hy vọng gặp lại nhau, chứ một khi đã chết rồi thì bao thuở được sum vầy nữa. Cho nên trước cảnh chết, là một sự ra đi vĩnh viễn, làm người trước cảnh ấy ai mà chẳng nức nở, khổ đau, vì thế trước cảnh này đã có nhiều người xót thương rầu rĩ không còn thích ăn thích ngủ, có người quá đau đớn tuyệt vọng vì thương nhớ đến nỗi phải toan chết theo người thân thương quá cố của mình, có người ôm quan tài của người quá cố lăn lộn nức nở nghẹn ngào nước mắt

tuông rơi lả tả dường như ai cắt ruột cắt gan mình. Đó là cái khổ của tử biệt, mà sanh ra làm người ai ai cũng phải biết, và bao lần đứt ruột đứt gan nước mắt đổ xuống vì những người thân thương ra đi vĩnh viễn. Chính bản thân chúng tôi, khi người cha thân yêu của chúng tôi ra đi vĩnh viễn, nước mắt của chúng tôi đã đổ xuống chan hòa, cổ chúng tôi nghẹn ngào, chúng tôi thề ước nguyện: **“Con nguyện sẽ tìm cha cho bằng được dù bất cứ có gian khổ như thế nào con cũng không chùn bước trước mọi gian nguy thử thách trừ ra con chết, nếu còn một chút hơi thở dư tàn con cũng quyết tìm cha cho bằng được”**. Lời nguyện ước này cộng thêm sự sách tấn của Hoà Thượng Thanh Từ: **“Đạo Phật còn là còn một người tu chứng”**. Những điều này đã tạo thành một mãnh lực quyết liệt trong đời tu hành của chúng tôi để chiến đấu chiến thắng từng tâm niệm ham muốn và các ác pháp trong nội tâm của mình. Cuối cùng tôi đã chiến thắng và mãn nguyện.

Còn hiện giờ mọi người tu chỉ tu danh, tu lợi, tu mà sợ khổ, sợ cực nhọc, sợ đói, sợ khát, sợ chết, sợ mất sức, sợ bỏ của cải tài sản, sợ bỏ vợ bỏ con tội nghiệp, tu mà còn

tham muốn thân thông phép tắc hơn người, chưa tu được gì mà vội muốn làm thầy thiên hạ, vay mượn kinh sách của người xưa, nhai đi nhai lại những thứ đờm dãi lừa đảo người, cho nên tu hành chẳng ra gì.

Tử biệt sanh ly là nỗi khổ của loài người, thế mà đã đi tu không lo giải quyết cho xong, đã bao nhiêu lần nước mắt tuông rơi vì mất cha, mất mẹ mà còn không biết, không lo. Cha mẹ còn hay mất ở nơi đâu, đi về đâu vậy mà vỗ ngực xưng tên là con hiếu. Cha mẹ chết mặc cha mẹ, cứ mãi lo tiền bạc danh vọng nhà cửa chẳng còn biết ai cả nữa hết, nhưng tiền bạc danh vọng chết rồi cũng không có mang theo được những gì chỉ còn lại nghiệp thiện, ác mà thôi để rồi tiếp tục con đường khổ đau như cũ, quanh quẩn trong vòng luân hồi muôn đời muôn kiếp.

6/ Cầu bất đắc khổ: - Người sanh ra ở đời, ai cũng có sự hy vọng, sự hy vọng càng nhiều thì sự thất vọng càng to. Bất luận trong tất cả mọi việc làm, số người làm được đạt như ý muốn thì quá hiếm mà kẻ thất bại thì quá nhiều, cho nên gặp thất bại không có người nào là không khổ, có nhiều người thất bại quá tự tử có nhiều người thất

bại bỏ vào chùa tu, còn muốn đạt kết quả tốt đẹp, người ta phải vận dụng không biết bao nhiêu là năng lực, lao tâm tổn trí, quên ăn bỏ ngủ để đạt được kết quả như ý muốn, nhưng đến giờ phút cuối cùng không thành công thì sự đau khổ không biết là dường nào.

Ví dụ như: người buôn bán lỗ lã, người nông phu làm mùa thất bại, người học trò thi rớt v.v.. thì khổ sở và cay đắng biết là dường nào.

“Gót danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nắng nám mùi dâu!”

Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều

Muốn mau làm giàu nhiều người tìm mọi cách gian xảo lừa đảo lường gạt người, nhưng mưu gian chước lận ăn lo hối lộ đổ bể, tài sản bị tịch thu, bản thân bị tù tội, gia quyến bị nhục nhã xấu hổ, không dám nhìn mọi người, thật là đau đớn và khổ sở.

Trong cuộc đời nói về tình ái, biết bao nhiêu người tình duyên trắc trở đưa đến sự quyên sinh vì thất vọng thất tình. Trên đây là những sự cầu mong mà chẳng đạt được

thành ra bao nhiêu thứ khổ.

7/ Oán tăng hội khổ: - ***“Thấy mặt kẻ thù như kim đâm vào mắt; ở chung với người nghịch như ném mật nằm gai”***.

Lời nói này không sai, vì gần những người thù oán thì tâm mình khổ sở vô cùng, cho nên kinh gọi là oán tăng hội khổ rất đúng vậy.

Người trong một gia đình anh em dòng họ quyến thuộc vì tranh chấp một lý do gì, sanh ra bất hòa với nhau, khi nhìn thấy mặt nhau cũng là rất khó chịu, Hằng ngày phải thấy mặt nhau vì là tình thân quyến thuộc, ghét không ưa mà cứ gặp nhau là rất khổ tâm, muốn tránh mà tránh không được, ở gần có ngày phải đụng chạm to và có thể xảy ra án mạng, tù tội hoặc đi nằm nhà thương, bởi vì thù oán nhau thì phải có ngày đi đến chỗ khổ đau lớn.

8/ Ngũ ấm xí thành khổ: - Thân ngũ ấm của chúng ta gồm có: sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm, năm ấm ấy luôn luôn sống trong động theo luật chi phối của nhân quả. Vả lại năm ấm này được sanh ra từ vô minh, nên mỗi sự hoạt động của nó thúc giục theo lòng ham muốn nên tạo ra

biết bao nhiêu điều ác khiến cho mình khổ và người khác khổ vô lượng vô biên.

Thân ngũ ấm bị luật vô thường chi phối, từng giây từng phút khiến cho sự thay đổi liên tục, từ trẻ đến già, từ mạnh đến ốm, từ bệnh đến chết luôn luôn lúc nào cũng làm cho con người khổ sở buồn phiền, lo lắng, sợ hãi.

Sáu trần lôi cuốn, thất tình lục dục đắm sai khiến cho thân tâm khổ lụy vô cùng tận.

Vọng tưởng điên đảo chấp trước dính mắc đủ thứ vật chất thế gian nên chấp có ta, của ta và bản ngã của ta, do đó mới thấy còn mất, khôn dại, chấp có, chấp không, vì vậy mà sanh ra rầu lo, đau khổ buồn phiền

Thân ngũ ấm đi, đứng, ngồi, nằm nhiều chịu cũng không nổi, vì mỗi mạt tê đau nhức, cho nên phải có lúc đi, lúc nằm, lúc đứng, lúc ngồi thân ngũ ấm bắt buộc phải động đậy liên tục như vậy thì mới thấy dễ chịu, cái dễ chịu của sự động thì làm sao an vui, thanh tịnh chân thật được nên đó là những sự khổ đau của thân ngũ ấm.

Thân ngũ ấm là một khối năm duyên hợp lại trong môi trường sống nhưng hành

động đều do nghiệp lực nhân quả tạo tác nên mỗi con người sanh ra đều phải chịu theo luật nhân quả thiện ác khổ vui mà thọ hưởng hoặc chịu lấy sự khổ vui nhiều ít là tùy theo những hành động thiện ác, chứ không có một kẻ nào ban phước giáng họa cho loài người được.

Chỉ vì sự mê lầm chấp đắm vật chất cho rằng người nào có nhiều vật chất là hạnh phúc nên mỗi hành động luôn luôn kèm theo sự ích kỉ nhỏ hẹp cho cá nhân của mình thường không những làm khổ người mà còn làm khổ mình.

Đức Phật dạy: ***“là con người chứ không phải là con thú vật thì phải làm thiện, làm thiện không có nghĩa là làm việc từ thiện, mà làm việc thiện ở đây có nghĩa là không làm khổ mình khổ người”***, như vậy các hành trong thân ngũ ấm mới không còn khổ đau nữa, chứ làm việc từ thiện theo kiểu Đại Thừa phước đầu thì không thấy mà bị kẻ khác lợi dụng thì có, cho nên tai họa bệnh tật khổ đau thường viếng thăm những người làm thiện này.

Trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: ***“Các hành là vô thường, là khổ”***.

Nhưng chúng ta học đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người của Đạo Phật nên các hành đều thực hiện nhân quả thiện, mà các hành đã làm thiện thì quả là phước mà quả phước thì thân con người thanh thản, an lạc và vô sự, nhưng thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự đó là thân tâm thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh tức là thiên định, thiên định thì thân tâm bất động, thân tâm bất động tức là các hành ngưng hoạt động, các hành ngưng hoạt động tức là chấm dứt sự vô thường và khổ đau, chấm dứt sự vô thường và khổ đau là phước vô lậu, là cảnh giới Niết Bàn tại thế gian.

Tóm lại người tu Định Vô Lậu câu hữu với Khổ Đế tức là quán xét ba khổ: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ để chúng ta rõ thấu và cố gắng tránh không làm khổ mình khổ người và điều đó khiến cho thân tâm chúng ta vô lậu, mà mục đích của Đạo Phật là phải đạt tâm vô lậu.



Chân Lý Thứ Hai - "TẬP ĐẾ"

Định Vô Lậu câu hữu với Tập Đế, tức là chúng ta quán xét nguyên nhân sanh khởi sự khổ đau của con người để thấu rõ nó, có thấu rõ nó chúng ta mới cố gắng ngăn chặn diệt trừ và đoạn dứt.

Vậy Tập Đế là gì?

Chữ Tập có nghĩa là nơi tập hợp mọi sự đau khổ, phiền não của con người, Tập còn có nghĩa là nơi chứa nhóm, dồn thêm mỗi ngày một nhiều hơn.

Chữ Đế có nghĩa là sự thật, đúng đắn không sai. Tập Đế là một nguyên nhân của mọi sự khổ đau đã chứa nhóm và tích trữ lâu đời nhiều kiếp trong mỗi chúng sanh. Nói một cách khác hơn đó là cội gốc sanh tử luân hồi của loài người.

Cội nguồn sanh ra mọi sự đau khổ phiền não của con người gồm có 10 phiền não gốc là:

1/ Tham, có nghĩa là lòng tham lam như Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: ***"Tánh tham có động lực bắt ta phải dòm ngó, theo dõi những cái gì nó ưa thích, như tiền***

tài, danh vọng, miếng ăn, chỗ ở v.v.. rồi nó xui ta lập mưu này, chước nọ để tâm kiếm cho được những thứ ấy. Điều tai hại nhất là lòng tham không đáy, thâu góp bao nhiêu cũng không vừa; được một muốn có mười, được mười muốn có trăm. Tham cho mình chưa đủ, và còn tham cho bà con quyến thuộc và xứ sở của mình. Cũng vì tham mà ăn không ngon, ngủ không yên; cũng vì tham mà cha mẹ vợ con xung đột; cũng vì tham mà bè bạn chia lìa; cũng vì tham mà đồng bào trở lại xung đột, xâu xé nhau; cũng vì tham mà chiến tranh tiếp diễn, giết hại không biết bao sanh linh. Tóm lại cũng vì tham mà nhân loại và chúng sanh chịu không biết bao nhiêu điều thống khổ”.

Lòng tham đã mang đến không riêng cho chúng ta khổ mà còn cả mọi người, không những trong quá khứ, hiện tại mà còn có thể kéo dài trong tương lai nữa.

2/ Sân, có nghĩa là nóng giận, Hoà Thượng Thiệu Hoa dạy; **“Khi gặp những cảnh trái ý nghịch lòng, như lòng tham không được toại nguyện, thì sân nổi lên,**

như một ngọn lửa dữ đốt cháy lòng ta. Thế là mặt mày đỏ tía hay tái xanh, bộ dạng thô bỉ, nói năng hung dữ, có khi dùng đến võ lực hay vũ khí để hạ kẻ làm trái ý, phật lòng mình. Vì nóng mà cha mẹ, vợ con, anh em xa lìa, bạn bè ly tán; vì nóng giận mà mọi người trở nên thù địch, nhân loại đua nhau ra chiến trường; vì nóng giận mà kẻ bị tàn tật, người vào khám đường, kẻ mất địa vị, người tan sự nghiệp.” Kinh dạy: *“Nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chương môn khai”* có nghĩa là một niệm nóng giận nổi lên thì trăm ngàn cửa nghiệp chương đều mở ra.” Sách xưa dạy: *“Nhất tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn”*, có nghĩa là một đóm lửa giận, có thể thiêu đốt sạch muôn mẫu rừng công đức. Thật vậy, lửa sân hận đã bùng cháy lên giữa lòng nhân loại và đã đốt thiêu không biết bao nhiêu công lao, sự nghiệp mà con người đã tốn biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới tạo ra được.

3/ Si, có nghĩa là si mê, mờ ám, biết không rõ, không chính xác, không đúng, Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: *“Si như là một tấm màn dày đặc, đen tối trùm lên*

trí tuệ của ta, làm cho ta không thể nhìn thấy được sự thật, phán đoán được cái hay cái dở, cái tốt, cái xấu. Do đó ta gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi, làm hại mình hại người mà không hay, Vì si mà lòng tham trở thành không đáy, bởi vì nếu người sáng suốt thấy cái tai hại của lòng tham, thì người ta đã kèm hãm được một phần nào tánh tham, Vì ngu si mà lửa giận bùng cháy; nếu người sáng suốt biết cái tai hại của lửa sân thì không để cho nó hoành hành như thế". Người xưa dạy: **“Bất úy tham sân khởi, duy khủng tự giác tri”**. Có nghĩa là không sợ tâm tham và sân, mà chỉ sợ tâm si mê. Nếu tâm tham sân nổi lên mà có trí tuệ sáng suốt ngăn chặn lại, thì lòng tham sân phải bị dập tắt, không còn làm gì được cả. Cho nên Đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, nếu đã có trí tuệ sáng suốt thì lòng tham sân không thể tồn tại được cũng như khi đã có ánh sáng mặt trời lên thì bóng tối tất nhiên phải tan biến.

Đức Phật thường gọi tham sân si là ba độc, nó thường làm đau khổ chúng sanh và phải chịu nhiều kiếp sanh tử luân hồi, đọa vào ba cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”.

4/ Mạn, có nghĩa là ngã mạn, kiêu căng, tự đắc Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: *“Là nâng cao mình lên và hạ người khác xuống; tự thấy mình là quan trọng mà khinh rẻ mọi người; ý mình có tiền của tài trí, có học thức, có cấp bằng cao học như tiến sĩ hay có quyền thế mà sanh tâm dương dương tự đắc, mục hạ vô nhân, khinh người già cả, hỗn láo với người đức hạnh, chà đạp người dưới, lấn lướt người trên.*

Vì lòng ngã mạn tự kiêu tự đại cho mình là hơn hết nên chẳng chịu học hỏi thêm những điều hay lẽ phải. Do đó làm nhiều điều lầm lẫn sai quấy, gây ra bao nhiêu tội ác, phước lành tổn giảm, tội lỗi càng tăng, cho nên phải chịu sanh tử luân hồi muôn đời ngàn kiếp.

Mạn có bảy thứ:

a- Mạn: Nghĩ mình hơn nghĩ người.

b- Ngã mạn: Ý mình hay giỏi mà lấn lướt người.

c- Quá mạn: Mình bằng người mà cho là hơn người, người hơn mình mà

cho là bằng.

d- Mạn quá mạn: Người hơn mình nhiều mà cho mình hơn người.

e- Tăng thượng mạn: Chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng.

f- Ty liệt mạn: Mình thua người nhiều mà nói mình thua ít.

g- Tà mạn: Người tu về tà mạn được chút ít thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ, vị lai, rồi khinh lườm người khác xem trời đất không còn ai”.

5/ Nghi, có nghĩa là lòng nghi ngờ, ngờ vực, không tin, Hoà Thượng Thiện Hoa dạy: *“Người nghi ngờ không làm được việc gì hết. Đối với người thân trong gia đình, họ không tin cậy giao phó công việc; đối với bạn bè, họ nghi ngờ tất cả mọi thiện chí. Ngay đối với họ, họ cũng không tự tin nữa. Đã không tự tin, họ còn gây hoang mang cho người chung quanh, làm cho người ta ngã lòng thối chí. Đối với đạo lý chân chánh như Đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản giải thoát tuyệt vời mà họ cũng không tin, nhưng họ lại tin theo tà giáo và những*

pháp môn mê tín, trừu tượng của kinh sách phát triển.

Trong sự nghi ngờ có ba phương diện:

1/ Tự nghi, có nghĩa là nghi mình. Chẳng hạn như đọc kinh sách Đức Phật dạy: ***“Tu hành sẽ được giải thoát”***, nhưng lại tự nghĩ rằng: ***“Chẳng biết mình tu có được không?”*** Vì lòng do dự nghi ngờ ấy, nên không chịu tu hành.

2/ Nghi pháp, có nghĩa là nghi phương pháp mình đang tu. Chẳng hạn như nghe kinh Tứ Chánh Cần dạy: ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”*** thì sẽ được giải thoát ngay liền hay như trong kinh Pháp Cú dạy: ***“Chư ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chư Phật Giáo”***. Do sự nghi ngờ lời dạy này không biết kết quả có đúng hay không? Nên không tu tập.

3/ Nghi nhân: có nghĩa là nghi người dạy mình, không tin ông thầy dạy mình, nghi pháp mình đang tu không đúng là chánh pháp của Phật. Khi chính pháp của Phật dạy mà mình nghi là không phải pháp của Phật thì đó là mình đã mất pháp chân

chánh. Còn thầy dạy mình tu học mà mình nghi thầy mình là mình đã bị đứt đầu không còn cách nào cứu chữa được. Ở tại tu viện Chơn Như chúng tôi có một số đệ tử ham mê thần thông, nhưng chúng tôi không thể hiện thần thông, nên chúng mất niềm tin và không theo tu tập với chúng tôi nữa. Mục đích tu viện của chúng tôi hướng dẫn tu tập xả tâm ly tham đoạt diệt các ác pháp để đạt được tâm giải thoát không còn phiền não, khổ đau, không còn tham sân, si, mạn, nghi nữa, giúp cho con người có một đời sống đạo đức không làm khổ mình khổ người, đây là hạnh phúc là giải thoát chứ không phải ngồi thiền nhập định năm bảy ngày hoặc kiến tánh thành Phật, hoặc tụng kinh niệm chú cho có thần thông phép lạ hoặc niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương v.v.. Ở đây chúng tôi dạy đúng theo đường lối tu tập của Đạo Phật là hằng ngày không có tụng niệm lần chuỗi ngồi thiền ức chế tâm, mà chỉ có sống đúng giới luật và theo như những lời dạy trong kinh Tăng Chi tập 3 trang 30: “Ở đây này các hiền giả, Tỳ Kheo ưa công việc, thích thú công việc; ưa nói chuyện, thích thú nói chuyện; ưa ngủ nghỉ, thích thú ngủ nghỉ, chuyen tâm ưa

thích ngủ nghỉ; ưa hội chúng, thích thú hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng, ưa liên lạc giao thiệp, thích thú liên lạc giao thiệp, chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; ưa hý luận, thích thú hý luận, chuyên tâm thích hý luận. Như vậy, này các hiền giả, Tỳ Kheo sống nếp sống như vậy, khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiền thiện. Này các Hiền giả, đây gọi là Tỳ Kheo ái lạc có thân, không từ bỏ có thân để chân chánh chấm dứt khổ đau”. Đây là lời dạy chân chánh của Đức Phật, muốn tu theo Đạo Phật thì phải tu đúng pháp, sống đúng pháp như lời dạy thì mới có sự giải thoát, còn tổ chức gia đình Phật tử này đạo tràng nọ thì chỉ là một hình thức Phật giáo Đại Thừa, chứ tu tập chẳng có kết quả gì chỉ là một trò giải trí lành mạnh như bao nhiêu trò giải trí lành mạnh khác của xã hội, đó là những người đi tìm ái lạc của thân vì họ là những người dư thừa thời gian không biết làm gì cho hết tuổi đời. Nếu không từ bỏ những trò giải trí này thì không bao giờ chân chánh chấm dứt sự khổ đau. Nếu quý vị không tin lời chúng tôi nói thì nên đọc lại đoạn kinh trên rồi suy ngẫm và xét lại từ xưa đến nay

biết bao nhiêu đạo tràng và gia đình Phật tử họ đã được giải thoát những gì với con đường giải thoát này. Đối với Đạo Phật thời gian sinh hoạt của quý vị rất là uổng phí khi: **“Được thân người là khó”**, nên Đức Phật đã nhắc nhở:

“Tấc bóng thời gian một tấc vàng

Tấc vàng tìm được không gì khó,

Tấc bóng thời gian khó hỏi han”.

Thế mà quý vị sinh hoạt như vậy gọi là tu, tu như vậy phỏng có giải thoát được những gì? Quý vị cứ nhìn lại bản thân của quý vị thì quý vị sẽ thấy, nếu chúng tôi nói thẳng thừng thì quý vị không ưa chúng tôi chứ quý vị chỉ là một con cờ cho người khác sử dụng nước cờ tôn giáo chứ quý vị tu như vậy dù tu một triệu năm nữa cũng chưa thấy và hiểu biết giải thoát như thế nào?

Chúng tôi dạy đúng như Phật dạy cấm không cho tu sĩ tập hợp nói chuyện thì họ không thích, họ muốn tu tập theo kiểu Đại Thừa, sinh hoạt như các đạo tràng và các gia đình Phật tử, họ khoái hội họp thích vui chơi, nói chuyện.

Chỗ tu hành của chúng tôi là chỗ tu tìm sự giải thoát, làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết và chủ động đi vào con đường hoá sanh chứ không chấp nhận chịu bó tay sanh nơi dâm dục bất tịnh ô trược bản thủ hô thúi và khổ đau. Vì thế, ai muốn tu được thì hãy sống đúng như lời Đức Phật đã dạy, như chúng tôi đã dạy, nếu không sống được thì đừng nên theo Đạo Phật tu hành, chẳng có ích lợi gì mà còn làm cho kẻ khác phỉ báng Phật Giáo.

Đạo Phật không cầu mong có nhiều người tu mà phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, vô đạo đức làm người, làm Thánh thà chỉ cần ít người hay một người tu đúng pháp có giới đức hẳn hoi, có một đời sống phạm hạnh của bậc Thánh Tăng thì Phật Giáo mới còn rực rỡ trên thế gian này, dù chỉ có một người còn hơn đi đâu cũng gặp Tăng sĩ mà đời chẳng đời, đạo chẳng đạo, họ sống với những nghề nghiệp lừa đảo thiên hạ thật là đau lòng cho Phật Giáo ngày nay. Giữa ban ngày thấp đức lên đi tìm một bậc giới đức khắp trên thế gian này không bao giờ có, toàn là những tu sĩ phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới v.v..

Nếu quý vị thấy sống không kham nổi trong giới luật của Phật, thì quý vị đi tu làm gì, để phạm giới, phá giới như vậy, có ích lợi gì cho quý vị và cho người khác, nếu quý vị sống không kham, thì quý vị ra đời mà sống, sống trong chùa mà bày ra những trò mê tín, dị đoan, cúng bái, tế lễ, xin xăm bói quẻ v.v.. đó là đi ngược lại Phật giáo, cũng như quý vị thuyết giảng hý luận trừu tượng mơ hồ bằng lối chơi chữ để lừa đảo những người nhẹ dạ dễ tin để cầu được sự cúng dường.

Tóm lại quý vị muốn tu theo Đạo Phật thì quý vị phải nghiên cứu Phật Giáo cho kỹ, nếu thấy chúng tôi dạy đúng thì xin vào tu, còn nếu thấy chúng tôi dạy không đúng thì quý vị đừng xin vào tu thử, vì sự tu thử sẽ làm quý vị phí thì giờ vô ích mà còn sanh tâm nghi ngờ chánh pháp của Phật, tạo thêm tội lỗi như quý thầy: Thầy Chơn Đức, Thầy Từ Minh, Thầy Minh Tông, Thầy Thiện Thiên v.v.. họ đã trở thành những người đệ tử bất nghĩa muôn đời ngàn đời để lại tiếng đời không tốt cho mai sau.

Tánh nghi ngờ làm cản trở sự tiến tu hành cũng như những sự việc khác,

làm ngăn ngại mọi công tác hữu ích cho mình cho xã hội và cũng vì tâm nghi ngờ khiến cho cuộc đời không vượt khỏi cảnh tối tăm khổ sở.

6/ Thân kiến:- Có nghĩa là vì không rõ nên lầm chấp thân ngũ uẩn tứ đại giả hợp này cho là Ta, là của Ta, là bản ngã của Ta. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy về thân kiến: ***“Vì cái chấp sai lầm ấy, nên thấy có một cái Ta riêng biệt, chắc thật không biến đổi, thấy cái Ta ấy là riêng của Ta, không dính dấp đến người khác, và xem nó là một thứ rất quý báu. Vì tưởng lầm như vậy, nên kiếm món ngon vật lạ cho Ta ăn, may sắm quần áo tốt đẹp cho Ta mặc, lo xây dựng nhà cao cửa lớn cho Ta ở, thâu góp thật nhiều của cải, đất ruộng để dành cho Ta dùng, kiếm công danh chức tước, địa vị cho Ta hãnh diện với mọi người. Do sự quý chuộng cung phụng cho cái Ta ấy, mà tạo ra lắm điều tội lỗi, chà đạp lên bao nhiêu cái Ta khác, làm cho họ đau khổ vì Ta. Và thế giới trở thành một bãi chiến trường cũng vì cái Ta”***.

Chúng ta hằng ngày chịu nhiều đau

khổ cũng chính vì Thân kiến tức là cái kiến chấp về thân. Nó là một trong bảy kiết sử trói buộc và sai sử chúng ta như một tên nô lệ rất khó mà dứt bỏ, nếu không có pháp như lý tác ý của Đức Phật dạy thì khó có pháp nào diệt thân kiết sử này được, nếu hằng ngày chúng ta không siêng tu pháp như lý tác ý thì chẳng bao giờ chúng ta dứt sợi dây thân kiết sử này được, cho nên Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại câu pháp hướng này: ***“Thân này không phải là Ta, không phải của Ta, không phải bản ngã của Ta”***. Câu này quý vị nên nhớ mà hướng tâm hằng ngày đừng nên biếng trễ và xem thường, đó là lời tâm huyết mà Đức Phật đã dạy cho chúng ta vì thương tưởng chúng ta vô minh mà lầm chấp thân kiến chịu khổ muôn đời.

7- Biên kiến: - Có nghĩa là chấp một bên, nghiêng về một phía, đó là những thành kiến rất cực đoan. Biên kiến có nhiều lối chấp sai lầm lớn nhất là:

a) Thường kiến.

Thường kiến là một loại luận thuyết mơ hồ trừu tượng, cho rằng người chết còn linh hồn cho rằng có thế giới siêu hình, có

bản thể vũ trụ, có tiểu ngã, đại ngã, có thân thức, có Phật Tánh, có Thiên Đàng, có địa ngục, có Ngọc Hoàng Thượng Đế, có Chúa Trời, có Thần, quỷ, ma v.v..

Những người chấp thường kiến là những con người thường sống trong mê tín, lạc hậu, sống trong mộng tưởng, xây dựng cảnh giới siêu hình thường cầu cúng lễ bái và ước vọng làm những điều thiện để khi chết được sanh lên Cực Lạc Thiên Đàng của cõi Trời cõi Niết Bàn hay cảnh giới chư Phật. Thiên Tông, Mật Tông đều thuộc về thường kiến

b) Đoạn kiến:

Đoạn kiến là một loại luận thuyết chết cứng, khô cằn, chết là hết không còn gì cả, loại luận thuyết này, khiến cho con người mất hết niềm hy vọng về tương lai. Cho nên người ta đặt ra câu hỏi: ***“Tương lai không có thì hiện giờ làm để làm gì?”*** Ngày mai chết là hết, vì vậy con người chấp đoạn kiến thì làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu chẳng còn biết nghĩ đến ai cả, sống chỉ quay cuồng trong dục lạc, ăn uống vui đùa trụy lạc, xì ke, ma túy, rượu chè bê bết, sống theo kiểu hiện sinh không có ngày mai. Hòa Thượng

Thiện Hoa dạy: **“Đối với hạng người chấp đoạn kiến, thì hễ tắt thở là không còn gì tồn tại nữa; tội cũng không mà phước lại cũng chẳng có. Họ không tin nhân quả luân hồi, nên mặc tình làm các điều tội lỗi. Họ tự bảo: “Tu nhân tích đức già đời cũng chết; hung hăng bạo ngược tắt thở cũng không còn”.**

Vì chấp đoạn kiến, có người đứng trước cảnh thất tình, thất vọng, hoặc gặp cảnh buồn lòng nghịch ý, tưởng rằng chết là hết đau khổ, là giải thoát tất cả khổ, nên họ không ngần ngại mượn chén thuốc độc, hay dòng sông sâu hoặc sợi dây oan trái để kết liễu đời mình, Họ đâu có ngờ rằng chết rồi vẫn chưa hết! Họ đâu biết rằng luật nhân quả nghiệp báo là một vật thường hằng bất biến của môi trường sống, ngoài những hành động ác thiện của loài động vật ra khi chết, không có gì còn lại cả. Chính vì những hành động của loài động vật là một tác nhân tạo ra nghiệp, cho nên Đức Phật dạy: **“Nghiệp là cha đẻ ra con người, con người là thừa tự nghiệp”.** Như thế làm sao gọi là đoạn kiến. Khi chết trong ác nghiệp khổ đau thì nghiệp khổ đau ấy vẫn phải tiếp tục tái sanh trong nghiệp nhân

quả đau khổ kế tiếp.

Người chấp đoạn kiến là những người không thông suốt môi trường sống hợp duyên của các pháp. Trong môi trường sống này không có một vật gì sanh ra mà đơn điệu toàn là các pháp hợp lại tạo thành.

Ví dụ 1: không thể có một người đàn ông cũng như một người đàn bà đơn điệu tự một mình sanh ra con được, mà phải có hai người nam nữ lấy nhau tạo duyên ngũ uẩn hòa hợp mới thành ra con người.

Ví dụ 2: Không thể lấy một cây cột, lấy một tấm tôn, một miếng vách mà bảo rằng vật đó là cái nhà được, một cái nhà phải có các vật hợp lại như: cột, kèo, vách, tôn, cửa cái, cửa sổ rồi tạo dựng ra cái nhà. Đó là các pháp trong môi trường sống này đều do duyên hợp mà thành, nhưng bảo rằng khi hoại diệt thì không còn gì hết là sai (đoạn kiến) mà bảo rằng còn thì cũng sai (thường kiến), đó là hai cái sai của những lý luận này.

c) Vừa thường vừa đoạn kiến

Có một luận thuyết cho rằng các pháp trong thế gian này vừa có vừa không như

Ngài Long Thọ: “**Sắc tức thị không, không tức thị sắc**”, đó là lối lý luận trườn uốn như con lươn, để rồi Ngài để ra trí tuệ Bát Nhã Chơn Không thành ra thường kiến, cuối cùng Ngài cũng như các nhà thường kiến khác, nhưng giỏi khéo lý luận để che mắt thiên hạ, chứ kỳ thực Chơn Không của Ngài đâu có khác gì thần thức, linh hồn, đại ngã, Phật tánh, bản thể vạn hữu, chỉ có khác là danh từ mà thôi.

Do những lý luận này đã biến những tu sĩ Phật Giáo thành những nạn nhân bỏ biết bao nhiêu công lao sức lực tu hành rốt cùng cũng chẳng ra gì, khổ đau cũng hoàn khổ đau, chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết cả.

7- Kiến thủ: Có nghĩa là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình có ba trường hợp:

a) Kiến thủ vì ảnh hưởng tư tưởng của người khác.- Khi học hiểu một điều gì do lý luận của các nhà tư tưởng như tướng Chơn Không, Phật Tánh v.v... Cũng như thấy những hiện tượng nhập đồng nhập cốt do cô cậu hoặc linh hồn người chết oan nhập vào nói đâu trúng đó rồi cho đó có linh hồn

người chết, có thể giới siêu hình rồi chấp chặt ai nói gì cũng không tin. Không ngờ thế giới siêu hình là do tưởng uẩn tạo thành chứ không có thế giới siêu hình thật sự. Do sự chấp chặt này họ phải chịu thiệt thòi nhiều mặt về sự tu hành cũng như về đời sống.

b) Kiến thủ vì không ý thức được sự sai lầm của mình.- Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: “Hành vi của mình sai quấy, ý kiến của mình sai lầm, nhưng vì không đủ sáng suốt để nhận thấy, nên cứ bảo thủ hành vi, ý kiến của mình, tự cho mình là hay là giỏi, ai nói gì cũng chẳng nghe.

c) Kiến thủ vì tự ái hay vì ngoan cố cứng đầu.- Biết mình làm như thế là sai, nói như vậy là không đúng, lỡ lời, nhưng vì tự ái cứ bảo thủ cái sai cái không đúng của mình, không chịu thay đổi, không chịu sám hối, xin lỗi, không chịu từ bỏ, xa lìa.

Ví dụ như trước kia ông bà đã lỡ theo tà giáo, ngoại đạo, nay con cháu vẫn biết đó là tà giáo nhưng cứ theo mãi không dám bỏ, cho đó là tôn giáo truyền thống của Tổ Tiên, ông bà để lại không được bỏ, mặc tôn giáo đó dạy những điều phi đạo đức, phi

nhân quả, thường dạy những điều cầu cúng, mê tín, lạc hậu v.v.. Có người còn nói một cách liêu lĩnh, ngu si: **“Xưa sao nay vậy”** hay **“Xưa bày nay làm”**. Cũng như cha mẹ trước là nghề nghiệp ác chài lưới, săn bắn hoặc làm nghề đồ tể, bán thịt, sống thịt chết, mãi dâm, bán rượu, thuốc phiện, xì ke ma túy v.v.. đó là những nghề ác độc tội lỗi, đến con cháu vẫn cứ bảo thủ nghề ấy, không chịu thay đổi nghề khác.

Nhìn rộng ra xã hội bên ngoài, có một số đông người, mặc dù thời đại của chúng ta hiện giờ, con người đã có nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật hiện đại hóa đời sống, thế mà người ta cứ vẫn giữ lại những lễ lối cổ tục hủ bại, hễ trong nhà có người chết là giết heo bò để cúng kiến, rước thầy chùa tụng kinh để cầu siêu linh hồn trong khi ông thầy tụng chưa độ được ông siêu, mà ông đi cầu siêu cho kẻ khác thì việc làm đó là một điều ngu si, khi đưa đám tang thì rải giấy tiền vàng mã; mỗi khi tuần tự hay giỗ kỵ thì lại đốt giấy tiền vàng mã nữa và quần áo kho đụn phước xá. Hằng năm cứ vào ngày rằm tháng ba âm lịch thì Ban Tế Tự tập họp dân chúng làm lễ kỳ an cúng tế tà Thần, ác quỷ v.v.. Làng xã chấp chặt

những hủ tục mê tín lạc hậu như thế mà còn cho đó là **“Văn hóa truyền thống của dân tộc”** không được bỏ. Những việc làm đó đều thuộc về kiến thủ.

9- Giới cấm thủ, Có nghĩa là làm theo, sống theo giới cấm của ngoại đạo, tà giáo, những giới cấm của tà giáo ngoại đạo này phần nhiều vô lý phi đạo đức, mê muội, dã man v.v.. Những giới cấm này khiến cho con người bất hiểu và tự làm khổ mình. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: **“Các giáo phái ngoại đạo ở Ấn Độ lấy đá dần bưng, đứng một chân giữa trời nắng, nằm trên chỗ bắn thủ, leo lên cao nhảy xuống, gieo mình vào lửa, nhảy xuống sông trâm mình chịu lạnh lẽo để được phước, chặt hoặc đốt một lông tay, có người chặt nguyên một cánh tay để cầu pháp.**

Những thứ cuồng tín như thế, không làm cho cuộc đời sáng sủa, mà còn làm cho đen tối và khổ đau thêm”.

Giới cấm thủ này chúng ta thấy trong kinh Pháp Hoa Phẩm Tựa dạy cúng dường thân mạng hoặc một phần thân mạng để cầu pháp giải thoát, khiến cho những người

cuồng tín chặt hoặc đốt ngón tay, hủy hoại cơ thể của mình không tật nguyên mà thành tật nguyên, không khổ mà làm thêm khổ, đó là giới cấm thủ hay còn gọi là những giáo điều của ngoại đạo.

10- Tà kiến, có nghĩa là chấp chặt theo lối không chân chánh, trái với sự thật, trái với luật nhân quả, phi đạo đức như trong kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn, Bồ Tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn chúng sanh, đó là tà kiến phi đạo đức, phi nhân quả, mê tín. Hòa Thượng Thiện Hoa dạy: ***“Nói một cách khác, tà kiến nghĩa là mê tín, dị đoan, như thờ đầu trâu, đầu cọp, bình vôi, ông táo, xin xăm, bói quẻ, buộc tôm đeo niệt, coi sao, cúng hạn v.v.. Nói rộng ra bốn món chấp trên đều thuộc về tà kiến cả”***. Nghĩa là trên đời này cái gì ý thức không hiểu được mà dùng tưởng thức để hiểu, hiểu như vậy là hiểu một cách mơ hồ, trừu tượng, không rõ, không thực tế, không cụ thể đều được gọi là tà kiến.

Khi tu Định Vô Lộ câu hữu với Tập Đế thì chúng ta sống trong thực tế, cái gì ý thức hiểu biết cụ thể thực tế còn hoàn toàn ngoài ra không tin một cái gì cả, phần

nhiều người ta thường hay sống trong tưởng thức nên người ta phải chịu khổ.

Ví dụ: Người ta chửi mình đồ chó, trâu mình tưởng ra mình là chó trâu, nên mình sanh tức giận chửi mắng lại họ, cũng như người ta chửi mình: “Tao đào mồ mả cha mày lên”, mình tưởng rằng họ đào mồ mả cha mình chứ sự thật họ đâu có đào, thế mà mình sống trong tưởng rồi sanh ra tức giận chửi mắng đánh với nhau, khiến cho làm khổ cho nhau, thật là tà kiến điên đảo và sống không thực tế, tạo cảnh mình khổ người khác khổ chẳng có ích lợi gì cả.

Ví dụ người ta chửi mình là đồ ăn cắp, ăn trộm mình tự ái sợ người khác không hiểu mình, sanh ra nghi ngờ mình ăn cắp, ăn trộm thì xấu hổ, cái tự ái sợ hãi người ta nghi ngờ mình nên mình tức giận và buồn khổ trong lòng mãi mãi, đó là mình sống trong tưởng, chứ sự thật mình có ăn trộm ăn cắp đâu mà sợ. Con người ở đời thường sống trong tưởng tức là sống trong tà kiến nên luôn luôn chịu khổ đau tức giận sanh ra thù hận không nguôi, tạo ra nhiều điều ác đức tội lỗi, rồi lại còn tiếp tục bằng cách trả thù, trả oán cho đã cơn giận.

Cho nên khi chúng ta biết áp dụng Định Vô Lậu kết hợp với Tập Đế thì chúng ta không còn sống trong tướng, nói cách khác là chúng ta không còn sống trong tà kiến.



CHƠN LÝ THỨ BA - Diệt Đế

Trước khi muốn quán xét Diệt Đế để thực hiện Định Vô Lậu thì chúng ta phải biết Diệt Đế là gì?

Diệt tức là tiêu diệt, trừ diệt, diệt ở đây tức là diệt lòng tham muốn của mình và diệt các ác pháp.

Đế có nghĩa là lý lẽ chắc thật, đúng đắn do trí tuệ sáng suốt soi thấu một cách rõ ràng không có mờ昧, trừu tượng, ảo tưởng bằng tướng tri.

Diệt Đế là một trạng thái tâm đã đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp, người sống trong trạng thái này được xem là đã giải thoát hoàn toàn tức là người đã làm chủ sự sống chết của mình, người làm chủ sự sống chết của mình là người hạnh phúc

nhất trên thế gian này.

Người ta thường bảo Diệt Đế là Niết Bàn như thế này, như thế nọ, đó là tướng tri của các nhà học giả, nhất là các nhà học giả Đại Thừa thì lại bịa ra đủ loại Niết Bàn

Diệt Đế không phải là một cảnh giới siêu hình như các nhà Đại Thừa thường tưởng tượng và cho đó là nơi chư Phật thường trú. Nếu một người đoạn diệt lòng tham muốn và các ác pháp thì cuộc sống của họ là Niết Bàn, chứ không phải ở nơi đâu cả.

Đức Phật gọi Diệt Đế là một chơn lý thật sự, một trạng thái tâm lý thật sự không còn khổ đau của kiếp người, chứ không giống như các nhà Đại Thừa và Thiền Đông Độ xây dựng những cảnh giới Niết Bàn mơ hồ, trừu tượng, ảo tưởng, những loại Niết Bàn này không được gọi là chân lý, vì nó là những cảnh giới tượng tượng của con người, cho nên nó không thật có, chỉ duy nhất có Diệt Đế của Đạo Phật mới được gọi là chơn lý của loài người mà thôi vì nó có thật.

Khi chúng ta quán xét Diệt Đế rõ thấu trạng thái thật sự giải thoát của Đạo Phật

là chỗ đoạn diệt lòng ham muốn và các ác pháp. Rõ thấu được như vậy chúng ta mới có phương hướng nhắm vào từng giây, từng phút đẩy lui toàn bộ lòng tham muốn và các ác pháp trong ta. Khi đẩy lui lòng tham muốn và các ác pháp trong ta thì đó là Diệt Đế, thì đó là chúng ta đã đạt được chơn lý của kiếp sống làm người.

Chơn lý của kiếp sống con người không phải là thần thông phép thuật, thế mà người đời nói đến tu hành là nói đến thần thông phép thuật, thần thông phép thuật chỉ là một điều huyễn hóa lừa đảo thiên hạ bằng cách làm trò ảo thuật hoặc nói láo truyền miệng, mà Ngài Thường Chiếu nói: **“Một con chó sửa một bầy chó sửa theo”**. Dù nếu có thần thông thật sự đi nữa thì đó cũng chỉ là một trò ảo thuật giải trí cho những người thừa thì giờ nhàn rỗi, chứ chẳng ích lợi gì cho loài người trên hành tinh này. Từ xưa đến nay chúng ta đã từng nghe tin tức qua báo chí hoặc phim ảnh có nhiều đạo sĩ tu tập rất vất vả, nhưng lại thị hiện làm trò ảo thuật cho mọi người xem chơi, tạo danh cho cá nhân của mình, lợi dụng lòng ham mê thần thông của con người, nên mở ra rất nhiều thiền đường, giảng đường để lừa đảo

thiên hạ làm hao tổn biết bao nhiêu tiền của và công sức của mọi người nhưng nhìn lại có ích lợi gì cho ai đâu.

Niết Bàn của Phật Giáo chân thật như vậy, với trí hữu hạn của chúng ta đều nhận biết rõ ràng thực tế và cụ thể, không có một sự tưởng tượng nào trong thạng thái này. Vì Chân lý của Đạo Phật rất thực tế trong đời sống của chúng tôi, nên chúng tôi chọn Đạo Phật, lấy Đạo Phật làm những bài học để xây dựng cho mình trở thành những con người có một đạo đức không làm khổ mình khổ người và như vậy có lợi ích cho mình và cho người, đó là nguyện vọng của chúng tôi khi đến với Đạo Phật và tu tập Định Vô Lậu câu hữu Diệt Đế.

Diệt Đế là một chân lý thật sự, có thật, mà con người thực hiện được, làm được, sống được chứ không phải là một lý luận suông, như những lý luận của các tôn giáo và các tông phái khác.



CHƠN LÝ THỨ TƯ - Đạo Đế

Tu tập quán xét Định Vô Lậu câu hữu với Đạo Đế tức là chúng tôi tư duy quán xét về Đạo Đế. Đạo Đế là một chơn lý thứ tư của Đạo Phật. Vậy Đạo Đế là gì?

Đạo có nghĩa là con đường đi, đạo có nghĩa là phương pháp cách thức tu tập rèn luyện trau dồi để tu sửa lại thân tâm con người, vì thân tâm con người thường hành động theo lòng ham muốn tạo ra biết bao nhiêu là sự lầm lạc, sai quấy khiến cho mình khổ người khác khổ và tất cả chúng sinh đều đau khổ.

Đế có nghĩa là sự thật, chơn thật, không sai, đúng như thật, không dối gạt không lừa đảo.

Đạo Đế là phương pháp dạy người tu hành có kết quả giải thoát thật sự. Đạo Đế là phương pháp tu sửa, rèn luyện thân tâm con người có đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người chân thật. Biến cảnh sống thế gian thành cảnh giới Thiên Đàng Cực Lạc; Đạo Đế còn là phương pháp tu tập có đủ tâm lực tỉnh thức làm chủ sanh, già, bệnh, chết thật sự.

Đạo Đế là một chân lý thật sự đúng đắn không dối gạt, không lừa đảo người, mọi người nếu ai có nhiệt tâm muốn thoát ra cảnh khổ của thế gian, với đầy đủ nhiệt tâm nhiệt huyết xả bỏ những ác pháp và xa lìa lòng ham muốn của mình thường đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, cố gắng áp dụng và thực hành như vậy thì đều có kết quả giải thoát như nhau.

Phương pháp tu tập của Đạo Đế được chia ra làm tám phương thức chân chánh để trau dồi thân tâm, gọi là Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo gồm có:

- | | |
|----------------|-------------------|
| 1/ Chánh kiến. | 2/ Chánh Tư Duy |
| 3/ Chánh Ngữ. | 4/ Chánh Nghiệp |
| 5/ Chánh Mạng. | 6/ Chánh Tinh Tấn |
| 7/ Chánh Niệm. | 8/ Chánh Định. |

Tám phương thức này gọi là tám nẻo, tám nẻo này để cho người mới bắt đầu tu tập cho đến khi thành tựu viên mãn đạo giải thoát.

Người mới bắt đầu phải học tất cả những điều mà Đức Phật đã dạy rất đầy đủ

trong các bộ kinh Nguyên Thủy về Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.



Nẻo Thứ Nhất - Chánh kiến

Học về Chánh Kiến như thế nào?

Trước khi muốn học Chánh Kiến như thế nào thì chúng ta phải phải hiểu nghĩa chữ Chánh Kiến.

Chánh Kiến có nghĩa là thấy nghe, hay biết một cách ngay thẳng, công minh, chánh trực, rõ ràng, cụ thể, không chủ quan. Sự vật như thế nào thì thấy nghe hiểu biết như thế nấy, không sống trong tưởng tri trừu tượng mê tín, không dựa bên này, không dựa bên kia, không lấy trắng làm đen, không lấy đen làm trắng, không lấy xấu làm tốt, không lấy tốt làm xấu, không lấy dở làm hay, không lấy hay làm dở, không lấy trái làm phải, không lấy phải làm trái. Sự nhận xét thấy biết không bị tập quán, thành kiến, dục vọng. Người có Chánh Kiến luôn luôn biết phân biệt cái

nào giả, cái nào thật. Ví dụ như các nhà học giả họ không phân biệt pháp nào của Phật pháp nào của Bà La Môn vì thế họ đã bị kinh sách phát triển lừa đảo tưởng đó là giáo pháp của Đức Phật. Chính chỗ này xác định các nhà học giả và các bậc Thầy Tổ của chúng ta không có Chánh Kiến vì không có Chánh Kiến nên con người dễ bị các học thuyết và các tôn giáo khác lừa đảo, để rồi suốt một đời chạy theo ảo ảnh mà chẳng có được những gì. Đức Phật hiểu rất rõ điều này sau khi Ngài chứng đạo, trước kia Ngài chưa có Chánh Kiến nên đã bị các tôn giáo lừa đảo Ngài tu hành gần như muốn chết, cuối cùng Ngài tư duy tất cả giáo pháp của ngoại đạo không đưa con người đến chỗ giải thoát hoàn toàn mà đưa con người đi vào chỗ chết, chỗ thân không khổ đau mà làm cho khổ đau, ví dụ như quý vị ngồi trên chân kiết già để tu tập thiền tưởng, hai chân đau gần chết mà cố gắng chịu đau, mồ hôi mẹ mồ hôi con đổ ra ướt đầm đìa cả áo, đó là thiếu Chánh Kiến, cho nên Đức Phật dạy chúng ta học về Chánh Kiến đầu tiên, vì Chánh Kiến nên Ngài dạy chúng ta cũng không nên tin ở Ngài mà hãy tin những pháp môn gì mà người trí

khen ngợi và thực hiện áp dụng vào đời sống có kết quả an vui thật sự ngay liền cho mình cho người thì hãy tin. ***“Này Kàlà mà! Chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống, chớ có tin vì nghe người ta nói (đôn), chớ có tin vì được kinh tạng tuyên tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình, chớ có tin vì xuất phát nơi có uy quyền, chớ có tin vì bậc Sa Môn là đạo sư của mình v.v..***

Nhưng này các Kàlà mà! Khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này bất thiện, các pháp này có tội lỗi, các pháp này bị người có trí hiểu biết chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau”. Thời này Kàlà mà! Hãy từ bỏ chúng không nên theo”. Như vậy Đức Phật đã dạy chúng ta về Chánh Kiến có nghĩa là làm lợi ích thật sự cho mình cho người.

Tóm lại Chánh Kiến tức là thấy nghe hiểu biết mọi sự, mọi việc và mọi vật bằng

pháp thiện, nếu có ác pháp xen vào thì không còn là Chánh kiến nữa, cho nên Chánh Kiến toàn là thiện pháp, người có Chánh Kiến không làm khổ mình khổ người. Thấy, nghe, hiểu biết mà không làm khổ mình khổ người, đó là cái thấy nghe của Chánh Kiến, của Thánh Nhân, chứ không phải của kẻ phàm phu mà thấy nghe hiểu biết như vậy được.

Chúng ta đã hiểu nghĩa Chánh Kiến rồi, vậy bây giờ chúng ta học Chánh Kiến như trong kinh Đức Phật đã dạy: ***“Này chư Hiền! Khi Thánh đệ tử tuệ tri³ được bất thiện⁴ và tuệ tri được căn bản⁵ bất thiện, Này chư Hiền! Khi Thánh đệ tử có Chánh Tri Kiến, có Tri Kiến Chánh Trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này”***.

Nếu một người hiểu rõ lời dạy này thì tâm bất động trước các pháp, chứ đâu cần phải tu tập gì nhiều. Người ta nói Chánh Tri Kiến thì rất nhiều mà người hiểu và sống trong Chánh Tri Kiến thì chẳng có mấy ai. Tại sao vậy?

3 Tuệ tri có nghĩa là nghe, thấy, hiểu biết

4 Bất thiện có nghĩa là ác pháp

5 Căn bản có nghĩa là nguồn gốc

Tại vì mọi người đã không hiểu Chánh Tri Kiến bằng thức tri mà lại hiểu Chánh Tri Kiến bằng tưởng tri, cho nên người nào cũng hiểu mà hiểu bằng chữ nghĩa suông để nói vọng ngữ, lừa đảo kẻ khác, vì thế không ích lợi gì cho mình cho người. Câu kinh trên đây dạy có nghĩa là khi Thánh đệ tử nghe, thấy, hiểu biết rõ các pháp ác và nguồn gốc của các pháp ác, thì đó chính là có tri kiến chân chánh, có tri kiến chánh trực, nếu người có Chánh Tri Kiến, có tri kiến chánh trực và đã có lòng tin **“Bát Chánh Đạo”** tuyệt đối thì người này sẽ ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp thì sẽ có tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Lúc nào cũng có tâm hồn an lạc thanh thoi và vô sự, người được như vậy là người giải thoát hoàn toàn.

Ở trên đây chúng ta mới bước chân vào nẻo thứ nhất mà đã thấy được sự giải thoát thiết thực cụ thể như vậy như vậy, nếu chúng ta học hiểu và áp dụng vào đời sống luôn cả tám nẻo thì thế gian này là Niết Bàn, Cực Lạc.

“Này chư Hiền! Thế nào là bất thiện, thế nào là căn bản bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bản thiện?”

Trên đây Đức Phật nêu ra những câu hỏi để rồi giải thích cho chúng ta hiểu thế nào là thiện và bất thiện, thế nào là nguồn gốc thiện và nguồn gốc bất thiện. Nếu quý vị không học thì làm sao quý vị biết được, mà đã không biết được thì cái sai vẫn cho là cái đúng, cũng như cái đúng vẫn thấy nó là sai như thế thì làm sao được gọi là Chánh Kiến? Cầu siêu, cầu an, cúng vong tiền linh cúng sao giải hạn, xem ngày giờ tốt xấu quý vị đều cho là đúng, nếu không đúng sao quý vị lại vào chùa làm những điều mê tín này? Nếu những việc làm này là đúng thì nó là Chánh Kiến sao? Chánh Kiến gì mà việc làm không rõ, mơ hồ, trừu tượng không cụ thể, không thiết thực. Cũng như người ta gọi Phật Tánh là lấy cái ý thức chẳng niệm thiện niệm ác để rồi tưởng tượng ra xây dựng thành bản thể Chân Không nhưng lại sợ đồng với cái không nên mới thêm vào cái diệu hữu để người ta đừng hiểu nó là không ngờ **“Sắc tức thị không không tức thị sắc”**, nhưng dù luận như thế nào nó cũng chỉ là tưởng tri hý luận chứ không có. Vì thế một người chết ý thức cũng tiêu ma ra cát bụi, bởi vì ngoài thân ngũ uẩn ra không có cái thức nào khác cả, cho nên thân ngũ

uẩn hoại diệt thì thức nào cũng không còn. Cái thấy biết như vậy không thể nào gọi là Chánh Kiến, đó là Tà Kiến mà ngoại đạo hay lấy bản thể vạn hữu mà luận thuyết như thế này hoặc như thế khác để xây dựng một thế giới thường hằng bất biến. Chánh Kiến như vậy không có ích lợi thiết thực chỉ là một hý luận suông.

Chúng ta từ môi trường sống sanh ra mà môi trường sống là vật chất phải có trước như: không khí, thời tiết, mưa gió, đất, đá, gò, nong, núi, sông, rồi rong rêu cỏ cây thảo mộc kể đó mới vạn vật xuất hiện và như vậy mới gọi là môi trường sống khi có môi trường sống thì chỗ đó có cái biết sống, rồi biết đau đớn khổ sở rồi biết thiện biết ác, như vậy cái biết có sau vật chất.

Ví dụ: vật chất gồm các tế bào kết hợp cấu tạo thành một môi trường sống ở đó chúng chuyên làm một phận sự như môi trường tế bào sống ở tai thì chúng có nhiệm vụ để nghe, ở mắt để thấy ở miệng để ăn và nhận biết mùi vị, ở mũi để thở và biết mùi thơm thúì, ở thân thì cảm xúc nóng lạnh, ở ý thì chỉ có biết, cho nên khi môi trường của ý (ý căn) hoại diệt thì cái biết của ý

đâu còn, môi trường sống không có thì cái biết cũng không có. Kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ là loại kinh sách tưởng tri xây dựng trên tưởng thức để lừa đảo thiên hạ, chứ tu hành có đi đến đâu chỉ là một trò ảo ảnh huyền hóa, cái thấy biết đó không thể gọi là Chánh Kiến được mà đó là Tà Kiến, từ xưa đến nay các tôn giáo đều sống trong Tà Kiến này.

Trong kinh Nguyên Thủy Đức Phật dạy: ***“Nếu còn một chút xíu “Thức” như đất trong móng tay Ta, thì đạo Ta không ra đời vì loài người không giải thoát khổ được”***. Như vậy cái thấy biết có một bản thể thường hằng bất biến là cái thấy biết của tà kiến, cái thấy biết không đúng sự thật, cái thấy biết không có thật chỉ là một ảo tưởng của các nhà giàu tưởng tượng, sống trong tưởng.

Đây chúng ta nghe Đức Phật dạy về Chánh Kiến: ***“Này chư Hiền! Sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói lưỡi hai chiều là bất thiện, nói lời phù phiếm là bất thiện, nói lời hung ác là bất thiện,***

tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Nay chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện. Và nay chư Hiền! Thế nào là căn bản bất thiện? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện”.

Trên đây Đức Phật đã chỉ cho chúng ta thấy có mười pháp ác và ba cội nguồn gốc ác. Hằng ngày mọi sự việc xảy ra chúng ta đều quan sát nơi thân, thọ, tâm và các pháp, nếu có mười pháp ác xảy ra trên thân, thọ, tâm và các pháp thì chúng ta biết được không? Nếu không học thì chúng ta không biết, còn đã học thì chúng ta đều biết mà biết như vậy có phải là Chánh Kiến không? Đức Phật đã dạy thấy biết như vậy là Chánh Kiến rõ ràng.

Thưa quý vị! Chánh kiến có khó biết không? Chắc là không, phải không quý vị? Nhưng quý vị nên lưu ý gốc ác pháp đó là tâm tham, sân, si, tâm tham, sân, si nó có một nghiệp lực rất mạnh, cho nên dù quý vị đã có Chánh Kiến nhưng quý vị không dừng lại được gốc tham, sân, si thì cái thấy Chánh Kiến của quý vị sẽ thành Tà Kiến.

Ví dụ như quý vị biết nói láo là Tà Kiến

nhưng vì lực tham thúc đẩy, quý vị sẽ phải nói láo, mà không còn cách nào kềm giữ gìn lại được thành ra phải nói láo, nhưng khi nói ra rồi rất là hối hận, mặc dù nói láo đó không hại ai cả.

Muốn thấy Chánh Kiến và hành đúng Chánh Kiến thì quý vị phải hằng ngày trau dồi pháp hướng tâm để tận trừ nguồn gốc của các ác pháp, **“*Tâm như cục đất phải lià tham, sân, si cho thật sạch*”**. Khi tu tập pháp hướng tâm có hiệu quả thì lúc bấy giờ Chánh Kiến ở đâu thì tâm ly dục ly ác pháp ở đó và ở đó có giải thoát liền, nếu pháp hướng tâm chưa có hiệu quả thì dù có Chánh Kiến biết đúng, nhưng tâm không ly dục ly ác pháp, thì vẫn là Tà Kiến.

Cho nên ai cũng học Chánh Kiến, biết rất rõ thập ác và thập thiện, nhưng mấy ai sống đúng thập thiện và loại trừ thập ác, ai nói Chánh Kiến cũng được, nhưng sống đúng Chánh Kiến thì không ai làm được. Đây là những người đã có Chánh Kiến mà còn sống chưa được, hướng là những người còn đang sống trong Tà Kiến như: Mật Tông Thiên Tông và Tịnh Độ Tông

Chánh Kiến có hai giai đoạn tu tập:

1/ Giai đoạn học tập Chánh Kiến để loại trừ Tà Kiến.

2/ Giai đoạn tu tập Chánh Kiến là giai đoạn áp dụng Chánh Kiến vào đời sống hằng ngày bằng Định Vô Lậu và pháp hướng tâm.

Nẻo Chánh Kiến học thì thấy dễ nhưng tu tập phải đúng pháp thì mới có hiệu quả, cho nên chúng tôi nói: ***“Chỉ khi nào tâm ly dục ly ác pháp thì mới có Chánh Kiến”***.

Như trên chúng tôi đã nói, nếu ai biết tu tập pháp hướng tâm để quét sạch nguồn gốc ác pháp tham, sân, si đang ngủ ngầm trong chúng ta, thì phải cố gắng hằng ngày đừng quên nhắc tâm lìa tham, sân, si hoặc tâm như đất, nhờ vậy mới đủ sức lực đoạn trừ tận gốc tham, sân, si. Vậy chúng ta hằng ngày phải thường tỉnh thức quan sát thân, thọ, tâm và pháp để đẩy lui các ác pháp không cho chúng xâm chiếm bốn chỗ này. Nên Đức Phật dạy: ***“Này chư Hiền! Khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bản bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bản thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy***

miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại”. (Trung Bộ Kinh tập1 trang 113).

Ở đây quý vị có nghe lời Đức Phật dạy không? Quý vị chỉ cần tu tập có Chánh Tri Kiến là đã diệt tận khổ đau trong hiện tại. Nếu quý vị chỉ cần có Chánh Tri Kiến thì ngay đó quý vị đã đoạn trừ vô minh, khiến minh sanh khởi, đây là mục đích của Đạo Phật.

Tóm lại trong nẻo Chánh Tri Kiến này nếu quý vị tin sâu lời dạy của Đức Phật hằng ngày chỉ cần thấy pháp thiện biết ngay liền pháp thiện, thấy pháp ác biết ngay liền pháp ác, đó là Chánh Kiến, và khi gặp pháp ác thì cố gắng đẩy lui khỏi tâm tư của mình để cho tâm hồn lúc nào cũng thanh thản, an vui, và vô sự.

Tóm lại trong đời sống hằng ngày của chúng ta, nếu biết áp dụng Chánh Tri Kiến như trên đã dạy thì chắc chắn chúng ta sẽ có một đời sống an vui, hạnh phúc biết bao, không những cho mình mà cho cả những người thân thương của mình và xã hội quanh ta.

Nẻo Thứ Hai - Chánh Tư Duy

Nẻo thứ hai trong tám nẻo của Đạo Đế là Chánh Tư Duy, Chánh Tư Duy có nghĩa là suy tư, suy ngẫm về mười điều thiện và mười điều ác, do sự tư duy như vậy ta nhất định sống trong mười điều lành và luôn luôn loại trừ mười điều ác, mỗi khi có điều gì khởi lên trong ta, ta tư duy suy ngẫm và hiểu rõ nó thiện hay là ác, nếu là ác pháp thì ngay đó ta liền đẩy lui ra khỏi tâm ta, như trong kinh Song Tâm Đức Phật dạy: “Này chư Tỳ Kheo! Trước khi Ta chưa giác ngộ, chưa thành chánh giác và còn là Bồ Tát, Ta suy nghĩ như sau: **“Ta sống suy tư và chia hai suy tâm”**, Này chư Tỳ Kheo, phàm có dục tâm⁶ nào, sân tâm⁷ nào, hại tâm⁸ nào, đó là Ta phân làm phần thứ nhất; phàm có ly dục tâm nào, vô sân tâm nào, vô hại tâm nào, đó là Ta phân làm phần thứ hai. Này chư Tỳ Kheo! Rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Khi dục tâm khởi lên Ta tuệ tri: **“Dục tâm này khởi lên nơi Ta, và dục tâm này đưa đến tự hại Ta, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, dục**

6 Dục tâm là ý niệm về dục khởi lên

7 Sân tâm là ý niệm về sân khởi lên

8 Hại tâm là ý niệm về tai hại khởi lên

*tâm này đưa đến diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn “tức là không đưa đến tâm thanh thản an lạc và vô sự cho mình cho người”.
 Nay chư Tỳ Kheo! Khi Ta suy tư; “Dục tâm này đưa đến tự hại Ta”, dục tâm tự biến mất. Nay chư Tỳ Kheo! Khi Ta suy tư: “Dục tâm đưa đến hại người”, dục tâm tự biến mất. Nay chư Tỳ Kheo! Khi Ta suy tư: “Dục tâm đưa đến hại cả hai Ta và người”, dục tâm được biến mất. Nay chư Tỳ Kheo, khi Ta suy tư: “Dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết Bàn”, dục tâm này được biến mất. Nay chư Tỳ Kheo! Như vậy Ta cứ Chánh Tư Duy tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn diệt dục tâm”.*

(Trung Bộ Kinh tập1 trang 262)

Đoạn kinh trên đây Đức Phật đã dạy chúng ta sống trong Chánh Tư Duy, nhờ có sống trong Chánh Tư Duy như vậy chúng ta mới lìa xa gốc tham dục và ác pháp.

Nếu một người quyết tâm tu hành để cầu giải thoát thì trong nẻo Chánh Tư Duy này chúng ta đã tìm được sự giải thoát thật sự đâu cần phải tu pháp nào khác hơn nữa

phải không hỡi quý vị?

Từ Khi thành lập tu viện đến giờ, hầu hết chúng tôi thấy, người tu thời bấy giờ họ không xả tâm, họ biết Chánh Kiến, biết rất rõ pháp nào ác, pháp nào thiện, họ cũng biết Chánh Tư Duy biết rất rõ các pháp ác làm khổ mình khổ người nhưng họ không xả ly mà chỉ ôm ấp trong lòng để chịu khổ, thật là đảo điên! Điên đảo! Vậy họ tu theo Phật để làm gì? Nếu không xả tâm dục và ác pháp.

Mục đích của Đạo Phật chỉ có xả tâm để được giải thoát, nếu họ không xả tâm mà cầu Phật Đạo là cầu cái gì? Cầu thần thông ư? Điều này có lợi ích gì? Cầu về cực Lạc Tây Phương ư? Mơ hồ trừu tượng quá không thực tế, ích kỉ cá nhân. Cầu kiến tánh thành Phật ư? Điều này cũng quá mơ hồ trừu tượng, chỉ có những người điên đảo, đảo điên thì mới sống trong mơ mộng và ảo tưởng như vậy. Cầu thiên định ư? Thiên định thì ở chỗ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy ngoài Chánh Kiến, Chánh Tư Duy thì không có Chánh Thiên Định, đó là tà thiên tà định, mà tà thiên tà định thì có lợi ích gì cho mình cho người.

Đạo Đế là con đường duy nhất tu tập của Đạo Phật để có Chánh Thiên Định ngoài Đạo Đế ra không còn có con đường nào khác hơn nữa để có Chánh Thiên Định, đi đến giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo chỉ là những pháp môn trợ giúp cho Đạo Đế, hay nói một cách khác cho dễ hiểu hơn là ba mươi bảy phẩm trợ đạo làm sáng tỏ thêm Đạo Đế về cách thức thực hành tu tập rèn luyện trau dồi trí tuệ để sống đúng tám phương pháp này, tám phương pháp này là đạo đức làm người làm Thánh của Đạo Phật như: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Vì thế ba mươi bảy phẩm trợ đạo không phải là Đạo Đế, nếu cho nó là Đạo Đế thì còn gọi nó trợ đạo để làm gì?

Ví dụ 1: Chúng ta lấy Tứ Chánh Cần để tu tập ngăn ác diệt ác pháp thì Tứ Chánh Cần là pháp môn giúp cho chúng ta thấy rõ các ác pháp tức là giúp cho chúng ta có Chánh Kiến, giúp chúng ta thấy biết rõ căn gốc của ác pháp tức là giúp chúng ta có

Chánh Tư Duy. Và như vậy chúng ta tu Tứ Chánh Cần tức là chúng ta tu tập trí tuệ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

Tứ Chánh Cần xác định rõ cho chúng ta biết vị trí và phạm sự của Chánh Kiến và Chánh Tư Duy là ngăn ác diệt ác pháp, có ngăn ác diệt ác pháp thì mới gọi là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy, nếu không ngăn ác diệt ác pháp thì không thể nào gọi là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy mà phải gọi là Tà Kiến và Tà Tư Duy.

Chánh Kiến và Chánh Tư Duy là để tu tập Tứ Chánh Cần, còn Tứ Chánh Cần là định nghĩa và làm sáng tỏ cho Chánh Kiến và Chánh Tư Duy tu tập.

Ví dụ 2: Chúng ta lấy Tứ Niệm Xứ trên thân quán thân để tu tập khắc phục tham ưu thì Tứ Niệm Xứ sẽ giúp cho chúng ta quan sát hiểu biết rõ bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp, khi có các ác pháp tham ưu sanh khởi trên bốn chỗ này khiến cho nó bị khổ đau, phiền toái. Như vậy Tứ Niệm Xứ cũng xác định và làm sáng tỏ giúp cho chúng ta có Chánh Kiến và Chánh Tư Duy để ngăn ác và diệt các ác pháp trên bốn chỗ này. Và như vậy chúng ta tu tập Tứ

Niệm Xứ tức là tu tập trí tuệ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

Tóm lại ba mươi bảy phẩm trợ đạo chỉ là những pháp trợ giúp làm sáng tỏ cho sự hiểu biết cũng như sự thực hành để chúng ta tu tập Bát Chánh Đạo dễ dàng hơn không có mệt nhọc mà kết quả giải thoát rất cụ thể.

Trên đây chúng ta tu tập nẻo thứ hai Chánh Tư Duy, nếu chúng ta theo như lời Đức Phật đã dạy mà tu tập Chánh Tư Duy như vậy thì chắc chắn không những chúng ta mà bất cứ người nào tu tập cũng đều có sự giải thoát như nhau cả, nghĩa là người nào tu theo Đạo Phật đúng con đường Bát Chánh Đạo thì chắc chắn trăm muôn ngàn người đều có kết quả thiết thực cụ thể, tức là giải thoát giống y như nhau. Tu Bát Chánh Đạo Đức Phật đâu có dạy: tụng kinh, bái sám, ngồi thiền, niệm Phật, niệm chú đánh chuông, gõ mõ v.v.. mà chỉ có sống đúng Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

Bát Chánh Đạo là một chân lý trong bốn chân lý của Đạo Phật và nó chính là đường lối tu tập chân chánh của Đạo Phật thì cách thức tu tập phải rõ ràng, cụ thể và

thiết thực không thể mơ hồ, trừu tượng, mê tín được. Nếu Bát Chánh Đạo là con đường tu tập mơ hồ, trừu tượng, ảo giác, huyền hóa thì không được gọi là chân lý. Cái gì thiết thực, cụ thể hiểu biết bằng tri thức của chúng ta thì mới được gọi là chân lý, còn những loại pháp môn trừu tượng, mơ hồ, ảo giác sự hiểu biết bằng tưởng tri thì không được gọi là chân lý như: triết học Tánh Không, trí tuệ Bát Nhã, Phật Tánh v.v..đều không được gọi là chân lý, phần nhiều người ta hiểu về những pháp này bằng tưởng tuệ, chứ không phải trí tuệ, nên các pháp môn này được xem là Tà Kiến ngoại đạo, không phải là của Đạo Phật.



Nẻo Thứ Ba - Chánh Ngữ

Chánh Ngữ là nẻo thứ ba trong Bát Chánh Đạo. Vậy Chánh Ngữ là gì?

Chánh Ngữ có nghĩa là lời nói chân thật, ngay thẳng, không bao giờ nói sai sự thật, lời nói không thiên vị, không xuyên tạc, không nói chuyện phiếm, chuyện tào lao, không nói đùa, nói chơi, nói giỡn cợt,

nói móc họng, nói mỉa mai, nói to tiếng, nói tranh luận hơn thua, nói xỉ vả, chửi mắng, nạt nộ, la hét, hù dọa, không nói lời làm cho người khác tức giận, không nói lời làm cho người khác buồn phiền khổ đau.

Chánh Ngữ còn là lời nói hiền lành lời nói không làm khổ mình khổ người khổ chúng sanh như: Không nói lời giết hại chúng sanh, không nói lời xui khiến người giết hại chúng sanh, không nói lời trộm cắp cướp giật của người, không nói lời xui khiến người khác trộm cắp cướp giật của người khác, không nói lời dâm dục, tục tĩu.

Tóm lại Chánh Ngữ là những lời nói luôn luôn lúc nào cũng ôn tồn, nhã nhặn, dịu dàng, nhẹ nhàng, từ tốn, khiêm cung và lời nói không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

Nếu một mai chúng ta có lỡ lời nói không Chánh Ngữ khiến cho mình khổ người khác khổ thì chúng ta nhất định phải từ bỏ không được dùng lời nói đó nữa, nếu chúng ta còn nói lời nói đó nữa là chúng ta không phải con người, vì chúng ta đã học Chánh Ngữ, thế mà chúng ta còn dùng lời nói làm khổ mình khổ người nữa thì chúng

ta là con vật, chứ không phải là con người tu hành. Và vì vậy mỗi khi nói một điều gì thì chúng ta phải tư duy, suy nghĩ cho kỹ rồi mới được nói như Đức Phật đã dạy: ***“Này chư Tỳ Kheo, có năm loại ngôn ngữ mà các Người có thể dùng khi nói với người khác:***

1/ Đúng thời hay phi thời.

2/ Chơn thật hay không chơn thật.

3/ Nhu nhuyễn hay thô bạo.

4/ Có lợi ích hay không lợi ích.

5/ Với từ tâm hay với sân tâm.

- Này chư Tỳ kheo khi nói với người khác, các người có thể nói đúng thời, đừng nói phi thời.

- Này chư Tỳ Kheo, khi nói với các người khác, các người có thể nói lời chơn thật, chứ đừng nói lời không chơn thật.

- Này chư Tỳ Kheo, khi nói với người khác, các Người có thể nói lời như nhuyễn chứ đừng nói lời thô bạo.

- Này chư Tỳ Kheo, khi nói với các

người khác, các Người có thể nói với từ tâm chứ đừng nói với sân tâm.

Này chư Tỳ Kheo, ở tại đây, các Người cần phải học tập như sau: “Chúng ta sẽ giữ tâm của chúng ta không biến nhiễm, chúng ta sẽ không thốt ra lời ác ngữ, chúng ta sẽ sống với lòng lân mẫn, với tâm từ bi, với một tâm không sân hận. Chúng ta sẽ sống bao phủ mọi người với tâm câu hữu với lòng từ. Và với mọi người này là đối tượng của ta, ta sống biến mãn cùng khắp thế giới với tâm câu hữu với lòng từ, lòng quảng đại vô biên, không hận, không sân.”

Này chư Tỳ Kheo, như vậy các Người cần phải học tập.”

Trên đây Đức Phật nhắc nhở chúng ta giữ gìn lời nói có năm điều kiện để nói, nếu chúng ta giữ gìn đúng lời dạy trên đây. đó là chúng ta đang tu tập nẻo về Chánh Ngữ.

Chánh Ngữ rất lợi ích cho đời sống của chúng ta, nếu chúng ta biết giữ gìn đúng Chánh Ngữ như trên Đức Phật đã dạy thì chúng ta đã đem lại cho mình cho người

một sự an vui, thanh thản giải thoát dù ở bất cứ nơi đâu.



Nẻo Thứ Tư - Chánh Nghiệp

Chánh Nghiệp là nẻo thứ tư trong Đạo Đế mà chúng ta cần phải sống, học và tu tập hằng ngày trong mỗi hành động thân, miệng và ý của chúng ta.

Chánh Nghiệp là những hành động thiện, hành động không làm đau khổ cho mình, cho người và cho tất cả chúng sanh.

Về thân có ba hành động Chánh Nghiệp như:

1/ Thân không đánh đập, không làm đau khổ và không tự giết hại mình, người và tất cả chúng sanh, đó là Chánh Nghiệp.

2/ Thân không trộm, cắp, cướp giựt không móc túi, không lấy của không cho, đó là Chánh Nghiệp.

3/ thân không tà dâm, không làm những điều bất chánh gây đau khổ cho mình cho người, đó là Chánh Nghiệp.

Về miệng nếu giữ gìn được Chánh Ngữ tức là giữ gìn Chánh Nghiệp, cho nên học về Chánh Ngữ tức là học về Chánh nghiệp của miệng, như vậy những bài học Chánh Ngữ ở trên là những bài học Chánh Nghiệp ở đây. Chánh Nghiệp về miệng còn một điều nữa rất là quan trọng, đó là miệng không nên ăn thịt chúng sanh, tại vì hành động ăn thịt chúng sanh tức là tạo ra nghiệp đau khổ vào thân mà không biết, cho nên hành động ăn thịt chúng sanh không phải là Chánh Nghiệp mà là Tà Nghiệp.

Chánh Nghiệp còn gọi là những nghề nghiệp sống chân chánh, nghề nghiệp không làm đau khổ chúng sanh. Có sáu Tà Nghiệp mà người Phật tử không nên làm như:

- 1/ Không làm nghề săn bắn.
- 2/ Không làm nghề ngư phủ.
- 3/ Không được làm nghề buôn bán thịt sống.
- 4/ Không được làm nghề buôn bán thịt chín.
- 5/ Không được làm nghề sản xuất rượu

và buôn bán rượu.

6/ Không được làm nghề buôn bán người (mãi dâm).

Tóm lại Chánh Nghiệp là tu tập rèn luyện mỗi hành động thân, miệng, ý phải được trong sạch thanh tịnh, trong sạch, thanh tịnh tức là hành động thân, miệng, ý toàn thiện, nếu còn có một chút xíu hành động ác thì không được gọi là Chánh Nghiệp, cho nên Chánh Nghiệp tức là mỗi hành động thân, miệng, ý của chúng ta không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh, thì đó mới là chính Chánh Nghiệp.



Nẻo Thứ Năm - Chánh Mạng

Chánh Mạng là nẻo tu tập thứ năm của Đạo Đế. Vậy Chánh Mạng là gì?

Chánh Mạng là mạng sống chân chánh của con người, là sự sống của cơ thể không huân tập⁹ vào thân những sự khổ đau của kẻ khác và của tất cả chúng sanh.

⁹ Huân tập có nghĩa là đem vào, thêm vào tạo thành một nghiệp lực.

Chánh Mạng là nuôi sống thân mạng bằng những nghề nghiệp chân chánh tức là những nghề nghiệp lương thiện không tạo việc làm ác để nuôi thân mạng.

Chánh Mạng còn có nghĩa là sống đúng chánh pháp, không mê tín dị đoan, không sống trong tưởng giải, ảo giác, mơ hồ, trừu tượng.

Chánh Mạng còn có nghĩa là sống không chạy theo dục vọng và các ác pháp về ăn uống. Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: ***“Này chư Hiền, có bốn loại thức ăn này, khiến cho các loài chúng sanh đã sanh được an trú hay các loài hữu tình sẽ sanh được hộ trợ cho sanh. Thế nào là bốn?”***

1/ Đoàn thực loại thô hay loại tế.

2/ Xúc thực.

3/ Tư niệm thực.

4/ Thức thực.

Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn, từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn. Thánh Đạo Tám Ngành này là con đường đưa đến đoạn diệt

của thức ăn, tức là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Nay chư Hiền khi nào Thánh đệ tử tuệ tri thức ăn như vậy, tuệ tri tập khởi thức ăn như vậy, tuệ tri đoạn diệt của thức ăn như vậy, tuệ tri con đường đưa đến đoạn diệt của thức ăn như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạng tùy miên “Tôi là”, đoạn trừ vô minh, khiến minh sanh khởi, diệt tận gốc khổ đau ngay trong hiện tại. Nay chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có Chánh Tri Kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này”.

Trên đây là lời dạy của Đức Phật chúng ta nên lưu ý câu này *“Từ tập khởi của ái có tập khởi của thức ăn, từ đoạn diệt của ái có đoạn diệt của thức ăn”*. Chúng ta đảo ngược câu nói này lại chúng ta có một pháp hành rất cụ thể *“Từ tập khởi của thức ăn, có tập khởi của ái, từ đoạn diệt thức ăn, có đoạn diệt của ái”*.

Cho nên người tu nẻo Chánh Mạng tức

là nuôi mạng sống thì không nên tập khởi theo ăn uống, vì chạy theo ăn uống tức là nuôi Tà Mạng, nuôi Tà Mạng tức là tập khởi thức ăn, tập khởi thức ăn tức là tập khởi ái dục. Ngược lại ăn ngày một bữa để sống tức là nuôi Chánh Mạng, còn người tu sĩ mà ăn hai ba bữa trong một ngày thì đó là nuôi Tà Mạng, nuôi Tà Mạng thì tâm dục sanh bằng chứng quý vị cứ suy ngẫm lời Đức Phật dạy có đúng không? Quý vị nên lấy đời sống của mình làm thí điểm thì thấy rất rõ ràng.

Một chúng sanh phải thọ thực bằng bốn cách nuôi sống thân mạng như trên Đức Phật đã dạy, nhưng người tu theo Bát Chánh Đạo, thực hiện nẻo Chánh Mạng thì chỉ dùng có Đoàn thực dù thô hay tế để đủ nuôi sống thân mạng mà thôi, còn xúc thực, tư niệm thực và thức thực thì ngăn chặn và đoạn dứt, không nên dùng ba cách thức ăn uống này, vì ba cách thức ăn uống này sanh ra dục như lời dạy ở trên ***“ăn uống tập khởi thì dục tập khởi”***.

Người tu theo Đạo Phật nên lưu ý: chúng ta là những người đến với Đạo Phật là đi tìm sự giải thoát, làm chủ sự sống chết và luân hồi, chứ không phải đi tìm ăn uống

hay tìm danh lợi hoặc tìm thần thông phép thuật tàng hình biến hóa v.v..

Chúng ta đến với Đạo Phật là đi tìm sự làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết chứ không phải ngồi thiền nhập định năm bảy ngày hoặc một tháng hai tháng hoặc chết để lại nhục thân hoặc tiếp tục tái sanh luân hồi để rồi vừa sanh ra nhớ lại được tiền kiếp của mình. Chúng ta tu hành không có mục đích đó nên chúng ta phải sống đúng những lời dạy trong Bát Chánh Đạo vì lẽ đó chúng ta phải sống đúng Chánh Mạng, ăn ngày một bữa đủ sống để nuôi thân, ăn không cần ngon không cần thích, không cần tưởng.

Trong Đạo Phật dạy có bốn cách nuôi Tà Mạng, người tu sĩ chân chánh của Đạo Phật thì phải tránh bốn cách nuôi mạng sống không chân chánh này:

1/ Hạ khẩu thực tức là đi khát thực phi thời và ăn uống phi thời hạng tu sĩ này là những người nuôi Tà Mạng, nuôi Tà Mạng thì dù họ có tu pháp môn nào thì cũng tu tà pháp mà thôi.

Bởi Đạo Đế là con đường chân lý chắc

thật của Đạo Phật, nếu người nào tu đúng đường lối đó thì sẽ có giải thoát ngay liền, thế mà người tu nuôi mạng sống bằng Tà Mạng thì làm sao tìm giải thoát được (ăn uống phi thời).

2/ Ngưỡng khẩu thực có nghĩa là không giữ gìn phạm hạnh đi xin ăn mà lại đi làm nghề xem thiên văn như: nhìn xem hiện tượng trăng sao đoán thời tiết, bói khoa, tiên tri chuyện quá khứ vị lai cho người, hoặc xem ngày giờ tốt xấu cất nhà cửa, xây mồ mả, dựng vợ gả chồng coi sao hạn để rồi cúng sao giải hạn để cất giá ăn tiền hoặc trao đổi sự cúng dường, đó là hành những nghề mê tín lường gạt người để nuôi sống Tà Mạng. Trong Trường Bộ Kinh Đức Phật dạy: ***“Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú để làm công lười,, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay***

xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi đồng cốt, hỏi Thiên Thần để biết họa phúc, thờ Mặt Trời, thờ Thổ Địa, thờ Thần Tài Siri. Còn Sa Môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên¹⁰.

Đức Phật chấp nhận cho người tu sĩ chỉ có một cái nghề duy nhất, đó là đi khất thực, ngoài ra các nghề khác bất cứ một nghề nào Đức Phật cũng không chấp nhận, vì mọi nghề khác đều nuôi thân mạng không chân chánh. Tại sao vậy?

Tại vì tất cả mọi nghề khác làm ra tiền để sống thì không thể nào xả tâm tham, sân, si được. Đạo Phật vốn là đạo buông xả sạch vật chất thế gian, vì thế còn làm ra tiền là còn nuôi dưỡng tâm tham dục, còn làm tất cả các nghề khác là còn vật sở hữu, dù là vật sở hữu có một chút vẫn không xả hết tâm dục và ác pháp.

Nếu tu tập về Chánh Mạng quý vị nên lưu ý: nó là một chân lý để tu tập đi đến giải thoát, thế mà một người đi tìm đạo giải thoát mà tu hành không đúng pháp tức

10 Kinh Phạm Võng trang 27 trong Trường Bộ Kinh tập 1 thuộc tạng kinh Nikaya

là sống nuôi Tà Mạng, không đúng Chánh Mạng thì quý vị nghĩ sao? Họ có giải thoát được không? Chắc hẳn là không, phải không quý vị?

Quý vị Tu Định Vô Lậu câu hữu Tứ Diệu Đế, thì thấy rất rõ sự tu tập có giải thoát ngay liền và sự tu tập không có một nhọc, không có khó khăn gì cả, chỉ cần sống đúng những lời dạy này tức là hằng ngày quý vị áp dụng vào Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng, chỉ trong năm nẻo này thì quý vị cũng cảm thấy tâm bất động trước các pháp và luôn luôn lúc nào quý vị cũng sống trong thiện pháp đúng đạo đức làm người không làm khổ mình khổ người và khổ chúng sanh. Đó là chân hạnh phúc của loài người trên hành tinh này.

Khi giảng Tứ Diệu Đế đến đây, chúng tôi cảm nhận bốn chân lý của Đạo Phật thật là tuyệt vời, đúng là bốn chân lý của loài người. Đạo Đế là một pháp môn giải thoát vi diệu mầu nhiệm, nhưng tại sao các bậc Thầy Tổ của chúng ta lại không thấy nó là một chân lý chân thật, một pháp môn giải thoát bốn sự đau khổ của kiếp người và

chấm dứt luân hồi sanh tử mà không thể có một pháp môn nào hơn được, một pháp môn sống an lạc thanh thản và vô sự giải thoát cụ thể, thiết thực, lợi ích cho mình cho người rất rõ ràng. Pháp thiết thực, cụ thể như vậy mà Thầy Tổ của chúng ta lại dạy những pháp mơ hồ, trừu tượng như: Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, chúng ta tu tập chết người mà tâm tham, sân, si vẫn còn và nhiều khi còn mạnh hơn, những pháp môn này tu tập mãi chúng ta rơi vào cửa danh cửa lợi khiến chúng ta chết chìm trong danh lợi của thế gian như: ăn uống, quần áo, xe cộ, ti vi, thu băng, tủ lạnh, chùa to Phật lớn v.v..

Chánh Nghiệp của Đạo Phật dạy là như vậy mà Thầy Tổ của chúng ta biến chúng ta thành những người hành nghề nghiệp ác lừa đảo, lường gạt người, khiến chúng ta mất cả lương tri Chánh Nghiệp của Đạo Phật thật là đau lòng.

Còn năm nẻo trong Bát Chánh Đạo chỉ cho chúng ta thấy rất rõ ràng, các pháp tức là các đối tượng đến với chúng ta thì ngay đó chúng ta thấy biết liền chúng là ác pháp hay là thiện pháp, đó là chúng ta đang thấy

chúng bằng Chánh Kiến, nếu Chánh Kiến không nhận ra chúng thiện hay ác được thì liền ngay đó chúng ta dùng Chánh Tư Duy, Chánh Tư Duy giúp chúng ta thông suốt ác pháp hay là thiện pháp. Khi đã biết rõ ràng, chúng ta mới dùng Chánh Ngữ thì lời nói của chúng ta không làm khổ mình khổ người, không làm khổ mình khổ người tức là chúng ta ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp tức là chúng ta sống đúng Chánh Nghiệp, sống đúng Chánh Nghiệp tức là hành động thân, miệng, ý toàn thiện, có nghĩa là không còn làm khổ mình khổ người nữa, không làm khổ mình khổ người nữa tức là sống đúng Chánh Mạng, sống đúng Chánh Mạng thì chỉ còn có đi xin ăn mà thôi.

Kết quả của năm nẻo này đưa chúng ta đi đến con đường giải thoát thực tế cụ thể, hiện tại không có thời gian, nếu chúng ta là những người đã từng lăn lộn trong cuộc sống bảy nổi ba chìm thì làm sao không thấy đời là khổ, thật sự đời người sanh ra là khổ, khổ đủ mọi mặt và khi nghĩ như vậy chúng ta rất ngao ngán và chán chường cho kiếp sống của con người. Con người sanh ra để làm gì? Kết cuộc rồi cũng chẳng có gì, chỉ là một trò ảo ảnh. Nếu xét đi xét lại hết

một kiếp người chỉ có bon chen vật lộn với cái ăn, cái mặc, cái ở cuối cùng cũng chẳng có nghĩa lý gì cả, lớp người trước chết mất đi, lớp người sau thừa kế cũng như vậy và cứ như vậy mãi mãi muôn đời muôn kiếp vô vị chẳng có nghĩa lý gì! Ôi thật là một trò huyền mộng của kiếp người.



Nẻo Thứ Sáu - Chánh Tinh Tấn

Chánh Tinh Tấn là nẻo thứ sáu trong Bát Chánh Đạo. Vậy Chánh Tinh Tấn là gì?

Chánh Tinh Tấn là sự siêng năng đúng với chánh pháp, có những sự siêng năng mà không đúng chánh pháp như những tu sĩ siêng năng **“niệm Phật, trì chú, tụng kinh, bái sám, ngồi thiền v.v..”** đó không phải là Chánh Tinh Tấn, mà chính là Tà Tinh Tấn.

Chánh Tinh Tấn Đức Phật đã xác định rất rõ ràng là **“Tứ Chánh Cần”**. Người nào có Chánh Tinh Tấn tức là hằng ngày siêng năng tu tập **“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”**. Và sự tu tập siêng năng như vậy sẽ mang lại cho họ

ngay liền một cuộc sống thanh thản an vui và vô sự.

Cách thức tu tập Tứ Chánh Cần thì quý vị đã học rồi chúng tôi không cần giảng ra đây làm mất thì giờ vô ích.

Người mới bắt đầu tu theo Đạo Phật thì phải sống cho đúng năm nẻo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, nếu đã sống đúng năm nẻo này thì đương nhiên người đó đang tu tập Tứ Chánh Cần tức là ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, mà ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện tức là đang thực hiện nẻo thứ sáu trong Bát Chánh Đạo, đó là Chánh Tinh Tấn. Vậy Chánh Tinh Tấn tức là siêng năng tu tập, siêng năng tu tập cái gì?

Siêng năng tu tập ngăn ác diệt ác pháp tức là siêng năng tu tập: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

Trong thiền định của Đạo Phật thì chánh Tinh Tấn là phương pháp đầu tiên để tu tập thiền định, nghĩa là hằng ngày đi, đứng, nằm, ngồi, nói nín đều ngăn ác

diệt ác pháp và luôn luôn sống trong thiện pháp, để giúp cho thân tâm ly dục ly ác pháp, thân tâm ly dục ly ác pháp, thì thân tâm mới thanh tịnh, thân tâm có thanh tịnh thì mới bắt đầu có định, chính từ tâm thanh tịnh này chúng ta mới chính thức đi vào thiền định, Nếu thân tâm chưa thanh tịnh mà vội vàng tu thiền định tức là tu sai tu không đúng như trong Bát Chánh Đạo đã dạy.

Chánh Tinh Tấn tức là Tứ Chánh Cần, Tứ Chánh Cần là một danh từ chỉ chung cho cách thức tu tập của năm nẻo trong Bát Chánh Đạo như: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

Trong năm nẻo này cách thức tu tập theo Tứ Chánh Cần rất rõ ràng.

Ví dụ: Có một pháp xảy đến, trước tiên chúng ta thấy pháp đó không làm khổ mình khổ người, nhưng muốn chắc ăn hơn chúng ta tư duy suy xét pháp đó đúng là pháp thiện, pháp không làm khổ mình khổ người tức là chúng ta tu tập nẻo Chánh Tư Duy, khi đã tư duy xong pháp đó chúng mới đưa ra hành động thân, miệng, ý của mình

tức là chúng ta tu tập Chánh Nghiệp. Hành động chánh nghiệp đưa đến thân tâm của chúng ta được thanh thản, an lạc và vô sự, thân tâm được thanh thản, an lạc và vô sự đó là chúng ta tu tập Chánh Mạng. Như vậy trong sáu nẻo của Bát Chánh Đạo chúng ta tu tập được thân tâm thanh tịnh và giải thoát hoàn toàn.

Còn hai nẻo nữa là Chánh Niệm và Chánh Định, như vậy có thừa không? Chúng tôi xin thưa rằng Đức Phật không bao giờ dạy thừa mà cũng không dạy thiếu, vì Đạo Đế là một chân lý trong bốn chân lý thì không lý nào lại dạy thừa mà cũng không lý nào lại dạy thiếu, vì dạy thiếu người đời sau không biết đâu mà tu tập, còn dạy thừa tu tập mất thì giờ vô ích. Lần lượt chúng ta sẽ học trọn hai nẻo sau cùng và sẽ thấu rõ tám nẻo tu tập của Đạo Phật không thiếu không thừa.

Sáu nẻo này chúng ta chưa Thấy Đức Phật dạy ngồi thiền, tụng kinh, lay sám hối hoặc trì chú, niệm Phật, cúng bái, tế lễ v.v..mà chỉ có dạy chúng ta ngăn ác diệt ác pháp. Lần theo dấu vết của Bát Chánh Đạo chúng ta mới thấy rõ Thầy Tổ của chúng

ta tu sai pháp, lạc vào pháp môn của ngoại đạo tà giáo rất rõ ràng.



Nẻo Thứ Bảy - Chánh Niệm

Chánh Niệm là nẻo thứ bảy trong Bát Chánh Đạo. Vậy Chánh Niệm là gì?

Chánh Niệm là niệm chân chánh không có tà niệm, niệm thiện, niệm không làm khổ mình khổ người và khổ chúng sanh, Đức Phật đã xác định Chánh Niệm là Tứ Niệm Xứ, Tứ Niệm Xứ là một tên khác của Chánh Niệm, cho nên người tu Chánh Niệm tức là tu tập Tứ Niệm Xứ. Người đời sau không hiểu vì chưa có thực hành tu chứng nên đã biến Tứ Niệm Xứ thành một loạt thiền ức chế tâm chứ không còn là Chánh Niệm trong Bát Chánh Đạo.

Cho nên Chánh Niệm trong Bát Chánh Đạo mà Đức Phật đã xác định là Tứ Niệm Xứ như trên chúng tôi đã dạy, nếu Đức Phật không xác định như vậy thì chắc chắn Tứ Niệm Xứ là Tà Niệm. Bởi vì Chánh Niệm là chân lý của Đạo Phật, mà trong Đạo Phật thì không thể có hai ba chân lý được,

chánh là chánh, mà tà là tà, không thể cái nào cũng chánh hết cả. Vì thế pháp môn Tứ Niệm Xứ là nẻo Chánh Niệm của Bát Chánh Đạo, chỉ có khác tên nhưng nó chỉ là một pháp môn mà thôi. Tu Chánh Niệm tức là tu Tứ Niệm Xứ.

Tu Tứ Niệm Xứ thì ai cũng thông suốt theo kiểu Đại Thừa và kiến giải của các nhà học giả, họ lý giải Tứ Niệm Xứ đủ kiểu cách nhưng nhìn lại quá trình tu tập của mọi người thì kết quả sẽ chẳng đi tới đâu cả. Bởi vì người ta biến Tứ Niệm Xứ thành Tà Niệm một loại pháp môn tu hành ức chế tâm, chứ không còn là Chánh Niệm nữa.

Như trong bài trước Đức Phật đã xác định Chánh Tinh Tấn là Tứ chánh Cần cũng như trong bài này Chánh Niệm là Tứ Niệm Xứ, như vậy trong bốn pháp này chỉ có hai pháp mà thôi, tuy tên có khác nhưng tu tập và kết quả đều đẩy lui các chướng ngại pháp (ác Pháp).

Cách thức tu tập Tứ Niệm Xứ tức là trên thân quán thân tỉnh giác Chánh Niệm để khắc phục tham ưu ở đời, đó là kinh dạy như vậy nhưng chúng ta phải hiểu quán là quan sát quán xét trên bốn chỗ Thân, thọ

tâm, pháp, bốn chỗ này Đức Phật gọi là Tứ Niệm Xứ, Quan sát quán xét trên bốn chỗ này để làm gì?

Trên bốn chỗ này thường có Tà Niệm xảy ra (ác Pháp) vì vậy mà phải quan sát quán xét cho kỹ để phát hiện ra những Tà kiến, Tà Niệm, phát hiện ra được những Tà Kiến và Tà Niệm là chúng ta đã đẩy lui chúng ra khỏi tâm tư mà Đức Phật gọi là khắc phục tham ưu.

Công việc tu hành Tứ Niệm Xứ là chỉ có quan sát bốn vị trí này để diệt trừ các chướng ngại pháp, cho nên tâm thường ở trong Chánh Niệm tức là không có Tà Niệm, không có Tà Niệm tức là không có niệm ác, không có niệm ác thì thân tâm thanh thản an lạc và vô sự.

Quý vị nên lưu ý trong Bát Chánh Đạo có hai nẻo tu tập xả tâm như:

1/ Chánh Tinh Tấn.

2/ Chánh Niệm.

Chánh Tinh Tấn thì ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp. Đây là pháp tu tập phòng hộ bảo vệ thân

tâm không cho các ác pháp bên ngoài xâm chiếm vào bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp Chánh tinh Tấn giống như chiến thuật chiến lược ngăn và đánh giặc, không cho giặc tấn công vào lãnh thổ.

Chánh Niệm thì khắc phục tham ưu có nghĩa là chiến đấu với nội tâm của mình khi thân, thọ, tâm, pháp của chúng ta có chướng ngại thì dùng Chánh Niệm đẩy lui, cũng giống như một nhà vua dùng chiến thuật chiến lược diệt giặc nội chiến để đem lại đất nước thống nhất, tức là trị nội loạn., còn Chánh Tinh Tấn là diệt ngoại xâm.

Người tu tập theo Đạo Phật mà không biết sử dụng Chánh Tinh Tấn thì đâu dễ gì ngăn ác pháp bên ngoài được.

Người tu theo Đạo Phật mà không biết sử dụng Chánh Niệm thì đâu dễ gì diệt ác pháp trong nội tâm được.

Tóm lại Chánh Tinh Tấn là ngăn và diệt các ác pháp bên ngoài, còn Chánh Niệm thì đoạn diệt các ác pháp bên trong.



Nẻo Thứ Tám - Chánh Định

Chánh Định là nẻo thứ tám của Bát Chánh Đạo, đây là nẻo cuối cùng của Đạo Đế. Vậy Chánh Định là gì?

Chánh Định ở đây có nghĩa là ngưng hoạt động, tịnh chỉ các hành trong thân và tâm. Đức Phật đã xác định Chánh Định là Bốn Thiền tức là Tứ Thánh Định. Trong Tứ Thánh Định này có bốn thiền như:

1/ Sơ Thiền

2/ Nhị Thiền

3/ Tam Thiền

4/ Tứ Thiền.

-Muốn nhập Sơ Thiền thì phải tịnh chỉ ngôn ngữ tức là ly dục ly ác pháp.

-Muốn nhập Nhị Thiền thì phải tịnh chỉ tầm tứ tức là lìa sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

-Muốn nhập Tam Thiền thì phải tịnh chỉ tưởng thức tức là ly hỷ dục tưởng.

-Muốn nhập Tứ Thiền thì phải tịnh chỉ

hơi thở tức là xả lạc xả khổ xả niệm thanh tịnh.

Khi giảng tới đây chúng tôi mới thấy rõ Đạo Đế của Đạo Phật thật là một chân lý giải thoát thực tế, cụ thể và rất rõ ràng, chỉ còn có quyết tâm tu tập hay không tu tập mà thôi, đều là do hành giả chứ không phải do pháp môn nữa, vì pháp môn Chánh Định này chỉ dạy quá rõ ràng, không còn một điểm nào nghi ngờ pháp môn này được nữa và cũng không còn một Tà Thiên, Tà Định nào lừa đảo, dối gạt chúng ta được nữa.

Bát Chánh Đạo đã xác định từ cách thức tu tập cho đến cách thức nhập các định cụ thể rõ ràng mà không còn có một pháp môn của ngoại đạo nào lòng vào giáo pháp của Đạo Phật được, lòng đến đâu người ta đều thấy bộ mặt giả của nó, vì Bát Chánh Đạo đã chỉ cho chúng ta biết rõ. Cho nên giáo pháp của Đại Thừa, Thiên Đông Độ và Mật Tông không còn gạt được ai nữa.

Nếu ai có đủ duyên học tập Tứ Diệu Đế, hiểu rõ bốn chân lý này thì không còn bị các pháp thiên của ngoại đạo lừa đảo được. Bởi vì Đức Phật đã xác định nghĩa lý của thiên định rất rõ ràng. Từ xưa đến giờ

người ta hiểu thiên định không đúng.

Đây chúng ta nghe các nhà học giả xưa và nay định nghĩa Chánh Định: ***“Chánh Định có nghĩa là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chánh đáng, đúng với chân lý có lợi ích cho mình cho người. Người theo đúng Chánh Định, thường tập trung tư tưởng để quan sát những vấn đề chính sau đây như:***

1/ quán thân bất tịnh.

2/ Quán từ bi.

3/ Quán nhân duyên.

4/ quán giới phân biệt.

5/ Quán hơi thở”

Như vậy, ở đây quý vị thấy chữ ***“định”*** có đúng nghĩa hay không?

Đức Phật đã xác định nghĩa của chữ ***“định”*** rất rõ ràng ***“Tịnh chỉ, ngưng hoạt động”***, còn các nhà học giả định nghĩa chữ ***“định”*** bằng cách ***“tập trung tư tưởng rồi quán xét các pháp”***. Ở trong Bát Chánh Đạo Chúng ta thấy rất rõ, tập trung tư tưởng quán xét các pháp là ở các nẻo tu

tập đầu tiên như: **“Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn và Chánh Niệm,** còn Chánh Định thì không còn tư duy quán xét mà chỉ có tịnh chỉ các hành trong thân ngũ uẩn.

So sánh như vậy chúng ta thấy rất rõ ràng, người tu thiền thời nay và thiền của Đạo Phật ngày xưa thì không giống nhau.

Tóm lại Định Vô Lậu câu hữu với Tứ Thánh Đế tức là nhờ quán xét tu tập Tứ Thánh Đế mà thân tâm hoàn toàn vô lậu, vô lậu tức là giải thoát không còn khổ đau nữa.

Nếu được sanh làm người, được gặp Tứ Thánh Đế và được tu tập Đạo Đế thì sẽ làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi trong một kiếp này mà thôi.



VI- Định Vô Lậu câu hữu - Tứ Vô Lượng Tâm

Định Vô Lậu câu hữu Tứ Vô Lượng Tâm tức là dùng Tứ Vô Lượng Tâm tu tập để đạt được vô lậu. Tứ Vô Lượng Tâm chúng tôi đã giảng dạy trong Giáo Án Tu Tập Đường Lối của Đạo Phật xin quý vị nghe lại những đoạn băng này.

Ở đây chúng tôi xin nhắc sơ lược lại cách thức dùng Tứ Vô Lượng Tâm để tâm được vô lậu.

Ví dụ: Có người chửi mắng mình, mình bị chửi mắng tức là phải có nguyên nhân, như Đức Phật đã dạy mọi nguyên nhân đau khổ đều do lòng tham dục, tham dục của người hoặc tham dục của mình. Biết rõ lòng tham dục của mình tạo ra sự bất mãn, tự ái, tức giận của người, do đó ta nên xả lòng tham dục của ta không được ganh đua hơn thiệt với người.

Tự ái, bất mãn, tức giận là sự đau khổ của người nên ta khởi tâm thương yêu họ và cố gắng tìm mọi cách giúp đỡ tạo cho họ

được an vui và không còn thù oán ta nữa, cho nên Đức phật dạy: ***“Lấy ân trả oán chứ đừng lấy oán trả oán”***.

Từ chỗ xả ly tâm tham dục đã giúp chúng ta an vui biết thương người khiến cho người không còn khổ, đó là làm mình vui và kẻ khác vui. Những việc làm như vậy gọi là tu tập từ, bi, hỷ, xả, tu tập từ, bi, hỷ, xả từ việc lớn đến việc nhỏ, không bỏ sót một việc nào thì gọi là tu Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Vô Lượng Tâm còn có một cái tên nữa là Vô Lượng Tâm Hành, Vô Lượng Tâm hành sẽ diệt tận khổ đau tức là diệt tận lậu hoặc cho nên gọi là Định Vô Lậu câu hữu Tứ Vô Lượng Tâm.

Tóm lại dùng Tứ Vô Lượng Tâm để quét sạch lậu hoặc, khiến cho tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ.



VII- Định Vô Lưu câu hữu - Tứ Bất Hoại Tịnh

Tứ Bất Hoại Tịnh chúng tôi đã giảng dạy trong Giáo Án Tu Tập Đường Lối của Đạo Phật xin quý vị vui lòng nghe lại đoạn băng đó.

Tứ Bất Hoại Tịnh là một pháp trợ đạo cho Đạo Đế, nó không có nằm trong hệ thống Đạo Đế, nó lấy Tứ Niệm Xứ tức là lấy thân, thọ, tâm và pháp mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, và niệm Giới, nó thuộc về Tín Lực tức là nó lấy lòng tin mà tu. Vì tin Phật nên phải sống như Phật, vì tin Pháp nên pháp dạy sao tu tập không sai, vì tin Tăng nên sống đúng như chư Tăng, vì tin Giới nên sống không phạm Giới. Phần nhiều tu sĩ ngày nay họ không tin Phật Pháp, Tăng và Giới vì thế họ tu theo Đạo Phật mà thành tà đạo

Mục đích của nó là sống như thế nào cho đúng và giống như Phật, như Pháp, Thánh chúng Tăng, như Giới Luật đã dạy không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào.

Đó là một pháp độc lập tự nơi nó khiến cho thân tâm ly dục ly ác pháp hay nói một cách khác là pháp này sẽ giúp cho thân tâm thanh tịnh và đạt được kết quả tâm bất động trước các pháp ác.

Người tu Tứ Bất Hoại Tịnh tuy mới nhìn vào thì không thấy có sự liên hệ chặt chẽ với Bát Chánh Đạo, nhưng chính người nào có lòng tin Phật, Pháp, Tăng và Giới thì tất cả hành động tu tập Tứ Bất Hoại Tịnh tức là hành động tu tập Bát Chánh Đạo chứ không phải ngoài Bát Chánh Đạo, vì mỗi hành động trong Bát Chánh Đạo là mỗi hành động của Phật, Pháp, Tăng và Giới Luật, nó luôn luôn đầy đủ: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.



VIII- Định Vô Lậu câu hữu - Định Niệm Hơi Thở

Định Niệm Hơi Thở là một loại định ngăn các pháp ác tuyệt vời, khiến cho tâm không còn phiền não, đau khổ, phiền toái, bất toại nguyện hoặc giận hờn, thương ghét, lo sợ v.v.. Nó khiến cho tâm vô lậu hoàn toàn nên gọi Định Vô Lậu câu hữu với hơi thở.

Định Niệm hơi thở chúng tôi đã giảng xong trong chương trình Giáo An Đường Lối Tu Tập của Đạo Phật, xin quý vị nghe lại đoạn băng đó.

Chúng tôi xin tóm lược lại để quý vị có một khái niệm về Định Vô Lậu câu hữu Định Niệm Hơi Thở, như trong kinh Xuất Túc Nhập Túc dạy:

***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô,
quán ly tham tôi biết tôi thở ra”.***

***“Quán ly sân tôi biết tôi hít vô,
quán ly sân tôi biết tôi thở ra”***

***“Quán ly si tôi biết tôi hít vô, quán
ly si tôi biết tôi thở ra”.***

Vậy tham, sân, si là gì?

Tham, sân, si là lậu hoặc, nương vào hơi thở để lìa xa tham, sân, si tức là nương vào hơi thở để xa lìa lậu hoặc, vì thế do sự tu tập hai pháp kết hợp lại làm thành một pháp, nên gọi là câu hữu.

--->❖<---

IX- Định Vô Lậu câu hữu - Pháp Bất Tịnh

Pháp Bất Tịnh là gì?

Pháp bất tịnh là pháp cấu uế, ô trược, bẩn thỉu, hôi thúi v.v..

Người chấp thân là ngã quá nặng, tâm ham mê sắc dục không bỏ được nên phải dùng những đề mục thiền quán như:

- 1/ Quán tử thi
- 2/ quán tử thi sinh hôi thúi
- 3/ Quán xương trắng
- 4/ Quán sự bài tiết bất tịnh bên ngoài thân.
- 5/ Quán sự bất tịnh ế trược trong nội

thân.

Nhờ quán tưởng như vậy nên diệt được ngã, xả được tâm sắc dục, Nếu là một người có chí bền tâm tu tập quán tưởng bất tịnh thì sẽ xa lìa được những lậu hoặc này, cho nên Định Vô Lậu câu hữu với pháp bất tịnh là vậy.

----><❖<>----

X- Định Vô Lậu câu hữu Thập Nhị Nhân Duyên

Thập Nhị Nhân Duyên là gì?

Thập Nhị Nhân Duyên là 12 duyên như:

- 1/ Duyên Vô Minh
- 2/ Duyên Hành
- 3/ Duyên Thức
- 4/ Duyên Danh Sắc
- 5/ Duyên Lục Nhập
- 6/ Duyên Xúc

7/ Duyên Thọ

8/ Duyên Ai

9/ Duyên Thủ

10/ Duyên Hữu

11/ Duyên Sanh

12/ Duyên bình tử ưu bi

Mười hai duyên này, kết hợp lại thành một thế giới khổ đau, do duyên vô minh chỉ đạo, nói một cách khác cho dễ hiểu hơn, là một môi trường sống có 12 duyên hợp lại tạo thành một thế giới khổ đau của muôn loài sanh linh trên hành tinh này.

Quán 12 nhân duyên này để phá tan cái thế giới đau khổ của chúng sanh nói chung và nói riêng là diệt lậu hoặc của con người. Trong Giáo Án Đường Lối Tu Tập của Đạo Phật chúng tôi đã giảng trạch đầy đủ, ở đây xin giảng đi vào thực hành ngăn gọn, nhưng sẽ giúp cho chúng ta biết được lộ trình đi đúng vào quỹ đạo giải thoát của Đạo Phật qua 12 duyên này.

Ở đây chúng tôi xin nhắc nhở thêm, trong 12 nhân duyên, Vô Minh là duyên thứ

nhất. Vậy muốn phá Vô Minh thì phải có Minh, muốn có Minh thì phải đi ngõ nào vào đây?

Nếu lấy sự học làm Minh thì đó là sở tri chướng, mà sở tri chướng thì không thể nào là Minh được.

Nếu lấy chỗ thiền định để phát triển trí tuệ làm Minh thì đó là không đúng, vì tâm chưa ly dục ly ác pháp làm sao có thiền định được, còn nếu ức chế tâm để hết vọng tưởng gọi đó là thiền định thì sai, đó chẳng qua chỉ là một trạng thái ức chế ý thức ngưng hoạt động để tưởng thức hoạt động và sự phát triển hiểu biết do ức chế đó gọi là tưởng tuệ, tưởng tuệ không thể nào gọi là Minh được. Trong kinh Sonananda Đức Phật đã xác định trí tuệ rất rõ ràng: ***“Trí tuệ ở đâu là giới luật ở đó, giới luật ở đâu là trí tuệ ở đó. Trí tuệ làm thanh tịnh giới luật, giới luật làm thanh tịnh trí tuệ”***. Lời dạy trên đây rất rõ ràng.

Trí tuệ là giới luật, giới luật là trí tuệ, như vậy chúng ta chọn giới luật làm trí tuệ, chọn giới luật làm trí tuệ tức là chọn đời sống phạm hạnh, chọn đời sống phạm hạnh thì phải buông xả tất cả, buông xả tất

cả thì duyên sanh không còn, duyên sanh không còn thì duyên Hữu diệt, duyên Hữu diệt thì duyên Thủ diệt; duyên Thủ diệt thì duyên Ái diệt; duyên Ái diệt thì duyên Thọ diệt; duyên Thọ diệt thì duyên Xúc diệt; duyên Xúc diệt thì duyên Lục Nhập diệt; duyên Lục Nhập diệt thì duyên Danh Sắc diệt; duyên Danh Sắc diệt thì duyên Thức diệt; duyên Thức diệt thì duyên Hành diệt; duyên Hành diệt thì duyên Vô Minh diệt; duyên Vô Minh diệt thì Minh sanh.

Như vậy muốn có Minh thì chúng ta bắt đầu vào giới luật, sống đúng giới luật chứ không thể ngoài giới luật đi tìm Minh mà có được, cho nên đi tìm Minh bằng sự học, bằng thiền định thì không thể có được.

Nhờ có Minh mà chúng ta nhập được Chánh Định, nhờ có Chánh Định chúng ta mới thực hiện được Tam Minh, nhờ có Tam Minh chúng ta mới quét sạch lậu hoặc, do đó mới gọi là Định Vô Lậu câu hữu Thập Nhị Nhân Duyên.



TU BAO LÂU NỮA MỚI DIỆT ĐƯỢC TÂM TỬ

Hỏi: Kính thưa Thầy và cô Út, con tu như vậy còn bao lâu nữa mới diệt được tâm và tứ?

Đáp: Qua sự trình bày tu tập **“Định Niệm Hơi Thở của con”** Có lúc con nhắc một, hai câu đầu rồi nương theo hơi thở cho đến hết 30’ đó là con đã diệt tâm và tứ trong con rồi, nhưng con phải hiểu đó là con ức chế tâm diệt tâm tứ chứ chưa phải diệt tâm tứ chân thật. Vì ức chế tâm diệt tâm tứ như vậy thì con sẽ rơi vào định tướng và con sẽ gặp các trạng thái hỷ tướng xuất hiện rờn ốc, rùn mình, cảm giác mát mẻ, xây xẩm chút ít, thấy trong mình nặng nặng, chảy nước mắt, thấy màu đỏ, thấy ánh sáng, cảm giác rát rát ở thân, nhột nhột như ruồi hay kiến bu, kiến bò ở mặt, ở tay ở lưng, nhưng khi rờ phỉ thì không có gì hết, có khi bị mất ngủ, có khi thân mình lúc lắc, nghiêng qua nghiêng lại, có khi hất tay hất chân như lên đồng, có khi thấy thân mình đang ngồi bay lên không, có khi gục tới gục lui, có khi xây qua xây lại, có khi há miệng, có khi miệng nói lảm thảm.v.v..

Diệt tâm tứ bằng cách ức chế tâm thì rất là nguy hiểm, tất cả những trạng thái trên đây đều do thiên ức chế tâm mà ra những người thiên không đúng đường lối của Đức Phật đã dạy thì phần đông đều rơi vào những trạng thái ma tướng này, cho nên trong thời đại này người tu thì đông nhưng chẳng có người nào tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết được, tâm luôn luôn còn tham, sân, si, phiền não, chỉ vì cứ lo tu tập cho hết vọng tưởng mà không lo xả tâm tham, sân, si cứ thích ngồi cho nhiều giờ kéo dài trạng thái không vọng tưởng nhưng có ích lợi gì cho mình cho người, tâm nào cũng còn tật nấy. Ngồi cho nhiều diệt tâm tứ sạch mà giới luật chẳng ra gì còn đắm chìm trong dục lạc ăn ngủ, còn thọ những bệnh tật khổ đau sống bằng thuốc bằng gạo lức muối mè hay phải nhịn ăn để trị bệnh. Tu mà không có pháp làm chủ sự sống chết, cứ ngồi thiên cho nhiều tâm tứ không có nhưng sống chết không làm chủ được thì ngồi nhiều và diệt tâm tứ có ích lợi gì. Tu như vậy cuộc sống không làm chủ được tâm, tâm luôn luôn bị động trước các chương ngại pháp, thì tu diệt tâm tứ để làm gì?

Cho nên con đừng lo diệt tâm tứ mà

hãy lo xả tâm và nhập cho được Bất Động Tâm Định, hãy cố gắng hằng ngày hướng tâm: **“tâm như cục đất”** để tâm con trở thành cục đất thật sự, thì lúc bây giờ con đã nhập được Bất Động Tâm Định, nhập được Bất Động Tâm Định con sẽ đạt được lợi ích rất lớn không làm khổ mình khổ người, tâm hồn con lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự, đó là một hạnh phúc rất lớn cho con, con hãy cố và cố gắng hơn thì sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết sẽ đến với con trước mắt và lúc chết con biết nơi con về.

---->❖<----

LÀM VIỆC BIẾT LÀM VIỆC CÓ XẢ TÂM KHÔNG?

Hỏi: *Kính thưa Thầy và cô Út, tại sao vừa làm việc, vừa suy tư để buông xả tâm mình nhưng con lại tu không được hay chính hành động con làm là buông xả chăng?*

Đáp: Vừa làm vừa suy tư để buông xả tâm mình là tu Định Vô Lậu câu hữu Thân Hành Niệm tức là tỉnh thức trong hành động làm việc để xả tâm.

Vừa làm, vừa không suy tư chỉ biết

hành động đang làm là tu Chánh Niệm Tỉnh Giác Định. Chính hành động đang làm mà biết đang làm là tỉnh thức, chứ không phải buông xả, có tỉnh thức mới biết cái đúng cái sai, mới biết nhấn nhục, tùy thuận, bằng lòng mà buông xả. Buông xả là tu Định Vô Lậu.

Tâm tỉnh thức trong hành động làm, tức là tâm biết mình đang làm công việc đó, không có niệm khởi hoặc tùy miên trong niệm hoặc vô ký tức là quên, quên hành động làm, thì đó mới chỉ là tỉnh thức, chứ chưa xả niệm. Con nên phân biệt Định Vô Lậu và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác (Thân Hành Niệm) khác nhau nhưng rất hỗ trợ cho nhau trên đường tu tập giải thoát, nếu biết kết hợp lại.

Con nên phân biệt khi làm việc biết mình làm việc nhưng phải nhớ dùng pháp hướng tâm như lý tác ý: ***“Tâm như đất, không còn tham, sân, si nữa; tham, sân, si là khổ đau là ác pháp phải viễn ly phải xa lìa, phải đoạn diệt không còn được để trong tâm nữa, nếu không xa lìa các ác pháp đó tức là ngu si”***. Vừa làm việc vừa tỉnh thức trong động, vừa làm

việc cũng vừa tỉnh thoảng hướng tâm, nhắc tâm; hướng tâm, nhắc tâm càng nhiều càng tốt trong việc Chánh Niệm xả tâm.

Mục đích tu hành xả tâm tham, sân, si là phải tỉnh thức để xả tâm nhờ pháp hướng, nếu tâm đang thanh thản, an lạc và vô sự thì pháp hướng là một vai chánh trong sự tu tập xả tâm và ác pháp, chứ không phải tâm con biết hành động làm là buông xả mà chính pháp hướng tâm là buông xả. Còn khi tâm có niệm chướng ngại pháp khởi sanh thì con phải tỉnh ngay niệm khởi đó để dùng Định Vô Lậu quán xét cho thấu suốt niệm khởi đó để hoàn toàn đẩy lui khỏi tâm con thì mới gọi là xả tâm.



KHÔNG CHỐNG ĐỐI VA CHẠM

Hỏi: Kính thưa Thầy, câu “không chống đối va chạm”, va chạm là như thế nào? Nếu sống riêng một mình, không tiếp xúc, không va chạm thì tu hành có được không?

Trong cảnh động muốn tránh va chạm thì phải sống như thế nào? Có phải giữ gìn thân, khẩu, ý hay không?

Đáp: “*Không chống đối va chạm*” không có nghĩa là sống một mình.

Không chống đối tức là nhẫn nhục; không va chạm tức là tùy thuận.

Sống chung đụng với nhau biết nhẫn nhục, tùy thuận là sống không chống đối va chạm.

Giữ gìn thân, khẩu, ý tức là tu tập hạnh nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

Nếu sống riêng một mình không chống đối không va chạm với ai thì tu hành dễ dàng không khó, nhưng phải hiểu rõ các pháp tu và còn phải biết cách tu tập cho đúng pháp, chỉ cần tu sai một tí là lọt vào thiên ức chế tâm rất là nguy hiểm, hoặc sống không đúng cách cũng có thể rơi vào sự ức chế tâm.

Cho nên sự tu hành có va chạm, có chống đối thì ít bị ức chế tâm. Tại sao vậy?

Tại vì có đối tượng nên thấy được tâm mình còn tức giận hay hết tức giận rõ ràng. Nếu thấy được tâm mình còn phiền não giận hờn hay tức tối thì cố gắng xả ly đẩy lui các chướng ngại pháp đó để tâm được

thanh thản, an lạc, còn nếu không đẩy lui các chướng ngại pháp đó mà cứ để trong tâm ô nhiễm, đó chỉ là những người chưa biết cách tu, người chưa học đạo đức làm người, người còn vô minh, ngu si, đại dột cứ để ô nhiễm sự đau khổ đó trong lòng, người không trí tuệ thường sống ngược lại với người biết tu, người có trí tuệ đạo đức nhân bản nhân quả, họ chẳng ngu gì mà để ô nhiễm sự đau khổ trong tâm như vậy, họ luôn luôn sáng suốt và nhất định dù một giây một phút cũng không để ác pháp trong tâm.

Trong cảnh động muốn tránh va chạm thì phải sống phòng hộ khẩu hành, nghĩa là phải giữ gìn miệng lưỡi, không được nói chuyện phiếm, chuyện tào lao, chuyện người khác, không có ý kiến trong tất cả mọi việc, ai làm gì mặc họ, mình chỉ biết giữ gìn tâm và ý của mình lúc nào cũng thanh thản, an lạc, vô sự, ngoài chuyện thanh thản, an lạc của tâm, nhất định mình không để ý chuyện gì khác như lời Đức Phật đã dạy: **“Chuyện mình, mình biết chuyện người, người hay”**. Biết chuyện người thì tâm bất an tức là tâm phóng dật, biết chuyện mình là để xả tâm ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp là tâm thanh thản, an lạc, đó là một

trạng thái tâm giải thoát không còn khổ đau tức là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật tức là tâm thiền định.

Người tu hành mà sống đúng cách, biết phòng hộ sáu căn, giữ gìn tâm ý không tham dự vào chuyện của ai cả thì người ấy sống độc cư trọn vẹn. Sống độc cư mà không ức chế tâm đó là đời sống của con tê ngu một sừng. Suốt ngày gặp mọi người mà không ai tác động được vào tâm tư của mình đó là sống độc cư. Có nhiều người hiểu độc cư là trốn tránh né mọi người, riêng ở trong cảnh một mình không dám gặp ai hết như lúc Đức Phật tu tập hạnh độc cư của ngoại đạo. Ngài ở trong một khu rừng hoang vắng hễ thấy bóng dáng có người là Ngài trốn chạy chưa từng để cho ai gặp mình cả, đó là độc cư ức chế tâm.

Tóm lại sống chung với mọi người nhưng không nói chuyện với ai cả, ai hỏi thì trả lời, không hỏi thì không kiếm chuyện nói, sống mà cứ lo giữ gìn tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự, đó là độc cư, độc bộ, độc hành, đó là im lặng như Thánh. Suốt ngày sống với mọi người mà chỉ có một mình, sống như vậy không bao giờ có va

chạm, đó là sống phòng hộ sáu căn giữ gìn tâm ý. Người sống được như vậy thì sự tu hành không bao lâu sẽ thành đạt, nghĩa là người ấy sẽ đạt được Thiên Định và Tam Minh một cách dễ dàng không mấy khó khăn và mệt nhọc.

Bởi vậy người biết sống độc cư như vậy là người tu đúng pháp, không bao giờ sợ sai pháp. Sống độc cư được như vậy tức là đã biết ôm pháp tu hành, lúc nào cũng không lìa pháp, vì thế tâm hồn họ thanh thản, an lạc và vô sự, đó là một trạng thái giải thoát của người tu theo Đạo Phật.



GIÁO ÁN TU TẬP QUÁ NHIỀU, KHÔNG BIẾT PHÁP NÀO TU CHO KẾT QUẢ?

Hỏi: Kính thưa Thầy, giáo án tu tập thì mệnh mang, như hiện nay con thực hiện như thế nào để đạt kết quả viên mãn trong cảnh động.

Đáp: Trong cảnh động con nên tu tập, nhưng cũng tùy theo đặc tướng của con hợp với pháp nào nên lấy pháp ấy tu hành. Nghĩa là pháp ấy có kết quả giải thoát rõ

ràng đối với bản thân của mình như:

- 1- Phòng hộ sáu căn.
- 2- Tứ vô lượng tâm.
- 3- Tứ chánh cần.
- 4- Tứ bất hoại tịnh.
- 5- Thiểu dục tri túc.
- 6- Chánh niệm tỉnh thức.
- 7- Định niệm hơi thở.
- 8- Định vô lậu.
- 9- Định sáng suốt.
- 10- Trạch pháp.
- 11- Hướng pháp.
- 12- Quán pháp.
- 13- Đoạn dứt pháp.
- 14- Viễn ly pháp.
- 15- Tùy pháp.
- 16- Nhẫn pháp.
- 17- Tịnh chỉ pháp.

18- Ưc chế pháp.

19- Xả pháp.

20- Từ khước pháp.

Trong hai mươi pháp này Thầy sẽ chọn cho con để con tu tập cho dễ dàng, về cuộc sống thì con nên chọn bốn pháp như:

1- Phòng hộ.

2- Thiểu dục tri túc.

3- Nhẫn pháp.

4- Từ khước.

Về các pháp tu tập thì con nên chọn sáu pháp như:

1- Tứ Chánh Cần.

2- Chánh Niệm Tỉnh Giác.

3- Định Niệm Hơi Thở.

4- Định Vô Lộ.

5- Định sáng suốt.

6- Pháp hướng tâm.

Trong sáu pháp này Thầy sẽ chọn gọn lại cho con để con có một pháp

duy nhất tu tập hằng ngày đêm, đó là Định Vô Lậu câu hữu với thân hành niệm nội ngoại trên bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp để ngăn ác diệt ác pháp và không cho tâm con dính mắc vào các pháp ấy.

Nếu con quyết tâm tu hành để cầu giải thoát thì các pháp duy nhất này sẽ giúp con mãn nguyện trên đường tu tập, chỉ còn tu tập đúng theo lời dạy của Thầy và có nhiệt tình quyết tâm thì thời gian không còn lâu, nếu không quyết tâm nhiệt tình thì sự tu tập không biết bao lâu mới xong.

Phải cố gắng lên con ạ! Cuộc đời chẳng có gì là của chúng ta cả, chỉ toàn là một trò ảo ảnh lừa đảo con người mà thôi, khi đã chết đi rồi, danh cũng không còn, của cải, tiền bạc châu báu ngọc ngà, còn có vật gì mà mang theo chúng ta được, thân này cũng không còn là ta, thì còn gì là ta nữa, của ta nữa thôi hết rồi chỉ còn một nghiệp lực khổ đau tiếp diễn luân hồi tái sinh rồi lại tiếp tục trò ảo ảnh của cuộc sống này nữa mãi mãi muôn đời muôn kiếp.

Tóm lại, hằng ngày con nên quan sát thân, thọ, tâm và pháp, trên bốn chỗ này có chướng ngại pháp thì con hãy mau mau đẩy lui nó khỏi thân tâm con thì ngay đó là con giải thoát, đó là một pháp duy nhất mà Thầy chọn cho con để đem lại cho con một sự giải thoát chân thật nơi tâm hồn con hãy cố gắng lên con ạ!



SẮC DỤC

Hỏi: Kính thưa Thầy, tâm sắc dục là gì? Đối trị nó như thế nào?

Đáp: Tâm sắc dục là lòng thương yêu giữa trai gái gồm có tình yêu và tình dục.

Muốn đối trị tâm này, người tu sĩ phải tu tập Định Vô Lậu, quán xét như:

- 1- Quán xét tâm sắc dục bất tịnh, uế trược, bản thủ, hôi thối, v.v...
- 2- Quán thân bất tịnh.
- 3- Quán tử thi sinh chương hôi thúi.
- 4- Quán xương trắng.

5- Quán xét tâm sắc dục trong nhân quả nối tiếp sanh tử luân hồi nhiều đời, nhiều kiếp khổ đau, không những một người mà nhiều người.

6- Quán xét tâm sắc dục trong 12 nhân duyên hợp lại tạo thành một thế giới khổ đau triền miên, bất tận.

7- Quán Tứ Diệu Đế.

8- Quán xét sắc dục trong đời sống vợ chồng nghèo đói, con cái nheo nhóc thiếu ăn thiếu mặc, không được học hành tới nơi tới chốn.

9- Quán xét sắc dục trong đời sống đôi vợ chồng gây gổ đánh nhau, chửi mắng la khóc.

10- Quán xét sắc dục trong đời sống vợ chồng ghen tuông.

11- Quán xét sắc dục khi người phụ nữ đang sanh.

12- Quán xét sắc dục khi người phụ nữ ôm con nuôi nấng cho đến lớn khôn.

Sắc dục là con đường đi tái sanh luân hồi của tất cả các loài động vật, không riêng

vì loài người, cho nên trên đời này không có người nào thoát khỏi, chỉ vì sắc dục có mùi vị dục lạc cám dỗ rất mạnh khiến cho ai cũng đắm mê.

Dục lạc của sắc dục chỉ chốc lát mà để lại cho con người biết bao nhiêu là sự khổ đau của cả một đời người.

Con đường tái sinh luân hồi ai cũng biết đó là sắc dục, muốn chấm dứt tái sinh luân hồi mà không dứt tâm sắc dục thì làm sao mà tránh khỏi tái sinh luân hồi được.

Có người bảo rằng: “Nếu mọi người trên thế gian này ai cũng ngăn chặn và tránh sắc dục thì con người trên hành tinh này sẽ không còn nữa, loài người sẽ tuyệt chủng. Nếu mọi người ai cũng không đi vào con đường sắc dục thì trong môi trường sống này sẽ có một loài động vật sanh ra nơi thanh tịnh và cao quý hơn.

Loài động vật sanh ra có bốn chỗ sanh:

- 1- Hóa sanh.
- 2- Thấp sanh.
- 3- Noãn sanh.

4- Thai sanh.

Trong bốn loại sanh này có hai loại sanh không đi vào con đường sắc dục, đó là hóa sanh và thấp sanh còn noãn sanh và thai sanh thì phải đi vào đường sắc dục. Từ thấp sanh, noãn sanh và thai sanh đi vào con đường bất tịnh ô uế bản thủ để tạo môi trường hợp duyên sản sinh các loài động vật.

Hóa sanh, các con đùng hiểu sự biến hóa ra con người, mà là sự chủ động phối hợp các duyên để sản sanh ra một con người bằng một khả năng tâm lực, mà chỉ có những người tu hành lìa khỏi các duyên hợp bất tịnh và đoạn dứt tâm dục thế gian thì mới có đầy đủ tâm lực hòa hợp các duyên trong môi trường sống tạo nên một con người hoàn thiện, hoàn thiện cả thân và tâm, có nghĩa là thân tâm của người hóa sanh thanh tịnh không còn một chút dục và ác pháp.

Như vậy trên hành tinh này sẽ có một số lượng con người được sanh ra theo sự chủ động của con người và những con người hóa sanh này sẽ có một tuổi thọ theo ý muốn của loài người.

Như chúng tôi đã nói ở trên do tâm lực mà người tu hành tạo ra khi họ còn mang thân ngũ uẩn, thân ngũ uẩn là một loại thân bất tịnh được sanh ra nơi con đường sắc dục, con đường ô uế, bản thủ.

Nếu con người toàn bộ đều chấm dứt con đường sắc dục thì thế gian này rất thanh tịnh và con người sẽ xuất hiện bằng con đường hoá sanh. Con đường hoá sanh là con đường chủ động sanh ra chứ không phải như con đường sanh sản bị động như thấp sanh, noãn sanh và thai sanh. Nếu trên thế gian này con người không sợ nạn nhân mãn cứ để tự do theo đường sắc dục mà sanh đẻ thì trái đất này sẽ không còn chỗ ở và cũng không có lấy vật gì để đủ ăn mà sống.

Kế hoạch hóa gia đình là chiến lược hàng đầu của thế giới chống nạn nhân mãn, cho nên sự sanh sản đi qua nẻo sắc dục là một sự lo lắng và đau khổ nhất của loài người, nhưng con người cứ mãi dấn đuổi trên sắc dục mà không thấy sự khổ đau, sự lo lắng, sự ưu tư mà những người trí hiểu biết đang tìm mọi cách thoát ra con đường tái sanh bản thủ nguy hiểm và đau khổ này.

Đạo Phật đã thấy được điều này, vì vậy Ngài chủ trương tuyệt dục để chấm dứt con đường thai sanh, khiến cho loài người không còn khổ đau nữa.

Nếu như vậy trên hành tinh này loài người sanh ra bằng con đường hóa sanh thì sẽ có một số lượng con người vừa đủ để sống không thừa, không thiếu. Tại sao vậy?

Vì con người chủ động sự sanh sản bằng cách hoá sanh, sanh mà không bị sắc dục lôi cuốn, sanh mà không bị sự đam mê của dục lạc, sanh mà không bị đau khổ, tự tại thật là hạnh phúc biết bao, sanh mà không bị động như ba loại sanh sản kia.

Như vậy chúng ta nên chọn lấy con đường sanh sản nào hơn, nếu chọn con đường sanh sản hóa sanh thì chúng ta phải chấm dứt con đường sanh sản bằng tình dục. Con đường sanh sản bằng tình dục là con đường sanh sản bản thủ hôi thú bất tịnh, ứ trước, khổ đau, cho nên loài người sanh ra trên hành tinh này đều vô minh dù là một nhà bác học vẫn là vô minh. Tại sao vậy?

Tại vì sanh ra từ con đường bất tịnh,

uế trước, hôi thúi, dục lạc hèn hạ, ích kỉ, dơ bẩn giữa đôi trai gái. Cho nên nhà bác học cũng còn mang bản chất vô minh, còn tự làm khổ mình khổ người, có nghĩa là nhà bác học vẫn ăn thịt chúng sanh, vẫn còn tham muốn, vẫn còn sân hận, vẫn còn buồn lo, sợ hãi, phiền não, bất toại nguyện v.v.. Những con người còn mang bản chất này là còn vô minh, u tối, đại dột, ngu si dù là họ có những bằng tiến sĩ.

Người ta cứ nghĩ rằng con người là một con vật thông minh, biết sáng tạo, sang chế ra mọi thứ vật chất để phục vụ con người, nhưng con người đã làm to dù phục vụ con người có tiện nghi như thế nào đi nữa, thì con người càng khổ đau nhiều hơn vì sự sanh, già, bệnh, chết con người không giải quyết được, cuối cùng những nhà bác học vẫn đau khổ, phiền não, bất toại nguyện vì lòng tham, sân, si trong cuộc sống của họ; họ vẫn khổ đau vì thân già yếu lụm cụp; vẫn khổ đau vì các chứng bệnh; vẫn khổ đau vì phải chết.

Hiện giờ khoa học đang ráo riết đưa ra những đề án để giải quyết sanh, già, bệnh, chết của loài người, nhưng nếu con người

còn sống trong dục thì những đề án này khó thành công.

Cách đây 2544 năm Đức Phật là người đầu tiên đưa ra đề án này để giải quyết sanh, già, bệnh, chết của loài người, đề án đó đã trở thành một chân lý của loài người **“Tứ Thánh Đế”**. Nếu con người trên hành tinh này thực hiện Tứ Thánh Đế là để giải quyết sanh, già, bệnh, chết thì phải đi về ngã hóa sanh, chứ không thể còn có con đường nào khác hơn nữa được.

Trên hành tinh này có nhà bác học nào đã thoát ra khỏi bốn sự đau khổ này chưa? Cho nên vật chất của các ông sáng tạo ra đối với người vô minh thì nó là phục vụ tiện nghi cho đời sống con người, nhưng đối với người có trí hiểu biết thì rất lo lắng nó là tai họa của loài người. Tại sao người ngu cho những phát minh sáng tạo ra vật chất phục vụ tiện nghi cho con người là hạnh phúc còn người trí thì cho là tai họa?

Tại vì người ta sanh ra nơi con đường tình dục nên phải ngu si thấy vật chất cho là hạnh phúc, chứ kỳ thực nó là một đối tượng để con người chà đạp lên nhau, xâu xé lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, làm khổ cho nhau,

trừ ra khi nào con người tránh sanh nơi con đường tình dục thì vật chất phát minh sáng tạo ra kia mới là hạnh phúc chân thật.

Đạo Phật ra đời giúp con người sanh ra bằng con đường hoá sanh, vì thế Ngài dạy chúng ta “**Ai dục**” là khổ đau, là vô thường cần phải chấm dứt. Nếu loài người ai cũng biết và hiểu được như vậy thì nên cố tránh xa con đường tình dục, vì con đường đó sản sanh ra con người u mê, ố trược, bất tịnh, vô minh, vô thường, khổ đau và luôn luôn chịu chi phối trong luật nhân quả sanh, già, bệnh, chết.



Chương II
DIỆU TÂM HỎI ĐẠO
(Ngày 9-10-1997)



CỨU ĐỘ CHA MẸ KHI ĐÃ KHUẤT BÓNG

Hỏi: Kính bạch Thầy, người tu hành đắc đạo, khi cha mẹ đã qua phần lâu rồi, có độ được hay không?

Đáp: Khi tu xong đắc Tam Minh, dùng Thiên Nhân Minh quan sát khắp cả Thế gian xem xét coi nghiệp lực cha mẹ mình đã sanh về đâu, biết được vị trí cha mẹ sanh ra và đang ở đó, nghiệp lực đó còn duyên hay đã hết duyên với mình, nếu đã hết duyên thì mình tạo duyên mới tức là gieo duyên để gặp lại cha mẹ, nếu còn có duyên cũ thì sớm muộn gì, nghiệp lực nhân quả sẽ đưa đấng cha mẹ gặp lại mình dễ dàng nhưng lại

sợ mình tu chưa chứng nên không làm sao nhận ra người được. Khi gặp nhau nghiệp lực nhân quả có sức thu hút tạo thành một thiện cảm. Nhờ đó người tu chứng dùng lời lẽ hay dùng kinh sách để giúp cho người thân của mình hiểu thông đạo đức nhân bản nhân quả làm người và tạo duyên hoặc khuyến khích độ cha mẹ tu hành thọ Bát Quan Trai và hằng ngày sống trong hành động ngăn ác diệt ác pháp để người thân của mình không tạo nhân ác luôn tạo nhân thiện. Đó chính là mình độ những người thân thương của mình có một đời sống với thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Nếu họ có duyên trong một đời này thì mình sách tấn họ trở thành những bậc xuất gia để tiến tới tu tập thiền định và Tam Minh chấm dứt sanh tử luân hồi, không còn tái sanh lại cõi thế gian này nữa.

Với việc làm này của một người tu chứng Tam Minh thì không còn khó khăn, chúng ta nhớ lại khi mẹ Đức Phật sanh Ngài ra chỉ trong vòng bảy ngày mẹ Ngài chết. Lúc bấy giờ Đức Phật được người dì nuôi nấng cho đến trưởng thành đi tu và chứng đạo. Sau khi chứng đạo Ngài quan sát thấy nghiệp lực của mẹ sanh lên cõi

Trời và mùa hạ năm đó Đức Phật đến cõi Trời để dạy mẹ mình tu hành, còn vua cha Đức Phật cũng hướng dẫn cha mình tu tập và sau khi chết được sanh lên cõi Trời.

Như vậy mẹ của Đức Phật chết gần bốn chục năm, Ngài tìm được không mấy khó khăn và độ mẹ mình tu hành, trong kinh sách còn ghi lại rõ ràng. Nếu chúng ta nỗ lực tu hành khi chứng được Tam Minh thì không lý nào một người tu sĩ đệ tử của Đức Phật lại làm ngơ trước lòng hiếu hạnh của mình sao? Đạo đức của Đạo Phật dạy rất đầy đủ sự hiếu hạnh làm người. Làm người phải nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của mẹ cha, cha mẹ phải chịu biết bao nhiêu sự khổ cực để nuôi con lớn khôn, công ấy như trời biển, không sao kể hết được.

Những người không tu theo Đạo Phật họ còn có hiếu thay, huống là những người tu theo Đạo Phật thì lòng hiếu hạnh của họ phải còn gấp trăm ngàn lần.

Những người tu theo Đạo Phật là những người biết thương mình thương người, vì Đạo Phật tu hành rất khó khăn, nếu ai không thương mình thương người thì không bao giờ tu được, bởi vì tu theo Đạo

Phật không tựa nương vào oai lực của ai cả chỉ bằng sức lực của mình, nhất là đời sống của người tu sĩ Đạo Phật phải buông xả vật chất thế gian cho thật sạch thì mới có thể ly dục ly ác pháp được, mà có ly dục ly ác pháp thì mới gọi là thương mình thương người và chính vì vậy mà họ phải thương cha mẹ họ nhiều nhất, cho nên khi tu xong, họ liền quan sát tìm cha mẹ được sanh về nơi đâu rồi tìm mọi cách để độ cha mẹ, ngõ hầu đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục cao dày ấy.



BẬC TU CHỨNG KHI NHẬP DIỆT CÓ DỪNG THA LỰC ĐỘ CHÚNG SANH KHÔNG?

Hỏi: Kính bạch Thầy, các bậc tu đạt đạo đã nhập diệt có thể thị hiện hoặc dùng tha lực để độ chúng sanh không?

Đáp: Các bậc tu chứng đã nhập diệt chỉ có thị hiện độ chúng sanh, không dùng tha lực, vì tha lực trái với Đạo Phật, trái với luật nhân quả.

Đạo Phật xây dựng giáo pháp của mình trên một nền tảng đạo đức nhân bản nhân

quả, cho nên không thể nào dùng tha lực độ người được.

Đạo Phật là một tôn giáo có một nền đạo đức công bằng và công lý không có một tôn giáo nào có một nền đạo đức hơn được.

Vì thế, cầu siêu, cầu an, tụng kinh, cúng bái, tế lễ, niệm Phật vẽ bùa đọc thần chú v.v.. là của ngoại đạo, với việc làm này Đạo Phật được xem là việc làm phi đạo đức, tà nghiệp.

Đạo Phật là một tôn giáo dạy người phải tự lực cứu mình bằng những hành động đạo đức nhân quả có nghĩa là mình muốn được an vui hạnh phúc thì không nên làm những điều ác, những điều làm khổ mình khổ người và khổ muôn loài chúng sanh, nếu làm những điều ác khổ mình khổ người, dù có cầu Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ thì cũng không bao giờ có một vị nào dám cứu độ cho một việc làm phi đạo đức như vậy. Cho nên Đạo Phật không có dùng tha lực cứu độ mà chỉ có thị hiện để dạy người sống có đạo đức và nhờ sống có đạo đức không làm khổ mình khổ người thì chính đó là đem lại sự an vui hạnh phúc cho chính bản thân mình và cho mọi người, chứ

không thể cầu ai cứu khổ cho mình được cả

Tóm lại Đạo Phật dạy không có dạy cầu tha lực, cầu tha lực là không đúng của Đạo Phật mà đó là chịu ảnh hưởng của tà giáo ngoại đạo, chịu ảnh hưởng mê tín lạc hậu của dân gian.

Bậc A La Hán hoặc Phật thị hiện để độ chúng sanh là thể hiện những đức hạnh đạo đức không làm khổ mình khổ người, sống đúng một đời sống phạm hạnh ly dục ly ác pháp, không phạm phải một giới luật nhỏ nhặt nào, thường sống thiếu dục tri túc, chứ không có thể hiện thần thông hoặc trị bệnh trừ tà yểm quỷ, như các vị giáo chủ của ngoại đạo thường dùng những danh từ “cứu dân độ thế” những danh từ cứu dân độ thế là để lừa đảo thiên hạ.

Cho nên Đạo Phật chân chánh và Đạo Phật không chân chánh chúng ta rất dễ nhận ra, nhận ra là ở chỗ tha lực và tự lực; nhận ra là ở chỗ mê tín và không mê tín; nhận ra là ở chỗ đạo đức không làm khổ mình khổ người và không đạo đức thường làm khổ mình khổ người; nhận ra là ở chỗ giới luật nghiêm trì và không nghiêm trì giới luật, phạm giới, phá giới; nhận ra là ở

chỗ cúng tế và không cúng tế ; nhận ra là ở chỗ thiếu đức tri túc và không thiếu đức tri túc; nhận ra là ở chỗ phòng hộ sáu căn và không phòng hộ sáu căn.

Vì công bằng công lý của đạo đức nhân quả nên các bậc tu chứng chỉ độ người bằng sự thị hiện để dạy đạo cho người ấy phải tự mình thấp đức lên mà đi chứ không dùng tha lực giúp họ được, dù bất cứ trường hợp nào, cho đến sự báo hiếu đối với cha mẹ cũng không dùng tha lực mà chỉ dùng duyên nhân quả để giúp cho cha mẹ hiểu rõ thiện và ác và không nên làm các điều ác luôn sống trong thiện pháp thì cha mẹ được an vui hạnh phúc, đó là độ cha mẹ giải thoát.



THẾ GIỚI SIÊU HÌNH KHÔNG CÓ, CHỈ CÓ THẾ GIỚI TƯỢNG

Hỏi: Kính thưa Thầy, Thầy xác định là không có cõi siêu hình nhưng có nhiều kinh nói đến các cõi Trời, và người ta làm được gì đều bảo là nhờ chư Thiên hoặc Tam Bảo gia hộ. Vậy có cõi mà họ không có sắc thân chăng?

Thưa Thầy! Nếu có thì họ có phải ở vào cõi siêu hình không Thầy?

Trong bãng Thầy có nói mấy ông ở cõi Trời, nhìn xuống thế gian thấy khoa học hiện đại tạo đời sống tiện nghi hơn nhiều, nên họ cũng khoái xuống trần gian. Xin Thầy giải thích cho con hiểu rõ thêm?

Đáp: Kinh Thập Nhị Nhân Duyên và kinh Pháp Môn Căn Bản đã xác định không có các cõi siêu hình (linh hồn), 33 cõi Trời toàn là các cõi tướng tri¹¹, chứ không phải là cõi liễu tri¹², cho nên những kinh khác nói đến cõi Trời hoặc cõi Địa Ngục đều chỉ là nói đến cõi Tưởng ám, cho nên nhiều người không hiểu tướng là Đức Phật nói có cõi siêu hình thật sự. Đức Phật không bao giờ tự mâu thuẫn với mình, bài kinh Pháp Môn Căn Bản đã xác định rõ ràng, tất cả cõi Trời mà Đức Phật nói ra đều là cõi tướng, cõi không có thật.

11 Tưởng tri là sự hiểu biết bằng tướng thức, không rõ ràng, cụ thể, thiết thực, nói cách khác cho dễ hiểu, có nghĩa là ý thức không thấy, hiểu, biết được, nên phải vận dụng tướng thức tưởng tượng ra để hiểu.

12 -Liễu tri là sự hiểu biết bằng ý thức rất cụ thể, rõ ràng, thiết thực, không mơ hồ, trừu tượng, ảo giác.

Khi một người còn sống là có cõi hữu hình (hữu sắc) và có cõi siêu hình (vô sắc). Khi một người mất đi thì cõi hữu hình mất và cõi vô hình cũng mất luôn.

Trong kinh điển Phật dạy: Thiện là cõi chư Thiên, ác là cõi Địa ngục, dục là cõi nhân gian. Quý Phật tử hãy đọc tập 3 Đường Về Xứ Phật, Thầy đã giải đáp về thế giới siêu hình rất rõ ràng.

Chư Thiên và Tam Bảo không có gia hộ vì gia hộ là trái với luật nhân quả (phi đạo đức), nhưng người ta thường sống theo thói quen nên hễ làm một điều gì thành công thì bảo là chư Thiên hay là Tam Bảo gia hộ chứ sự thật thì không có ai gia hộ mình cả mà chỉ có công sức của mình và những hành động làm những điều thiện sống đúng trong đạo đức nhân quả, do nhân làm thiện nên quả phải thành công tốt đẹp, nếu nhân làm ác thì quả sớm muộn gì cũng phải gặp thất bại.

Chư Thiên cũng chẳng có, cõi siêu hình cũng không có. Thầy nói mấy ông ở cõi Trời nhìn xuống thế gian... là nói mấy ông đi tu mà không dám bỏ dục lạc thế gian.

Như Thầy đã dạy ở trên: cõi Trời là cõi thiện, quý Thầy đang ở trong chùa tức là ở cõi thiện, cõi thiện tức là cõi Trời. Cõi Trời cơm ăn áo mặc rất đầy đủ không làm vẫn có ăn có mặc thế mà quý thầy còn chạy theo dục lạc thế gian ăn uống phi thời áo quần sang cả, chùa cao Phật lớn xe cộ đủ loại, tivi, tủ lạnh, máy điều hòa không khí v.v.. thế gian có vật gì thì trong chùa có vật ấy như vậy các vị có phải ở trên cõi Trời mà nhìn xuống thế gian sanh tâm ham thích không?

Có dịp Thầy sẽ giải thích thế giới siêu hình (linh hồn người chết) có hay không để các con không còn nghi ngờ. Bởi vì các hiện tượng siêu hình thường xảy ra xung quanh các con, nên làm sao người ta rõ được là không có thế giới siêu hình.

Trong việc tìm hài cốt liệt sĩ, linh hồn người chết về nhập đồng cốt để chỉ cho thân nhân tìm xương cốt, khiến cho người ta phải chấp nhận có linh hồn, mà đã có linh hồn thì phải có thế giới siêu hình, vấn đề này làm các nhà khoa học cũng điên đầu, nhưng đối với những vị tu sĩ Phật Giáo đã nhập Tứ Thánh Định vượt qua thế giới tưởng ảo

thì họ mới xác định thế giới siêu hình đúng đắn giống như Đức Phật đã dạy: ***“Thế giới siêu hình chỉ là một thế giới của tưởng tri chứ không phải liễu tri”***.

Cho nên Đức Phật dạy về thế giới cõi Trời là những người cũng sống trong cõi thế gian như chúng ta nhưng họ sống Thập Thiện, không sống trong Thập Ác.

Đạo Phật tính theo hành động đạo đức nhân quả thiện ác mà phân loại Phật, Trời Người, A Tu La và tất cả các loài chúng sanh; Phật, Trời, Người, A Tu La và tất cả các loài chúng sanh theo tiêu chuẩn như sau:

1/ Thế giới của chư Phật thì vô lậu

2/ Thế giới của chư Thiên thì Thập Thiện.

3/ Thế giới của loài người là dục giới và ngũ giới.

4/ Thế giới của A Tu La là sân và ác pháp.

5/ Thế giới của loài chúng sanh là ác pháp nhiều, thiện pháp ít

6/ Thế giới của Địa Ngục là toàn ác

pháp.

Trên đây là sáu cõi mà Đức Phật đã chỉ cho chúng ta rất cụ thể như:

1/ Người sống vô lậu là Phật.

2/ Người sống Thập Thiện là Trời

3/ Người sống giữ gìn ngũ giới là Người

4/ Người sống thường hay giận dữ là A Tu La

5/ Người sống ác nhiều thiện ít là chúng sanh mang lối người và tất cả loài chúng sanh.

6/ Người sống toàn ác là người ở cảnh giới Địa Ngục.

Sáu cõi trên đây không có cảnh giới nào là siêu hình cả. Nếu quả thật có cảnh giới siêu hình thì không phải để chúng ta hiểu, vì tri thức hữu hạn của chúng ta không cho phép chúng ta hiểu nó, thế giới đó nếu có thật sự thì chúng ta phải có trí vô hạn. Sanh ra làm người chúng ta không thể nào có trí vô hạn được, trí của chúng ta hiện giờ, đối với không gian thì bị ngăn sông cách núi, nên không thấy, không nghe, còn đối

với thời gian thì bị chia cắt quá khứ hiện tại và vị lai, cho nên con người phải phát minh ra những loại máy để xử dụng thâu ngắn không gian và ghi nhớ để hạn chế bớt thời gian chia cắt.

Nếu Đạo Phật có cõi Trời thì Đạo Phật cũng bắt chước các tôn giáo khác mà thôi, đó là đức từ khuôn mê muội và quá sợ hãi của loài người thời cổ, trước sự hùng vĩ của môi trường sống thiên nhiên.



NHẬP TỬ THIÊN CÓ PHẢI LÀ A LA HÁN KHÔNG?

Hỏi: Kính thưa Thầy, Thầy và quý Thầy tu nhập Định Tứ Thiên có phải như một A La Hán trong thời đức Phật không?

Phật và A La Hán khác nhau như thế nào?

Đáp: Người nhập xong Tứ Thiên, chứng Tam Minh là bậc A La Hán như trong thời Đức Phật còn tại thế. Phật và A La Hán không khác nhau chỗ tu hành và giải thoát. A La Hán chỉ khác Phật là chỗ Đức Phật là

Giáo Chủ, người sáng lập ra Phật Giáo.

Bởi vì Đức Phật cũng tu từ Giới, Định, Tuệ mà được giải thoát, các bậc A la Hán cũng tu từ pháp môn này mà thành tựu, cho nên sự viên mãn giải thoát phải giống như nhau. Khi tu hành giải thoát rồi thì người nào cũng như người nấy.

Chúng ta trở lại thời quá khứ của Đức Phật trong khi Ngài từ bỏ các pháp môn của ngoại đạo để tu Tứ Thánh Định và Tam Minh, nhờ giáo pháp này mà Đức Phật đã chứng đạo giải thoát, các đệ tử của Người cũng nhờ giáo pháp này chứng quả A La Hán.

Tứ Thánh Định và Tam Minh tức là Giới, Định, Tuệ, vì trong bốn thiên có giới và định, Sơ Thiên thuộc về Giới Ly dục ly ác pháp do ly dục sanh hỷ lạc, Nhị Thiên diệt tầm tứ do định sanh hỷ lạc, Tam Thiên ly hỷ tưởng và Tứ Thiên tịnh chỉ hơi thở, ba loại thiên này thuộc về định, còn Tam Minh thuộc về tuệ.

Xin quý vị đọc lại bài kinh Saccaka sẽ thấy Đức Phật tu tập Sơ Thiên cho đến Tam Minh và thành tựu viên mãn đạo giải

thoát: *“Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: “Nay thật không dễ gì chúng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này, Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua”. Rồi này Aggivessana, Ta ăn thô thực, ăn cơm chua trở lại. Nay Aggivessana, lúc bây giờ năm tỳ kheo hầu hạ Ta suy nghĩ: “Khi nào Sa Môn Gotama chứng pháp, vị ấy sẽ nói cho chúng ta biết”. Nay Aggivessana khi thấy Ta ăn thô thực, ăn cơm chua, các vị ấy chán ghét Ta, bỏ Ta và nói: “Sa Môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tinh tấn trở lui đời sống sung túc”.*

Này Aggivessana, khi Ta ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiên Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tâm có tứ. Nay Aggivessana như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Diệt tâm và tứ chứng và trú Thiên Thứ Hai, một trạng thái hỷ do định sanh không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Nay Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Ly hỷ trú xả chánh

niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền Thứ Ba. Nay Agivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Xả lạc xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền Thứ Tư, không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh. Nay Agivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”. Đến đây Đức Phật đã nhập xong bốn Thiền, tức là Đức Phật đã thực hiện được Giới và Định.

Sau khi Đức Phật thực hiện xong Giới và Định thì Ngài tiếp tục thực hiện Tam Minh: *“Với tâm định tĩnh thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc Mạng Minh Ta nhớ đến các đời sống quá khứ.....Ta dẫn tâm hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh, Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh.....Ta dẫn tâm đến Lộ tận trí Ta biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên*

nhân của khổ”.....”

Sau khi tu chứng xong, tâm Đức Phật sẽ an trú trong định nào? Chúng ta sẽ nghe Đức Phật trả lời: ***“Này Agivessana, sau khi chấm dứt buổi thuyết giảng như vậy, Ta an trú nội tâm, làm cho tịnh chỉ, làm cho nhất tâm, làm cho định tĩnh trên định tương thứ nhất ấy, và như vậy Ta sống an trú, trường cửu, vĩnh viễn”***.

Sau khi chứng đạo giải thoát, Phật và các bậc A La Hán đều giải thoát an trú giống như nhau cả, không có sự giải thoát trong Phật giáo có cao, có thấp. Không có sự tu hành giải thoát lừng chừng mà phải giải thoát tận gốc (Vô Lậu) và sự giải thoát lừng chừng là chưa giải thoát.

Ví dụ: Một người giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh mà không nhập định thì giới luật đó chỉ là ức chế tâm chứ chưa phải giải thoát, cũng như một người nhập Tứ Thánh Định mà không thực hiện Tam Minh thì cũng chưa được gọi là giải thoát, đó là ức chế tâm.

Bởi Đạo Phật có một lớp vô lậu giải

thoát mà thôi, không thể có hai ba lớp vô lậu, vì thế ai tu vô lậu là giải thoát, ai tu không vô lậu là không giải thoát. Người tu vô lậu là bậc A La Hán nên Phật cũng là A La Hán mà thôi, vì thế Phật và A La Hán không khác nhau.



BỒ TÁT QUAN THẾ ÂM

Hỏi: Kính bạch Thầy, Có nhiều kinh nói: “Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo” là chỉ cho những vị Bồ Tát phát tâm nhập thế tu hành. Vậy chư vị Bồ Tát, vì nguyện tu hành thành Phật mà xuống cõi Ta bà này để độ chúng sanh không? Nhưng sao Thầy bảo Bồ tát Quan thế âm do tưởng tượng chứ không có thật. Vậy xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cho con hiểu ý này?

Đáp: “Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo” câu nói này của kinh điển phát triển (Đại thừa). Bồ Tát là vị tu hành chưa xong mà thể hiện độ chúng sanh, chẳng khác một người mù mà dẫn dắt một đám người mù, cũng như người chưa biết lội mà cứu người chết đuối, thì làm sao mà cứu được,

chỉ có chết chung nhau cả đám mà thôi. Có người bảo rằng cứ theo kinh sách có sẵn của Đức Phật mà cứ giảng ra có sai đâu. Kinh sách là pháp môn chết nên nó không chỉ cho chúng ta kinh nghiệm được, vì thế mà các giảng sư học giả dạy đạo cho người tu là giết người bằng chứng Thầy Tổ của chúng ta đã chết một cách đau khổ bởi tu theo học giả.

Bồ Tát Quán thế âm là một sản phẩm của kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn. Thể hiện pháp luật nhân quả, phi đạo đức và phi giáo lý của Đạo Phật.

Bồ tát chỉ là một tưởng tượng của người tu chưa chứng để ra, để an ủi mình, để che đậy việc phá giới luật, để kinh doanh Phật pháp, để làm giàu trên xương máu của tín đồ, để đưa tín đồ đến chỗ mê tín, lạc hậu, luôn luôn chỉ biết cầu cạnh dựa nương vào tha lực làm mất hết nghị lực tự lực cứu mình thoát cảnh trầm luân.

Câu nói: **“Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo”** có nghĩa là đời đời nguyện làm Bồ Tát độ chúng sanh như Bồ Tát Quán Thế Âm độ hết nạn khổ của chúng sanh mới thành Phật, Bồ Tát Địa Tạng độ hết

tội nhân dưới Địa Ngục thì mới thành Phật. Chúng ta mới nghe lời nguyện ước này thật là vĩ đại, nhưng càng suy ngẫm chúng ta mới thấy là lời nói lừa đảo những tín đồ mê tín. Nạn khổ của chúng sanh do đâu mà có? Có phải do hành động ác của chúng sanh đã tạo ra không? Tội nhân dưới địa ngục có phải do làm ác của chúng sanh không? Muốn thoát nạn khổ và muốn không làm tội nhân nữa thì chỉ có duy nhất là tự chúng sanh đó đừng làm việc ác nữa, còn độ theo kiểu hai vị Bồ Tát này khiến cho chúng sanh làm ác thêm và thế gian này càng thêm rối loạn vì nạn trộm cướp và những kẻ hung dữ náo loạn gây rối trật tự an ninh.

Bồ Tát trong kinh Nguyên Thủy chỉ là một người mới tu hành chưa chứng đạo, cho nên chẳng dám dạy ai tu hành cả. Đức Phật nhắc điều này: ***“Tu chưa chứng đạo mà dạy người là giết người”***.

Bồ Tát trong kinh Đại Thừa là Bồ Tát tham danh, tu chưa tới đâu chỉ học trong mấy bộ kinh rồi tưởng giải ra làm lệch ý Phật để ra kinh sách phát triển dạy người tu hành mê tín trừu tượng ảo giác, khiến người tu hành theo Phật Giáo mà thành tu

pháp môn ngoại đạo. Cho nên quý Phật tử cần phải đề cao cảnh giác những hạng Bồ Tát danh lợi này.

Việc làm của hai vị Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng giống như con đã tràng xe cát, giống như người lấp biển.

Bồ Tát Quan Thế Âm và Bồ Tát Địa Tạng là hai vị thần của Bà La Môn, nó là một sản phẩm tưởng tượng hý luận của ngoại đạo tạo sự mê tín phi đạo đức trong dân gian mà hầu hết mọi người đều mê lầm.

---->>❖<<----

CHƠN TÂM

Hỏi: Kính bạch Thầy, ở Thường Chiếu có Thầy nhập thất trên 15 năm. Có phải vì đó ngộ được Chơn tâm và sống với nó? Hay nhập Chơn tâm rồi và nuôi dưỡng nó càng ngày càng sâu mâu hơn?

Đáp: Lẽ ra, câu hỏi này con nên hỏi Hòa Thượng Thanh Từ, vì đó là nguồn gốc của Thiên Tông Trung Hoa, chứ không phải của Phật Giáo Nguyên Thủy. Chơn tâm là sự tướng giải của kinh sách phát triển Ấn

Độ (Đại thừa), ảnh hưởng Lão giáo để ra thiên Đông Độ.

Mục đích của người tu thiên Đông Độ là kiến tánh rồi khởi tu (thấy tánh rồi mới tu) tu như vậy gọi là **“bảo nhậm”**, giữ **“ông chủ”** đó là chỗ ngộ được chơn tâm rồi mới sống với nó chứ không phải nhập chơn tâm vì đã nhập vào thì đâu còn gì phải nuôi dưỡng.

Mục đích của thiên Đông độ không phải làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi, mà chỉ nhắm vào bản thể bất biến thường hằng bốn tánh niết bàn **“thường, lạc, ngã, tịnh”**.

Nhập thất 15 năm cho đến 1000 năm tu theo Thiên Đông Độ thì chỉ có triệt ngộ các công án tức là triệt ngộ các pháp tướng hay nói cách khác là nhập vào tướng định, phát triển tướng tuệ, tu đến đây hành giả không còn biết đường nào đi tới nữa, nên tâm tham, sân, si của họ vẫn như xưa, đưng chướng ngại pháp thì hiện tướng ra liền, do đó pháp môn Thiên Đông Độ không phải là Phật Pháp nên không làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi, tu theo pháp môn này chỉ uống một đời tu hành mà thôi,

chẳng có ích lợi cụ thể thiết thực gì chỉ là một trò hý luận ảo tưởng thơ văn của những tâm hồn giàu tưởng tượng.

Còn nói về sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì một thiền sư Việt Nam danh tiếng nhất vào thế kỷ thứ XIII, Ngài Thường Chiếu đã xác định: **“Đó là bọn đại bip, một con chó sủa một bầy cho sủa theo”**.

---❧>❖<❧---

TƯỚNG UẨN

Hỏi: Kính bạch Thầy, có lần Hòa Thượng nói, có vị thiền sư khi chứng ngộ khóc rờng, nhưng cũng có vị thiền sư khi chứng ngộ cười hoài. Có phải đó là cảm xúc của người thấy được Chơn tâm không thừa thầy?

Đáp: Khóc rờng và cười hoài đó là những người tu rơi vào định tướng, tướng uẩn tác động gây cảm xúc tướng mình đã ngộ nhập vào bản thể Chơn Như (chân thật có), nên mới có những trạng thái kỳ lạ.

Sự tu hành này chính là sự ức chế ý thức khiến cho ý thức không khởi niệm

thiện cũng như niệm ác, nên ý thức ngưng bật làm cho tướng thức bắt đầu hoạt động, khi tướng thức bắt đầu hoạt động thì hành giả có những cảm giác hỷ lạc hoặc các sắc tướng, hương tướng, vị tướng, thính tướng, cho đến khi pháp tướng xuất hiện, pháp tướng xuất hiện có nhiều trường hợp xảy ra khi tâm dừng bật vọng tướng.

Có vị pháp tướng xuất hiện nhận ra Phật Tánh bằng một câu kinh, như Lục Tổ Huệ Năng *“Ứng Vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, câu này trong kinh *Kim Cang Bát Nhã*. Mã Tổ ngộ Phật Tánh bằng câu kinh: *“Tức tâm tức Phật, Phật tức tâm”* Có vị pháp tướng xuất hiện ngộ Phật Tánh bằng một câu công án của thiền sư Triệu Châu: *“Con chó có Phật Tánh hay không? –Không”*. Nhờ câu này mà Thiền Sư Huệ Khai đã ngộ được tâm *“Vô, vô, vô, vô..”*

Hoàng Bá ngộ được Phật Tánh khóc mãi, Linh Vân ngộ được Phật tánh cười hoài.

Tất cả những sự ngộ này đều do ảnh hưởng của tướng uẩn tạo ra khiến cho người khóc, kẻ cười, người la, kẻ hét, người đánh,

kẻ làm thính, gần như người điên, may là họ ngộ pháp tướng còn như vậy huống là rồi loạn thần kinh thì hết cứu chữa.



ĐỘ NGƯỜI

Hỏi: Kính bạch Thầy, xin Thầy cho con biết con của con, nó có thể thực hiện ý nguyện lấy đức độ người được không?

Đáp: Được, lấy đức độ người có hai nguyên nhân cần phải làm:

- 1- Phải trau dồi cho mình có đức hạnh.
- 2- Phải có duyên với chúng sanh và chúng sanh phải đủ phước.

Cháu có thể làm được nhưng phải có tâm nguyện lớn **“Vì mọi người xả thân”**. Lấy đức, độ người rất khó vì mình phải là tấm gương đạo đức sáng chói, nếu có một vài hành động sơ sót thì cũng gặp khó khăn.

Tâm nguyện độ chúng sanh là một điều thiện rất tốt nhưng phải biết giữ gìn tâm nguyện đó, do có sự quyết tâm và lòng thành thì tâm nguyện đó sẽ thành tựu.

Thầy rất tán đồng ý kiến và nguyện vọng của cháu, nếu đủ duyên thời tiết đến Thầy sẽ giúp cháu bằng **“giáo trình đạo đức nhân bản nhân quả”**.

---->❖<----

ÁI KIẾT SỬ

Hỏi: Người muốn đi tu mà duyên nghiệp cứ buộc ràng, không thể bỏ đi được, là do duyên gì, nhân gì, xin Thầy chỉ dạy cho con hiểu?

Đáp: Người muốn đi tu mà duyên nghiệp cứ buộc ràng, không thể bỏ đi được, có ba nguyên nhân chánh:

- 1- Nợ nhân quả quá nặng.
- 2- Thất kiết sử quá dày.
- 3- Ngũ triền cái ngăn che.

Đó là ba nguyên nhân khiến cho người muốn đi tu theo Đạo Phật rất khó vượt qua, đó cũng là ba mạng lưới bao vây kiếp con người, mãi mãi trôi lăn trong biển sanh tử, luân hồi và nhiều khổ đau trong nhiều đời nhiều kiếp.

Chỉ có người trí hiểu biết và còn phải có đủ nghị lực, can đảm, gan dạ, mới vượt ra khỏi, mới biết được những sợi dây xích kết sử tuy vô hình nhưng nó chắc hơn những sợi dây lời tói.

Diệu Tâm, con có duyên với Phật pháp, nhưng tánh con yếu đuối không thể vượt qua bức tường nhân quả, vì thế con nên tu trong chiếc áo của người cư sĩ:

1- Tu tập xả ly năm triền cái bằng đức nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng.

2- Luôn luôn trau dồi thân tâm trong mọi hành động thân, khẩu, ý bằng **“Tứ Vô Lượng Tâm”**: Đức hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả

3- Dứt bỏ 10 điều ác và cố tăng trưởng 10 điều lành.

4- Cần phải thông hiểu và nghiên cứu tường tận đạo đức nhân bản nhân quả không làm khổ mình khổ người.

5- Hằng ngày phải nhớ dùng pháp hướng tâm như lý tác ý: **“Tâm như đất, tham, sân, si phải đoạn diệt sạch”**

Người cư sĩ cần tu năm pháp môn này, thân tâm được an vui và hạnh phúc trong

cuộc sống, chẳng có đối tượng, hoàn cảnh, sự việc nào làm dao động tâm được, đó chính là nguồn giải thoát của Đạo Phật trong mọi người cư sĩ, con hãy cố gắng lên! Cố gắng lên tu tập con ạ!

Khi tu tập xả tâm như vậy, tức là con tu tập đạo đức làm người không làm khổ mình khổ người, không làm khổ mình khổ người là con đã trả vay nghiệp nhân quả của tiền kiếp, trả vay nhân quả của tiền kiếp tức là con bớt bỏ thất kiết sử, khi bớt bỏ thất kiết sử thì con không còn phóng dật, tâm con không còn phóng dật tức là tâm định trong thân con, tâm định trong thân thì tâm thường thanh thản, an lạc và vô sự, tâm thường thanh thản an lạc và vô sự thì tâm luôn luôn biết hơi thở ra vô một cách tự nhiên không bị ức chế hay bị gom tâm tập trung vào một chỗ.

Khi tâm định trên thân như vậy thì lúc bây giờ là lúc tu thiền định để nhập các định sâu hơn và khó hơn.

Còn nếu con bớt bỏ ngang mà đi tu thì dù con có tu đúng chánh pháp của Đạo Phật cũng trở thành tà pháp, tại sao vậy? Tại vì sự bớt ngang bỏ đi, đó là ức chế tâm, chứ

không phải xả tâm và như vậy con sẽ bị rơi vào tà thiên, tà định chừng đó con sẽ sống trong Tà Kiến của Ngoại Đạo rất là khó gỡ.



CÁO LỖI

Xin cáo lỗi cùng quý vị Phật tử. Sau khi đọc lại tập I, II, III Đường Về Xứ Phật, về vấn đề **“Hỏi đạo”**. Lúc bấy giờ chúng tôi trả lời cho những người đang theo tu học tại tu viện, chứ không có ý định in thành sách, chỉ nghe giảng học để tu, nhưng quý Phật tử rất quý trọng những lời giảng này nên nghe và ghi lại đánh máy in thành sách.

Chúng tôi dự định chương trình sau khi thuyết giảng xong giáo án đường lối tu tập của Đạo Phật là chúng tôi ẩn bóng, vì Đức Phật đã dạy: **“Có danh có lợi thì nên ẩn bóng”**.

Sau khi giảng xong giáo án thì chúng tôi nhận được một tài liệu do cháu Trúc một Phật tử nghe băng và đánh vi tính. Chúng tôi đọc thấy còn nhiều thiếu khuyết

nên nhuận lại thành sách nhưng vì muốn thu ngắn thời gian để đi ẩn bóng, chúng tôi nhuận lại ngắn gọn.

Sau khi sách được lưu hành thì chúng tôi nhận được rất thư của Phật tử gửi đến thưa hỏi về cách thức thực hành 37 phẩm trợ đạo của Đạo Phật. Nếu chúng tôi không trả lời mà đi ẩn bóng thì phụ lòng những người có tâm tha thiết cầu đạo với một tâm thành.

Vì thế, sau khi nhuận lại tập 1 làm sáng tỏ đường lối tu tập của Phật Giáo, thấy gần 1000 trang giấy, chúng tôi chia làm ba tập. Nếu có ai đã được đọc tập 2 và tập 3 cũ thấy tập 2 và tập 3 mới tức là tập 2 và tập 3 nhuận lại không giống tập 2, 3 cũ là gì lý do này. Như vậy chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý Phật tử.

---->❖<----

Hết tập 2

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu	5
Chương I: Hải Tâm Hối Đạo	31
(Tiếp Theo)	
Lòng Thương Vô Borr Bền	31
Của Một Vị Thầy	
Tứ Bất Hoại Tịnh	48
Tu Định Hiện Tại An Lạc Trú	66
Định Sáng Suốt	79
Khi Tu Xong, Còn	84
Tham, Sân, Si Nữa Không?	
Phiền Não Tức Bồ Đề	92
Những Pháp Môn Con Ghi Ra Đây	99
Có Đủ Chưa?	
I- Định Vô Lộ Câu Hữu Ngũ Uẩn	101
+ Sắc Uẩn	101
+ Thọ Uẩn	102
+ Tưởng Uẩn	104
+ Hành Uẩn	107
+ Thức Uẩn	109
II- Định Vô Lộ Câu Hữu Tứ Niệm Xứ	110

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC	1997
Như Thế Nào Là Định Vô lậu	110
Câu Hữu Tứ Niệm Xứ?	
+ Thân Niệm Xứ	111
+ Thọ Niệm Xứ	112
+ Tâm Niệm Xứ	112
+ Pháp Niệm Xứ	116
III- Định Vô lậu Câu Hữu	123
Tứ Chánh Cần	
IV-Định Vô lậu Câu Hữu Nhân Quả	125
+ Y Hành Thiện	127
V-Định Vô lậu Câu Hữu Tứ Diệt Đế	128
+ Chân Lý Thứ Nhất - Khổ Đế	130
+ Chân Lý Thứ Hai - “Tập Đế”	151
+ Chơn Lý Thứ Ba - Diệt Đế	174
+ Chơn Lý Thứ Tư - Đạo Đế	178
+ Nẻo Thứ Nhất - Chánh Kiến	180
+ Nẻo Thứ Hai - Chánh Tư Duy	192
+ Nẻo Thứ Ba - Chánh Ngữ	198
+ Nẻo Thứ Tư - Chánh Nghiệp	202
+ Nẻo Thứ Năm - Chánh Mạng	204
+ Nẻo Thứ Sáu - Chánh Tinh Tấn	214
+ Nẻo Thứ Bảy - Chánh Niệm	218
+ Nẻo Thứ Tám - Chánh Định	222

Đường Về Xứ Phật	Tập II
VI- Định Vô Lậu Câu Hữu - Tứ Vô Lượng Tâm	226
VII- Định Vô Lậu Câu Hữu - Tứ Bất Hoại Tịnh	228
VIII- Định Vô Lậu Câu Hữu - Định Niệm Hơi Thở	230
IX- Định Vô Lậu Câu Hữu - Pháp Bất Tịnh	231
X- Định Vô Lậu Câu Hữu - Thập Nhị Nhân Duyên	232
Tu Bao Lâu Nữa Mới Diệt Được Tâm Tứ	236
Làm Việc Biết Làm Việc Có Xả Tâm Không?	238
Không Chống Đối Va Chạm	240
Giáo An Tu Tập Quá Nhiều, Không Biết Pháp Nào Tu Cho Kết Quả?	244
Sắc Dục	248
Chương II: Diệu Tâm Hối Đạo (Ngày 9-10-1997)	257
Cứu Độ Cha Mẹ Khi Đã Khuất Bóng	257
Bậc Tu Chứng Khi Nhập Diệt	260
Có Dùng Tha Lực Độ Chúng Sanh Không?	
Thế Giới Siêu Hình Không Có, Chỉ Có Thế Giới Tưởng	263

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC	1997
Nhập Tứ Thiên Có Phải Là A La Hán Không?	269
Bồ Tát Quán Thế Âm	274
Chơn Tâm	277
Tướng Ẩn	279
Độ Người	281
Ai Kiết Sử	282
Cáo Lỗi	285



Những kinh sách của Tu Viện Chân Như đã in xong

8 tập Đường Về Xứ Phật.

2 tập Giới Đức Làm Người.

Thiền Căn Bản tập 1

Những Lời Phật dạy

Thời Khóa tu tập trong thời Đức Phật

Hành Thập Thiện

Sắp in:

Giới Đức Làm Thánh tập 1

Đạo Đức Không Làm Khổ Mình Khổ
Người tập 1

